

**THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2035**



Năm 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH TỔNG HỢP

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NĂM 2035

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG BÌNH ĐỊNH

CHỦ ĐẦU TƯ
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH
TRUNG TÂM TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Mục lục

1. MỞ ĐẦU	10
1.1 Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch	10
1.2 Căn cứ lập quy hoạch	11
1.2.1 Các văn bản pháp luật.....	11
1.2.2 Các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ.....	12
1.3 Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch	12
1.3.1 Quan điểm.....	12
1.3.2 Mục tiêu lập quy hoạch	13
1.4 Tính chất vùng	13
1.5 Giai đoạn lập quy hoạch:	13
2. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN	14
2.1 Vị trí, quy mô và giới hạn vùng quy hoạch	14
2.1.1 Phạm vi ranh giới quy hoạch:.....	14
2.1.2 Diện tích tự nhiên:.....	14
2.1.3 Quy mô dân số:	14
2.1.4 Loại hình lập quy hoạch	14
2.2 Điều kiện tự nhiên	14
2.2.1 Địa hình	14
2.2.2 Khí hậu	15
2.2.3 Thủy văn.....	15
2.2.4 Hải văn	15
2.2.5 Địa chất thủy văn	16
2.2.6 Địa chất	16
2.2.7 Địa chấn.....	17
2.3 Hiện trạng kiến trúc cảnh quan	17
2.4 Hiện trạng hạ tầng xã hội	18
2.4.1 Hiện trạng giáo dục.....	18
2.4.2 Hiện trạng công trình y tế.....	19
2.4.3 Hiện trạng các công trình thương mại	19
2.4.4 Hiện trạng trung tâm văn hóa – thể thao	19
2.5 Hiện trạng về phát triển xã hội	19
2.5.1 Hiện trạng dân số.....	19
2.5.2 Hiện trạng lao động	21

2.6	Hiện trạng sử dụng đất.....	22
2.7	Hiện trạng kinh tế.....	26
2.8	Tổng hợp hiện trạng	26
2.9	Các vấn đề cần giải quyết	27
3.	TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG	28
3.1	Dự báo dân số và lao động.....	28
3.1.1	Dự báo phát triển dân số.....	28
3.1.2	Dự báo phát triển lao động.....	30
3.2	Dự báo tỷ lệ đô thị hóa.....	30
3.3	Dự báo về đất đai	30
3.4	Lựa chọn mô hình phát triển cho vùng.....	32
3.4.1	Các luận điểm để lựa chọn mô hình phát triển vùng huyện	32
3.4.2	Mô hình phát triển.....	33
4.	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN.	34
4.1	Các nội dung điều chỉnh	34
4.2	Các nội dung điều chỉnh cụ thể	35
4.2.1	Cập nhật, bổ sung Khu công nghiệp Phù Mỹ.....	35
4.2.2	Cập nhật, bổ sung Khu bến cảng Phù Mỹ.....	35
4.2.3	Bổ sung kết nối từ Cao tốc Bắc-Nam về Khu CN và cảng Phù Mỹ	36
4.2.4	Bổ sung Khu trung tâm Logistics Phù Mỹ.....	37
4.2.5	Điều chỉnh Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây.....	38
4.2.6	Bổ sung định hướng đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V.....	39
4.2.7	Cập nhật Quy hoạch chung đầm Trà Ổ.....	40
4.2.8	Điều chỉnh tính chất phân vùng 3	41
4.2.9	Cập nhật, bổ sung dự án năng lượng tái tạo	41
5.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG	42
5.1	Khung cấu trúc phát triển không gian vùng	42
5.2	Phân vùng phát triển	43
5.2.1	Cơ sở phân vùng phát triển.....	43
5.2.2	Phân vùng phát triển.....	43
5.3	Tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn	46
5.3.1	Định hướng phát triển hệ thống đô thị.....	46
5.3.2	Định hướng phát triển các đô thị.....	47
5.3.3	Định hướng tổ chức khu dân cư nông thôn	53

5.4	Định hướng phát triển Logistics	53
5.5	Định hướng phát triển khu, cụm công nghiệp.....	54
5.6	Định hướng phát triển không gian du lịch	55
5.7	Định hướng phát triển hạ tầng xã hội.....	56
5.7.1	<i>Công trình giáo dục đào tạo.....</i>	56
5.7.2	<i>Công trình y tế.....</i>	56
5.7.3	<i>Công trình văn hóa thể dục thể thao.....</i>	57
5.7.4	<i>Công trình thương mại, chợ.....</i>	57
6.	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....	58
6.1	Định hướng giao thông	58
6.1.1	<i>Cơ sở thiết kế và nguyên tắc thiết kế.....</i>	58
6.1.2	<i>Định hướng giao thông.....</i>	59
6.2	Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt.....	62
6.2.1	<i>Cơ sở thiết kế</i>	62
6.2.2	<i>Nguyên tắc thiết kế.....</i>	62
6.2.3	<i>Định hướng phòng chống thiên tai.....</i>	62
6.2.4	<i>Định hướng cao độ nền</i>	63
6.2.5	<i>Định hướng thoát nước mưa.....</i>	64
6.3	Định hướng cấp nước	64
6.3.1	<i>Cơ sở thiết kế</i>	64
6.3.2	<i>Giải pháp chung.....</i>	64
6.3.3	<i>Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước</i>	65
6.3.4	<i>Nguồn nước.....</i>	66
6.3.5	<i>Công trình đầu mối và dự kiến phân vùng cấp nước</i>	68
6.3.6	<i>Công tác phòng cháy và chữa cháy.....</i>	71
6.3.7	<i>Khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước</i>	71
6.4	Định hướng cấp điện.....	72
6.4.1	<i>Cơ sở thiết kế</i>	72
6.4.2	<i>Quan điểm thiết kế.....</i>	72
6.4.3	<i>Chỉ tiêu cấp điện</i>	72
6.4.4	<i>Tính toán phụ tải điện.....</i>	73
6.4.5	<i>Giải pháp quy hoạch cấp điện</i>	75
6.5	Định hướng thông tin liên lạc.....	78
6.5.1	<i>Cơ sở lập quy hoạch.....</i>	78

6.5.2	<i>Chỉ tiêu quy hoạch</i>	78
6.5.3	<i>Nhu cầu thông tin liên lạc</i>	78
6.5.4	<i>Định hướng thông tin liên lạc</i>	79
6.6	Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang	81
6.6.1	<i>Các căn cứ pháp lý</i>	81
6.6.2	<i>Định hướng thoát nước thải</i>	82
6.6.3	<i>Định hướng thu gom và xử lý chất thải rắn</i>	84
6.6.4	<i>Định hướng quản lý nghĩa trang</i>	85
7.	ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC)	87
7.1	Tổng quan chung	87
7.2	Các tiêu chí môi trường	87
7.3	Đánh giá sự thống nhất giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường - Sự phù hợp với quy hoạch cấp trên	88
7.4	Xu hướng diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch ..	88
7.5	Kết luận về Đánh giá môi trường chiến lược	89
8.	CHƯƠNG TRÌNH CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ	90
9.	KIẾN NGHỊ KẾT LUẬN	93
9.1	Kết luận	93
9.2	Kiến nghị	93
10.	PHỤ LỤC	94

Danh mục hình ảnh

<i>Hình 1: Hiện trạng phân vùng cảnh quan</i>	<i>18</i>
<i>Hình 2: Hiện trạng dân số giai đoạn 2010 - 2023</i>	<i>20</i>
<i>Hình 3: Hiện trạng lực lượng lao động 2023.....</i>	<i>21</i>
<i>Hình 4: Sơ đồ mô hình phát triển huyện.....</i>	<i>33</i>
<i>Hình 5: So sánh nội dung điều chỉnh Khu CN Phù Mỹ.....</i>	<i>35</i>
<i>Hình 6: So sánh nội dung điều chỉnh Cảng Phù Mỹ.....</i>	<i>36</i>
<i>Hình 7: Bổ sung tuyến đường kết nối</i>	<i>37</i>
<i>Hình 8: Bổ sung Khu trung tâm Logistics Phù Mỹ.....</i>	<i>38</i>
<i>Hình 9: Điều chỉnh khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây</i>	<i>39</i>
<i>Hình 10: Bổ sung đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V</i>	<i>40</i>
<i>Hình 11: Cập nhật quy hoạch chung đằm Trà Ổ.....</i>	<i>41</i>
<i>Hình 12: Sơ đồ khung cấu trúc phát triển huyện Phù Mỹ.....</i>	<i>43</i>
<i>Hình 13: Sơ đồ phân vùng phát triển.....</i>	<i>46</i>
<i>Hình 14: Sơ đồ định hướng phát triển công nghiệp.....</i>	<i>55</i>
<i>Hình 15: Sơ đồ định hướng phát triển du lịch</i>	<i>56</i>
<i>Hình 16: Sơ đồ dự kiến phân vùng cấp nước.....</i>	<i>70</i>

Danh mục bảng

Bảng 1: Bảng thống kê hiện trạng dân số năm 2023	20
Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất.....	22
Bảng 3: Bảng hiện trạng đất xây dựng.....	24
Bảng 4: Phân tích S.W.O.T.....	26
Bảng 5: Bảng dự báo phát triển dân số.....	29
Bảng 6: Bảng dự báo phát triển lao động	30
Bảng 7: Dự báo diện tích đất tự nhiên và đất xây dựng đô thị theo các đơn vị hành chính.....	31
Bảng 8: Bảng dự báo đất xây dựng toàn huyện.....	32
Bảng 9: Định hướng phân loại đô thị.....	47
Bảng 10: Danh mục CCN, khu vực phát triển công nghiệp	54
Bảng 11: : Bảng Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước đến năm 2035	65
Bảng 12: Bảng Kết quả đánh giá trữ lượng nước ngầm khai thác tiềm năng	66
Bảng 13: Dự kiến phân vùng cấp nước và các nhà máy.....	70
Bảng 14: Bảng Chỉ tiêu điện sinh hoạt.....	72
Bảng 15: Bảng Chỉ tiêu điện công trình công cộng.....	73
Bảng 16: Bảng tính toán phụ tải điện.....	73
Bảng 17: tính toán điều chỉnh phụ tải công nghiệp - du lịch	74
Bảng 18: Tổng hợp phụ tải	74
Bảng 19: Bảng tổng hợp nhu cầu thông tin liên lạc	78
Bảng 20: Dự báo lượng phát thải từ nước thải đến 2035	82
Bảng 21: Bảng dự báo nguồn phát thải.....	84
Bảng 22: Bảng tiêu chí môi trường.....	87
Bảng 23: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư đợt đầu (2021 -2025)	90

Bảng kê viết tắt sử dụng trong thuyết minh

Chữ viết tắt	Chữ đầy đủ
QH	: Quy hoạch
QĐ	: Quyết định
QHV	: Quy hoạch Vùng
QHC	: Quy hoạch chung
QHCT	: Quy hoạch chi tiết
KCN	: Khu công nghiệp
KDL	: Khu Du lịch
UBND	: Ủy ban nhân dân
DA	: Dự án đầu tư
HTXH	: Hạ tầng xã hội
HTKT	: Hạ tầng kỹ thuật
TDTT	: Thể dục thể thao
TM-DV	: Thương mại dịch vụ
TP	: Thành phố
TT	: Thị trấn
QL	: Quốc Lộ
ĐT	: Đường tỉnh
PTTH	: Phổ thông trung học

1. MỞ ĐẦU

1.1 Lý do và sự cần thiết lập điều chỉnh quy hoạch

Phù Mỹ là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Bình Định; phía Bắc giáp thị xã Hoài Nhơn, phía Nam và Tây Nam giáp huyện Phù Cát, phía Tây giáp huyện Hoài Ân, phía Đông giáp biển Đông; với tổng diện tích tự nhiên 556,08km²; dân số 163.424 người¹.

Huyện Phù Mỹ có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 02 thị trấn (Phù Mỹ và Bình Dương) và 17 xã (Mỹ An, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Châu, Mỹ Đức, Mỹ Hiệp, Mỹ Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Thắng và Mỹ Trinh).

Huyện Phù Mỹ có địa hình đa dạng, gồm: đồi núi dốc, đồng bằng nhỏ hẹp, đầm nước (nước ngọt và nước lợ) và dải cát ven biển; thuộc vùng khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu Đông Trường Sơn, có hai mùa rõ rệt (mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến hết tháng 12). Hệ thống giao thông kết nối trên địa bàn huyện với các địa phương trong và ngoài tỉnh rất thuận lợi. Đường bộ có Quốc lộ 1 (đoạn qua huyện dài khoảng 34 km và tuyến tránh thị trấn Phù Mỹ dài 8,1 km), cao tốc Bắc - Nam phía Đông (đoạn qua huyện dài 19,3km); đường sắt Bắc - Nam có ga Vạn Phú (xã Mỹ Lộc) và ga Phù Mỹ (thị trấn Phù Mỹ) và các tỉnh lộ ĐT.632, ĐT.638, ĐT.639 với chiều dài đi qua địa bàn là 55,3 km. Đặc biệt, huyện Phù Mỹ có hơn 32km bờ biển là điều kiện thuận lợi trong giao thương phát triển kinh tế, xã hội; đồng thời đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ an ninh và quốc phòng.

Với nhiều tiềm năng và lợi thế như trên, nhưng đến nay huyện Phù Mỹ chưa thực sự phát triển đúng với tiềm năng và vị thế của huyện. Tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện còn thấp, chỉ đạt 11,5%; Các khu vực tiềm năng cho phát triển du lịch vẫn chưa được khai thác đúng tầm. Đặc biệt, các quy hoạch, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện cần một quy hoạch mang tính tổng thể để kết nối không gian, hạ tầng kỹ thuật và phát triển kinh tế trên toàn bộ địa bàn huyện.

Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023, trước thời điểm Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023. Theo đó, đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ còn thiếu một số nội dung so với Quy hoạch tỉnh, gồm: Khu công nghiệp Phù Mỹ, Khu bến Phù Mỹ (thuộc cảng biển Bình Định) và các dự án năng lượng tái tạo (điện gió ngoài khơi, đê gió gần bờ và điện gió trên đất liền)... Ngoài ra, qua rà soát đồ án Quy hoạch vùng huyện cho thấy định hướng thu hút đầu tư các ngành công nghiệp phụ trợ chuyển sang Khu công nghiệp Phù Mỹ thì không

¹ Theo Niên giám thống kê năm 2023 huyện Phù Mỹ.

gian phát triển công nghiệp chuyển dịch về phía Đông Bắc huyện; vì vậy, Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây, xã Mỹ Hiệp có khó khăn trong việc triển khai thực hiện quy hoạch và thu hút đầu tư nên cần điều chỉnh thành “Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến” để phát huy tiềm năng, lợi thế (quỹ đất trống, nguồn nước, thổ nhưỡng, cự ly môi trường,...) của khu vực phía Tây huyện.

Từ những vấn đề nêu trên, việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 để thống nhất theo định hướng Quy hoạch tỉnh là phù hợp theo quy định hiện hành, tuân thủ các điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 và các quy định pháp luật Nhà nước hiện hành có liên quan về quy hoạch xây dựng.

1.2 Căn cứ lập quy hoạch

1.2.1 Các văn bản pháp luật

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng

vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Căn cứ Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

- Căn cứ Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Căn cứ Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

1.2.2 Các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2021/BXD Quy hoạch xây dựng.
- Các dự án, quy hoạch và các tài liệu, số liệu liên quan của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Phù Mỹ có liên quan đến khu vực lập quy hoạch;
- Các tiêu chuẩn ngành và các tài liệu, số liệu có liên quan khác...
- Niên giám thống kê tỉnh Bình Định và huyện Phù Mỹ qua các năm; các báo cáo hàng năm của huyện;
- Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Phù Mỹ theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện;
- Quy hoạch tỉnh Bình Định đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Bảng đồ quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.
- Bản đồ quy hoạch các đô thị trên địa bàn huyện Phù Mỹ;
- Bản đồ quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn huyện;
- Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng huyện Phù Mỹ;
- Bản đồ các dự án khác có liên quan đến huyện Phù Mỹ;

1.3 Quan điểm và mục tiêu lập quy hoạch

1.3.1 Quan điểm

- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ phải trên cơ sở quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, cùng với các quy hoạch về phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch về đất đai, quy hoạch cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn toàn tỉnh và các định hướng phát triển huyện Phù Mỹ đã được cơ quan Đảng, nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện ban hành.

- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện và định hướng quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị quốc gia và quy hoạch xây dựng có liên quan được duyệt.

1.3.2 Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Bình Định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, của Tỉnh và của Huyện; điều chỉnh, bổ sung các nội dung theo định hướng của quy hoạch tỉnh, nhằm đảm bảo đồng bộ và thống nhất để làm cơ sở quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định; xác định các vùng động lực phát triển, mô hình phát triển không gian vùng; định hướng quy hoạch tổ chức không gian hệ thống đô thị, phát triển dân cư, phân loại và xác định tính chất đô thị; bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương. Định hướng phát triển văn hoá, góp phần xây dựng trung tâm văn hoá phía Nam vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và các dự án có liên quan.

1.4 Tính chất vùng

- Là vùng tổng hợp phát triển nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với phát triển năng lượng sạch; dịch vụ, du lịch; cảng biển và kinh tế biển dựa trên lợi thế hệ thống giao thông Quốc gia và của tỉnh. Là vùng kinh tế quan trọng thuộc tiểu vùng phía Bắc của tỉnh Bình Định, ngoài thị xã Hoài Nhơn. Hướng phát triển trọng tâm, như sau:

- + Phát huy vai trò, vị thế quan trọng, đô thị hạt nhân trung tâm tiểu vùng phía Bắc (bao gồm các huyện Phù Mỹ, Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân) trong hệ thống đô thị của tỉnh Bình Định;

- + Hình thành Khu công nghiệp Phù Mỹ phát triển công nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn, công nghiệp phụ trợ, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ tiên tiến gắn với phát triển kinh tế biển, chế biến nông lâm sản, dịch vụ du lịch chất lượng, có thương hiệu;

- + Phát triển du lịch sinh thái, trở thành điểm du lịch trong hành lang du lịch ven biển của tỉnh Bình Định.

1.5 Giai đoạn lập quy hoạch

- Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2035

- Tầm nhìn định hướng: Đến năm 2050

2. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN THỰC TRẠNG VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

2.1 Vị trí, quy mô và giới hạn vùng quy hoạch

2.1.1 Phạm vi ranh giới quy hoạch:

Phạm vi quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện, có 19 đơn vị trực thuộc, bao gồm 02 thị trấn và 17 đơn vị hành chính xã: Thị trấn Phù Mỹ, thị trấn Bình Dương, xã Mỹ Đức, Mỹ Châu, Mỹ Thắng, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ An, Mỹ Phong, Mỹ Trinh, Mỹ Thọ, Mỹ Hòa, Mỹ Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Quang, Mỹ Hiệp, Mỹ Tài và Mỹ Cát. Cận giới như sau:

- Phía Bắc giáp: thị xã Hoài Nhơn;
- Phía Nam giáp: huyện Phù Cát;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây giáp: huyện Hoài Ân và huyện Phù Cát.

2.1.2 Diện tích tự nhiên:

Diện tích khu vực nghiên cứu bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Phù Mỹ, khoảng 55.608,1 ha (556,08 km²).

2.1.3 Quy mô dân số:

Khoảng 163.424 người (theo Niên giám thống kê huyện Phù Mỹ năm 2023).

2.1.4 Loại hình lập quy hoạch

Tên gọi: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đến năm 2035.

Tỷ lệ bản đồ: 1/25/000.

2.2 Điều kiện tự nhiên

2.2.1 Địa hình

Huyện Phù Mỹ có địa hình phong phú gồm: Đồi núi dốc, đồng bằng thung lũng đầm phá và dải ven biển. Hướng dốc nền dạng sóng trau, dốc chủ đạo theo 2 hướng là từ trung tâm lên phía Bắc và từ trung tâm xuống phía Nam.

Đồi núi dốc: phân bố chủ yếu phía Tây của huyện và dãy núi Lớn thuộc trung tâm huyện. Cao độ các đỉnh dao động từ 300÷ 800m. Độ dốc lớn trên 35%.

Đồng bằng thung lũng: phân bố tập trung ở vùng phía Bắc, phía Nam và phía Đông huyện, bề mặt cong lõm hình lòng chảo. Cao độ nền dao động từ 1,5÷ 50,0m. Nền tương đối bằng phẳng với độ dốc thoải dưới 10%.

Đầm phá: trên địa bàn huyện có 02 đầm lớn gồm: Đầm Trà Ổ (trữ nước ngọt) và đầm Đề Gi (nước lợ).

Dải ven biển: đây là vùng đất hẹp và trải dài dọc bờ biển Đông với chiều rộng trung bình khoảng 2,0 km, chủ yếu là cồn cát, bãi cát và đất ven biển. Nền kém ổn định và dốc do chịu tác động của gió, sóng biển và hiện tượng cát bay...

2.2.2 Khí hậu

Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định thuộc vùng khí hậu Duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu Đông Trường Sơn. Có hai mùa rõ rệt mùa khô từ tháng 01 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến hết tháng 12, trong mùa mưa thường chịu ảnh hưởng các cơn bão với tần suất trung bình từ 1 - 2 cơn/năm. Một số đặc trưng khí hậu chính:

- Chế độ nhiệt: Tổng lượng bức xạ hàng năm khá cao: Từ 140 đến 150 cal/cm². Nhiệt độ trung bình hàng năm trên 26,6 0C. Nhiệt độ thấp nhất trung bình: 24,0 0C. Nhiệt độ cao nhất trung bình 30,8 0C.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm từ 1.800 mm ÷ 2.000 mm phân bố theo 02 mùa. Mùa khô kéo dài trong 7 tháng (từ tháng 2 đến tháng 8), lượng mưa thấp chỉ chiếm khoảng 10 - 15% lượng mưa của cả năm, trong đó lượng nước bốc hơi rất cao, chiếm khoảng 65 - 68% tổng lượng bốc hơi của cả năm. Ngược lại vào mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12, trong đó mưa tập trung vào tháng 9, tháng 10 và tháng 11 (chiếm từ 85 - 90% lượng mưa của cả năm).

- Độ ẩm không khí: Lượng bốc hơi bình quân hàng năm 1.187 mm. Độ ẩm không khí bình quân hàng năm 79,6%. Độ ẩm không khí tháng cao nhất 80%, thấp nhất 71%.

- Gió: mùa Đông thịnh hành gió Tây Bắc đến Bắc, mùa hạ hướng gió Đông đến Đông Nam, nhưng chiếm ưu thế trong nửa đầu mùa hạ là hướng Tây đến Tây Bắc.

***Nhận xét:** Nhìn chung, khí hậu của huyện Phù Mỹ có nhiều thuận lợi, lượng mưa không quá nhiều, mùa Đông không có nhiệt độ quá thấp, nhiều nắng rất thích hợp cho việc phát triển du lịch, năng lượng mặt trời và phát triển kinh tế.*

2.2.3 Thủy văn

Khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chế độ thủy văn đầm Trà Ô, sông La Tinh và đầm Đề Gi.

- Sông La Tinh: bắt nguồn từ sườn Đông dãy núi cao xã Cát Sơn rồi quy tụ về đầm Đề Gi trước khi thoát ra biển với tổng chiều dài sông 52,0 km, diện tích lưu vực là Flv= 739 km², Qo= 28,98 m³/s tương ứng với M= 39,22 l/s.km² và Wo= 0,91 tỷ m³.

- Ngoài nhánh sông chính La Tinh trên địa bàn huyện còn có các nhánh phụ như nhánh Kiều Duyên dài 20,0 km, diện tích lưu vực 179 km²; nhánh sông Cạn dài 20,0 km, diện tích lưu vực 61,4 km²; nhánh sông Bến Trễ (diện tích lưu vực 36 km²) chảy ra đầm Đề Gi.

- Đầm Trà Ô: có diện tích lưu vực là Flv= 206,5 km², Qo= 7,3 m³/s tương ứng với M= 359,35 l/s.km² và Wo= 0,23 tỷ m³.

2.2.4 Hải văn

Khu vực huyện Phù Mỹ chịu chế độ triều vùng biển Bình Định thuộc chế độ nhật triều không đều. Tại Quy Nhơn hàng tháng số ngày nhật triều chiếm khoảng 18 - 22

ngày, thời gian triều dâng lâu hơn thời gian triều rút. Độ lớn triều khoảng 1,2 – 1,8m; biên độ triều trung bình khoảng 0,5m.

Chế độ triều vùng đầm và các cửa sông được đánh giá là khá tương đồng với đầm Thị Nại. Qua số liệu đo đạc tại đầm Thị Nại trong các tháng 05 và 06 cho thấy: chế độ triều vùng đầm Thị Nại và cửa sông có cùng chế độ triều với vùng biển Quy Nhơn. Tuy nhiên, biên độ triều vùng đầm và cửa sông thì nhỏ hơn biên độ triều vùng biển. Cao độ đỉnh triều vùng đầm và tại trạm Quy Nhơn thay đổi không đáng kể. Chân triều vùng đầm cao hơn vùng biển từ 0,4 – 0,6m.

Do ảnh hưởng bởi mực nước triều, các vùng đất thấp ở hạ lưu các sông thường bị nhiễm mặn ảnh hưởng xấu tới sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, có thể vận dụng đặc điểm này để quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ.

2.2.5 Địa chất thủy văn

Theo đánh giá của Liên đoàn địa chất Việt Nam, nguồn nước ngầm ở Bình Định có trữ lượng không lớn, nhưng chất lượng nước ngầm khá tốt có thể sử dụng cho sinh hoạt và được phân thành 2 vùng khai thác như sau:

- Vùng có triển vọng vừa: tập trung ở vùng đồng bằng, chiều sâu khai thác có hiệu quả từ 25- 90m, trữ lượng khai thác 9.956 m³/ngày đêm.

- Vùng có triển vọng kém: Gồm nước lỗ rỗng trong các thành tạo bờ rời tập trung ở vùng ven biển, trữ lượng khai thác từ 100-1.500 m³/ngày đêm, chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu nước sinh hoạt do độ mặn và hàm lượng sắt lớn.

Như vậy, tài nguyên nước ngầm của Bình Định có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác sử dụng nước ngầm cần được nghiên cứu và tính toán cẩn thận để tránh suy thoái nguồn nước ngầm.

2.2.6 Địa chất

Khu vực có địa hình, địa vật không đồng đều nên cấu tạo địa chất cũng có sự thay đổi từng khu vực. Cụ thể như sau:

Khu vực đồng bằng thung lũng: lớp 1: đất nền; lớp 2: cát thô hạt trung độ sâu đến hơn 8m; cường độ chịu lực 1,5kg/cm²; lớp 3: đất than bùn có cường độ chịu lực 0,4kg/cm²; lớp 4: cát hạt trung chứa vỏ sò ốc R= 1,8kg/cm². Thông thường các công trình xây dựng đều làm móng nông, chiều sâu nhỏ hơn 4m.

Khu vực đồi núi phía Tây và núi Lớn chủ yếu là đá macma axit, đá cát nên nền khá ổn định và có cường độ chịu tải tốt có $R \geq 2\text{Kg/cm}^2$, thuận lợi cho xây dựng.

Khu vực đồng bằng ven biển, đầm phá chủ yếu là đất phù sa và cát, có nền kém ổn định và yếu, $R= 0.5 - 1,5\text{Kg/cm}^2$, khi xây dựng công trình trên nền đất này cần khoan thăm dò địa chất để có phương án xử lý nền móng phù hợp với công trình.

2.2.7 Địa chấn

Theo bản đồ phân vùng động đất được lập bởi nghiên cứu của Viện Vật lý địa cầu, thành phố Quy Nhơn nằm trong vùng động đất cấp 6. Khi xây dựng các công trình lớn cần tính đến kháng chấn với cấp động đất đã được cảnh báo (cấp 6).

2.3 Hiện trạng kiến trúc cảnh quan

Phân vùng cảnh quan và các điểm cảnh quan có giá trị .

a) Phân vùng cảnh quan hiện trạng

Huyện Phù Mỹ là huyện có dạng địa hình chuyển tiếp từ núi ra biển, nên cảnh quan có sự đa dạng. Có thể phân chia địa hình thành 3 vùng cảnh quan chính:

- (1) *Vùng cảnh quan đồi núi*: đặc trưng là địa hình đồi núi cao, là không gian lâm nghiệp của huyện.
- (2) *Vùng cảnh quan đồng bằng*: phân bố ở hai khu vực Bắc và Nam, là vùng định cư và sản xuất nông nghiệp của dân cư, các khu vực quần cư của làng xóm ở các vùng đất cao, xen lẫn với vùng đất nông nghiệp thấp và lưu vực sông suối.
- (3) *Vùng cảnh quan ven biển*: là không gian đặc trưng bãi cát ven biển, khu vực nuôi trồng thủy sản, nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ và hai đầm Đê Gi và đầm Trà Ổ.

b) Các điểm, khu vực cảnh quan có giá trị

Đầm Đê Gi: Do vị trí địa lý đặc thù của đầm Đê Gi được bao bọc phần đất liền, mặt nước phẳng lặng. Là vũng sâu tiếp nhận nước ngọt từ hệ thống sông, suối lớn, nhỏ phía Tây - Nam đổ vào để trung hòa rồi đổ thẳng ra cửa biển Đê Gi nên ở đây rất thuận lợi cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Ngoài ra, đầm cũng là khu vực sở hữu những giá trị hoang sơ của thiên nhiên như: Vũng Bồi, đồi cát “cỏ mỏ”...là điểm du lịch sinh thái tiềm năng.

Đầm Trà Ổ: Là đầm nước ngọt phía Đông Bắc của huyện. Cảnh quan hoang sơ và bình dị, ít bị tác động của đô thị hóa. Không gian thiên nhiên nên thơ với cánh đồng lúa xanh mướt, và những tán dừa nghiêng bóng ven đầm. Một điều rất thú vị là trong lòng đầm Trà Ổ có những hòn đảo nhỏ với thảm thực vật tươi tốt như một ốc đảo xanh quyến rũ. Đầm Trà Ổ vẫn chưa thực sự được khai thác đúng với tiềm năng, trong tương lai với giá trị vốn có, đầm Trà Ổ cần được đầu tư để trở thành điểm du lịch cấp vùng.

Mũi Vi Rồng: là một điểm cảnh quan vô cùng đặc sắc. Núi đá trải qua nhiều năm thiên nhiên kiến tạo đã hình thành hình dáng giống như đầu rồng vươn ra biển, đặc biệt khu vực chân núi hình thành dạng vòm đá nhô lên từ biển rất độc đáo, trở thành điểm thăm quan và chụp ảnh. Tuy nhiên, giao thông và hạ tầng du lịch tiếp cận với mũi Vi Rồng rất hạn chế. Để khai thác hiệu quả điểm du lịch tiềm năng này, cần có sự đầu tư bài bản và đúng hướng.

Các điểm hồ chân núi phía Tây huyện: Dọc chân núi phía Tây của huyện có khoảng 14 hồ nước ngọt, có cảnh quan hấp dẫn, các khu vực ven hồ địa thế đất cao, điểm nhìn đẹp có thể khai thác là điểm du lịch, dịch vụ ven hồ.

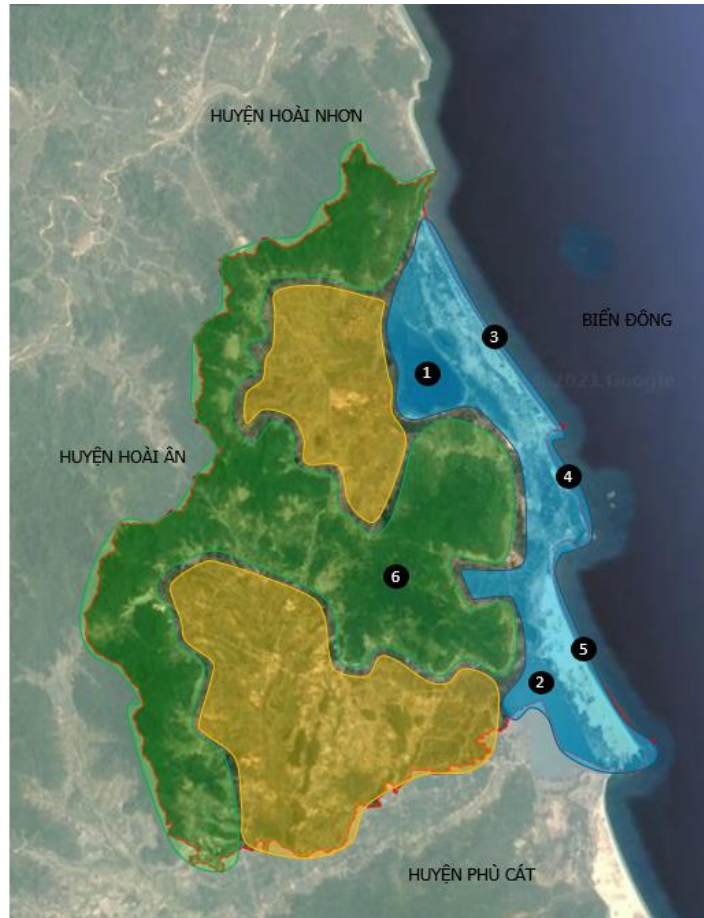
Ký Hiệu

3 vùng cảnh quan:

- Vùng đồi núi
- Vùng đồng bằng
- Vùng ven biển

Các điểm cảnh quan chính:

1. Đầm Trà Ổ
2. Đầm Đê Gi
3. Biển Mỹ Thắng
4. Biển Mỹ An
5. Biển Mỹ Thành
6. Núi Lớn



Hình 1: Hiện trạng phân vùng cảnh quan

2.4 Hiện trạng hạ tầng xã hội

2.4.1 Hiện trạng giáo dục

Toàn huyện có 70 trường học từ Mầm non đến Trung học phổ thông; trong đó: cấp học Mầm non có 21 trường (19 trường công lập và 02 trường tư thục); cấp Tiểu học có 25 trường; cấp Trung học cơ sở có 18 trường; cấp Trung học phổ thông có 06 trường.

Toàn huyện có 62/70 (tỷ lệ 88,6 %) trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó 20 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Cụ thể:

- Cấp học Mầm non: có 14/21 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 66,7 %, trong đó có 03 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Cấp Tiểu học: có 25/25 trường đạt chuẩn gia, tỷ lệ 100%, trong đó có 09 trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Cấp Trung học cơ sở: có 18/18 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 08 trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Cấp Trung học phổ thông: có 05/06 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 83,3%.

2.4.2 Hiện trạng công trình y tế

- Huyện Phù Mỹ có 01 Trung tâm Y tế tại thị trấn Phù Mỹ, 01 Phòng khám đa khoa khu vực tại thị trấn Bình Dương và 19 trạm y tế tại 19 xã, thị trấn; Tổng quy mô giường bệnh theo kế hoạch được giao hàng năm là 170 giường, thực kê 300 giường để đảm bảo đủ giường, đáp ứng đủ nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân trên địa bàn huyện.

- Trung tâm Y tế huyện hiện có 49 Bác sĩ (huyện: 35; xã: 14). Trong đó, chuyên khoa cấp II: 03 người; Thạc sĩ 04 người, Chuyên khoa cấp I: 11 người, chiếm tỷ lệ 2,88 bác sĩ/10.000 dân; có 5 dược sỹ đại học, đạt 0,29/10.000 dân.

- Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

- Tổng số lượt khám và điều trị trong những năm qua dao động từ 80.000 đến 120.000 lượt người/năm.

2.4.3 Hiện trạng các công trình thương mại

Trên địa bàn huyện Phù Mỹ có 26 chợ, trong đó có 24 chợ có trong quy hoạch, gồm 01 chợ hạng 1 (chợ Phù Mỹ, thị trấn Phù Mỹ), 04 chợ hạng 2 và 19 chợ hạng 3. Chợ Bình Dương thuộc thị trấn Bình Dương, huyện Phù Mỹ được Bộ Công thương đưa vào danh mục địa điểm quy hoạch xây dựng mới chợ hạng 1 được ban hành theo quyết định số 6481/QĐ-BCT ngày 26/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến 2015, tầm nhìn đến 2035.

Ngoài hệ thống chợ, còn có nhiều cơ sở dịch vụ - thương mại do doanh nghiệp hoặc kinh doanh hộ gia đình tại các khu trung tâm xã/thị trấn và các trục đường chính.

2.4.4 Hiện trạng trung tâm văn hóa – thể thao

Toàn huyện có 02 Nhà thi đấu đa năng tại thị trấn Phù Mỹ và thị trấn Bình Dương; có 01 sân vận động huyện và 18 sân vận động xã, thị trấn (riêng, thị trấn Phù Mỹ sử dụng chung sân vận động của huyện).

Nhận xét: Hệ thống HTXH cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của dân cư.

2.5 Hiện trạng về phát triển xã hội

2.5.1 Hiện trạng dân số

Theo Niên giám thống kê dân số huyện Phù Mỹ từ năm 2010 - 2022 cho thấy dân số huyện đang có xu hướng giảm dần theo các năm. Năm 2010 dân số huyện là 168.662 người nhưng đến năm 2020 chỉ có 161.667 người, đến năm 2023 dân số huyện

là 163.424 người (Theo niên giám thống kê chính thức của huyện Phù Mỹ năm 2023, tăng 233 người so với năm 2022). Hiện tượng giảm dân số này có thể giải thích là sự di chuyển dân cư từ huyện Phù Mỹ đến các khu vực khác để tìm kiếm việc làm trong giai đoạn trước 2020 gây ra sự thiếu hụt về nguồn lao động và kìm hãm sự phát triển kinh tế cũng như đô thị hóa của huyện. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến 2023 đã có sự phục hồi dân số đáng kể.



Hình 2: Hiện trạng dân số giai đoạn 2010 - 2023

Bảng 1: Bảng thống kê hiện trạng dân số năm 2023

T T	Tên xã/thị trấn	Dân số (người)							Diện tích (km ²)	Mật độ 2023 (người/km ²)
		2010	2018	2019	2020	2021	2022	2023		
	Toàn huyện	168662	162444	161662	161667	164231	163191	163423	556,08	294
1	TT. Phù Mỹ	11328	12239	11408	11410	11705	11624	11702	10,75	1081
2	TT. Bình Dương	5491	5938	6862	6862	7040	6992	7040	4,50	1564
3	Xã Mỹ Chánh	13629	12943	12527	12528	12711	12634	12643	22,22	569
4	Xã Mỹ Thành	10384	9868	11171	11171	11334	11263	11271	35,5	317
5	Xã Mỹ An	8161	7774	8900	8900	9030	8973	8980	24,41	368
6	Xã Mỹ Thọ	14561	13834	13822	13823	14024	13936	13946	34,37	406
7	Xã Mỹ Hiệp	13432	12763	12324	12325	12505	12427	12436	56,98	218
8	Xã Mỹ Đức	7118	6762	7492	7492	7601	7553	7559	32,39	233
9	Xã Mỹ Phong	8609	8180	7976	7976	8092	8041	8047	35,58	226
10	Xã Mỹ Trinh	6258	5948	5773	5773	5857	5820	5824	52,1	112
11	Xã Mỹ Hòa	8777	8340	7352	7352	7459	7412	7417	45,43	163
12	Xã Mỹ Châu	8274	7861	7647	7647	7758	7709	7715	31,79	243
13	Xã Mỹ Thắng	10438	9915	10413	10413	10565	10499	10507	26,84	391
14	Xã Mỹ Lộc	7206	6848	6739	6739	6837	6794	6799	36,8	185
15	Xã Mỹ Lợi	7286	6922	7060	7060	7163	7118	7123	25,73	277
16	Xã Mỹ Quang	6685	6352	6475	6475	6569	6528	6533	20,12	325
17	Xã Mỹ Tài	10169	9662	8156	8156	8275	8223	8229	28,12	293

18	Xã Mỹ Cát	6520	6195	5704	5704	5787	5751	5755	8,85	650
19	Xã Mỹ Chánh Tây	4336	4100	3861	3861	3919	3894	3897	23,6	165

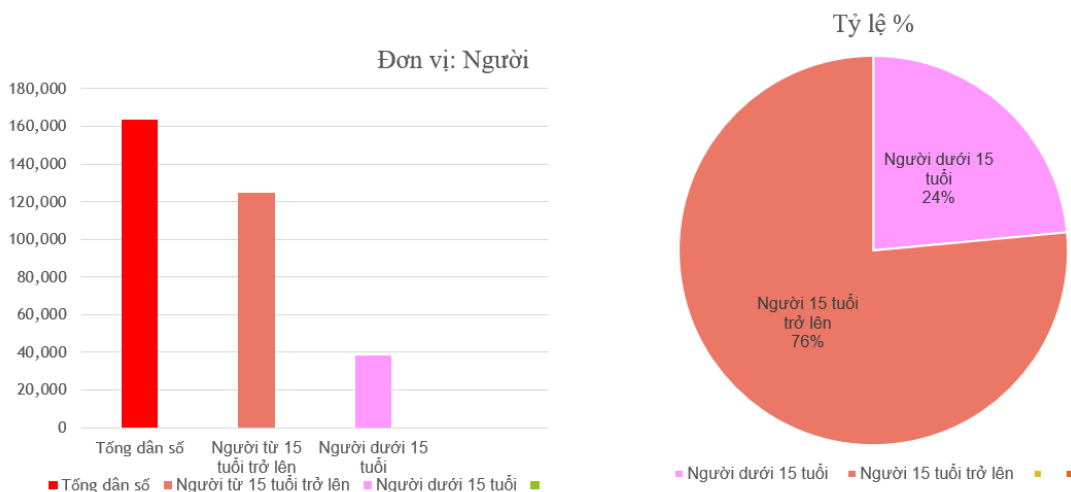
Nguồn: Niên giám thống kê huyện Phù Mỹ 2023

Theo Niên giám thống kê, dân số toàn huyện là 163.423 người (năm 2023), trong đó 81.050 nam giới, nữ giới là 82,373 người. Dân số trong khu vực đô thị là 31.385 người (TT Phù Mỹ là 11.702 người; thị trấn Bình Dương là 7.040 người; đô thị Mỹ Chánh 12.643 người – năm 2023), chiếm 19,2% dân số toàn huyện. Tỷ lệ tăng dân số toàn huyện giai đoạn 2010-2023 là -0,76%; tỉ lệ tăng dân số đô thị trung bình giai đoạn 2010-2020 là 7,2%.

Mật độ dân số toàn huyện là 294 người/km² cao hơn so với mật độ dân số toàn Tỉnh là 245,3 người/km².

2.5.2 Hiện trạng lao động

Năm 2023, lao động trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) trên địa bàn Phù Mỹ chiếm 76% số dân, đạt 125.000 người (trong đó, cơ cấu nam-nữ là 49,5% nam giới và 50,5% nữ giới).



Hình 3: Hiện trạng lực lượng lao động 2023

Như vậy, lao động chủ yếu vẫn làm việc trong các ngành nông nghiệp và sự chuyển dịch cơ cấu lao động sang các ngành kinh tế khác còn chậm.

Số lao động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng cao nhất, song tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo còn cao. Lao động có trình độ lao động trong các ngành công nghiệp chế biến là chủ yếu. Như vậy, cần có giải pháp để nâng cao hiểu biết, trình độ kỹ thuật của người lao động trong sản xuất nông nghiệp và bồi dưỡng đào tạo lực lượng lao động hàng năm nhằm cung cấp cho các khu vực phát triển công nghiệp và dịch vụ.

2.6 Hiện trạng sử dụng đất

Bảng 2: Hiện trạng sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)	55.608,1	100,0
I	Đất nông nghiệp	43.971,6	79,1
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	23.117,9	41,6
	Đất trồng cây hàng năm	18.540,7	33,3
	- Đất trồng lúa	8.736,2	15,7
	- Đất trồng cây hàng năm khác	9.772,5	17,6
	Đất trồng cây lâu năm	4.577,2	8,2
1.2	Đất lâm nghiệp	19.988,1	35,9
	Đất rừng sản xuất	7.720,6	13,9
	Đất rừng phòng hộ	12.267,5	22,1
	Đất rừng đặc dụng	0,0	0,0
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	752,7	1,4
1.4	Đất làm muối	108,4	0,2
1.5	Đất nông nghiệp khác	4,5	0,01
II	Đất phi nông nghiệp	10.155,1	18,3
2.1	Đất ở	1.229,6	2,2
	- Đất ở tại nông thôn	128,4	0,2
	- Đất ở tại đô thị	1.101,2	2
2.2	Đất chuyên dùng	4.370,8	7,9
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	165,4	0,3
	- Đất quốc phòng, an ninh	100,4	0,2
	- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	714,9	1,3
	- Đất có mục đích công cộng	3.390,3	6,1
2.3	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng	39,3	0,1
2.4	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	946,7	1,7
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	3.568,6	6,4
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	0	
III	Đất chưa sử dụng	1.481,4	2,7
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	1.408,3	2,5
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	52,9	0,1
3.3	Núi đá không có rừng cây	20,1	0,04

Nguồn: Thống kê, kiểm kê đất đai đến 31/12/2023 - Phòng Tài nguyên & MT huyện

Tổng hợp số liệu kế hoạch sử dụng đất cho thấy:

- Diện tích đất xây dựng trên toàn huyện là 6539,7 ha chiếm 10,1% tổng diện tích đất tự nhiên; bình quân đạt 456m²/ người. Trong đó:

+ Đất dân dụng 4619,9 ha chiếm 8,2% tổng diện tích đất tự nhiên (bình quân đạt khoảng 324m²/ người).

+ Đất ngoài dân dụng 1966.7 ha chiếm 3,5% tổng diện tích đất tự nhiên.

+ Đất khác: 45.453ha, chiếm 81,7% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó quỹ đất nông nghiệp là 43971,56 ha.

Bảng 3: Bảng hiện trạng đất xây dựng

TT	Loại đất	Tổng toàn huyện			Nội thị			Thị trấn Bình Dương		Thị trấn Phú Mỹ	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (A+B)	55608,1	100		1526	100		451	100	1075	100
A	Đất xây dựng	6586,8	12	367	497	33	272	162	36	335	31
I	Đất dân dụng	4785,3	9	248	323	21	177	113	25	210	20
1	Đất ở	1229,6	2	74	127	8	69	45	10	82	8
1.1	Đất ở tại nông thôn	1101,2	2		0						
1.2	Đất ở tại đô thị	128,4	0		127			45	10	82	8
2	Đất có mục đích công cộng	3390,3	5	173	191	13		67	15	123	12
3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	165,4	0	1	6	0		1	0	5	1
II	Đất ngoài dân dụng	1801,5	4	119	174	11	95	49	11	125	12
2.1	Đất quốc phòng	99,5			40	3				40	4
2.2	Đất an ninh	1,1			1	0				1	0
2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	714,9	1		48	3		20	5	28	3
2.4	Đất cơ sở tôn giáo	24,9			3	0		1	0	2	0
2.5	Đất cơ sở tín ngưỡng	14,4			2	0		1	0	1	0
2.6	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	946,7	2		44	3		9	2	35	3
B	Đất khác	49022,4	88		1029	67	563	394	87	930	87
1	Đất nông nghiệp	43972,5	79		976	64		275	61	702	65

1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	23117,9	42		974	64		275	61	700	65
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	18508,7	33		792	52		214	48	578	54
-	Đất trồng lúa	8736,2	16								
-	Đất trồng cây hàng năm khác	9772,5	18								
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	4577,2	8		183	12		61	14	122	
1.2	Đất lâm nghiệp	19989,0	36								
1.2.1	Đất rừng sản xuất	7721,0	14								
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	12268,0	22								
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0,0									
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	752,7	1		1	0				1	0
1.4	Đất làm muối	108,4			0	0					
1.5	Đất nông nghiệp khác	4,5			1	0				1	
2	Đất phi nông nghiệp khác	0,0			0						
3	Đất chưa sử dụng	1481,3	3		26	2		12		13	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	1408,3	3		26			12		13	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	52,9									
3.3	Núi đá không có rừng cây	20,1									
4	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	3568,6	6								

Nguồn: Niên giám thống kê huyện 2023

2.7 Hiện trạng kinh tế

Tổng sản phẩm xã hội (GRDP) trên địa bàn toàn tỉnh năm 2023 ước đạt 117.668,8 tỷ đồng, ước tăng 7,61% (kế hoạch tăng 7,0-7,5%), xếp thứ 17/63 địa phương cả nước, thứ 06/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 1/5 địa phương khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung.

Trong đó, giá trị tăng thêm của các ngành:

- + Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,17% (kế hoạch tăng 3,0-3,2%);
- + Công nghiệp - Xây dựng tăng 10,81% (kế hoạch tăng 9,0-9,5%); riêng công nghiệp tăng 6,82%;
- + Dịch vụ tăng 8,33% (kế hoạch tăng 7,9-8,7%);
- + Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,77% (kế hoạch tăng 9%).

Theo Báo cáo số 202-BC/HU ngày 31/7/2023 của Huyện uỷ Phù Mỹ, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2023 của huyện trung bình đạt 9,75%, trong đó: Nông, lâm, thủy sản tăng 3,44%; công nghiệp - xây dựng tăng 13,80%; thương mại, dịch vụ tăng bình quân 10,79%.

Về hoạt động thương mại dịch vụ tăng trưởng khá, dịch vụ du lịch bước đầu phát triển. Các loại hình dịch vụ được quan tâm mở rộng, chú trọng nâng cao chất lượng, có lợi thế ở địa phương như: vận tải, ngân hàng, tín dụng, bưu chính – viễn thông, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ tổng hợp, bước đầu hình thành các loại du lịch biển, du lịch sinh thái đầm, du lịch cộng đồng gắn với các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện.

2.8 Tổng hợp hiện trạng

Bảng 4: Phân tích S.W.O.T

Điểm mạnh	Điểm yếu
(1) Quỹ đất phát triển còn lớn (2) Cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn (3) Nhiều dự án cấp vùng cấp Quốc gia đặt trên địa bàn (4) Kết nối giao thông đối ngoại thuận lợi	(1) Tỷ lệ đô thị hóa còn thấp (2) HTKT còn yếu (3) Chưa có động lực đủ lớn để tạo sức lan toả (4) Phát triển thiếu đồng đều giữa các vùng. Vùng Đông phát triển hơn vùng Tây (5) Dân số giảm do sự di dân từ địa bàn huyện sang khu vực khác. (6) Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm
Cơ hội	Thách thức

<ul style="list-style-type: none"> (1) Phát triển nền kinh tế biển (2) Trở thành một điểm trong chuỗi giá trị của hành lang kinh tế ven biển (3) Cải tạo chỉnh trang đô thị cũ, xây dựng các đô thị mới (4) Xây dựng các động lực mới cho huyện Phù Mỹ nói riêng và cho tỉnh Bình Định nói chung 	<ul style="list-style-type: none"> (1) Biến đổi khí hậu tác động đối với khu vực ven biển. (2) Bảo vệ được không gian tự nhiên song song với phát triển kinh tế. (3) Tạo ra động lực mới, khai thác các giá trị riêng cho lãnh thổ.
--	--

2.9 Các vấn đề cần giải quyết

Từ việc đánh giá hiện trạng có thể đưa ra các vấn đề chính để giải quyết:

- (1) Bảo tồn hệ thống cảnh quan quan tự nhiên: đầm Đền Gi, đầm Trà Ổ các lưu vực của thủy hệ tự nhiên.
- (2) Xác định các khu vực động lực tạo ra sự lan tỏa: điện gió ngoài khơi, khu du lịch gắn với đầm Trà Ổ, các CCN chế biến thủy sản...
- (3) Khai thác hiệu quả không gian ven biển: với tiềm năng và lợi thế dải không gian ven biển cần bố trí để khai thác hiệu quả các lĩnh vực khác nhau để hạn chế xung đột lợi ích: Du lịch, Năng lượng tái tạo và chế biến thủy sản.
- (4) Tăng cường kết nối Đông Tây: là việc kết nối khu vực phía Tây của huyện, hành lang quốc lộ 1 và hành lang ven biển.
- (5) Có giải pháp kết nối không gian ven biển với tuyến Quốc lộ 1 và đường cao tốc Bắc Nam.
- (6) Phát huy giá trị cảnh quan: Đầu tiên là đầm Trà Ổ là khu vực tiềm năng, đã được định hướng là trung tâm du lịch của tỉnh trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Tiếp theo, là không gian các điểm hồ chân núi phía Tây của huyện cần được đẩy mạnh phát triển là những điểm du lịch và sản phẩm du lịch mới cho huyện
- (7) Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững.

3. TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG

3.1 Dự báo dân số và lao động

3.1.1 Dự báo phát triển dân số

a) Luận điểm dự báo

Theo tổng cục thống kê, dân số của cả tỉnh Bình Định nói chung và Phù Mỹ nói riêng đều có xu hướng giảm. Nguyên nhân dân số giảm này được giải thích là quá trình di cư đến địa phương ngoài huyện và ngoài tỉnh để tìm kiếm việc làm. Như vậy khó có sự dự báo tăng dân số đột biến.

Các động lực dự kiến kinh tế về du lịch, công nghiệp và đô thị tại địa bàn huyện sẽ làm tăng quy mô dân số, chủ yếu là tăng dân số cơ học. Một phần là dân quy đổi từ khách du lịch, vắng lai, phần còn lại sẽ là tăng dân số cơ học từ lực lượng lao động. Lực lượng lao động sẽ được xác định gồm một phần từ ngoài huyện, một phần từ chính lao động địa phương quay trở lại, giúp huyện hạn chế “chảy máu” nguồn lao động.

Sự dịch chuyển dân cư và nguồn lao động của huyện cũng theo xu hướng chung. Dân cư và nguồn lao động có xu hướng dịch cư từ các xã lân cận về các đô thị và các khu du lịch, khu công nghiệp... như vậy biến động dân cư còn xảy ra giữa các đơn vị hành chính cấp xã.

b) Dự báo phát triển dân cư

Hiện trạng dân số trong khu vực nghiên cứu quy hoạch năm 2023: 163.424 người, trong đó dân số đô thị là 18.742 người (thị trấn Phù Mỹ: 11.702 người; thị trấn Bình Dương: 7.040 người; chưa tính đến dân số có lối sống đô thị hóa khu vực giáp ranh với thị trấn Phù Mỹ, thị trấn Bình Dương và khu vực trung tâm xã Mỹ Chánh).

Tỷ lệ tăng dân số toàn huyện năm 2023 phát triển với tỷ lệ tăng tự nhiên là 0,5%/năm. Khi chưa có dịch covid, từ 2010 đến 2020 xu hướng tăng dân số trung bình giảm do tăng cơ học do nhập cư âm -0,96%/năm do những người đi lao động di cư đi làm việc và học tập không trở về. Do đó, tính đến 2022, dân số toàn huyện âm -0,63%.

Năm	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Dân số toàn huyện	162.444	161.662	161.667	164.231	163.191	163.424

(Theo niên giám thống kê huyện Phù Mỹ năm 2023)

Dự báo đến năm 2035: Khoảng 216.150 người (tăng cơ học khoảng 29,674 người là lao động thu hút từ nơi khác đến làm việc trong các Khu đô thị, Khu công nghiệp, cảng ...); dân số đô thị ước đạt khoảng 106,609 người (Ngoài các đô thị Phù Mỹ, Bình Dương, Mỹ Chánh, Mỹ Thành, sẽ thành lập thêm các đô thị mới là Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp và Mỹ Đức, Mỹ Thắng, đã đi vào vận hành khu công nghiệp Phù Mỹ, cảng biển Phù Mỹ); tỷ lệ đô thị hóa 49,3%.

Từ đó ta có dân số như sau:

Bảng 5: Bảng dự báo phát triển dân số

TT	Hạng mục	Hiện trạng		Dự báo	
		2010	2023	2030	2035
	Tổng dân số kể cả các thành phần dân số khác (người)	168,662	164,231	211,242	216,150
1	Tổng dân số đô thị và nông thôn	168,662	163,424	172,232	181,326
	Tỷ lệ tăng trung bình, %/năm		-0.22	0.30	0.47
	+ tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm		0.10	0.1	0.20
	+ tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư, %/năm		-0.32	0.20	0.27
1.1	Dân số đô thị (người)	17,832	18,742	54,600	106,609
	Dân số đô thị hiện trạng	17832	18,742		106,609
	Dân số đô thị hiện trạng trong phạm vi dự kiến phát triển nội thị đến năm 2035 (Bao gồm TT Phù Mỹ, TT Bình Dương, các xã Mỹ Chánh, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp, Mỹ Đức, Mỹ Thắng)		96,084		106,609
1.2	Dân số nông thôn		144,682		74,717
2	Dân số gia tăng do nhập cư			14,234	29,674
	Tỷ lệ tăng dân số đô thị trung bình, %/năm			1.3	4.11
	+ tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm		0.87	0.87	0.87
	+ tỷ lệ tăng do đô thị hoá, %/năm		0,62		2.88
	+ tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư, %/năm			0.5	0.36
3	Dân số khác (Sinh viên nội trú, lực lượng vũ trang, khách vắng lại, lao động con lặc v.v. = 1,5-3% dân số chính thức)		807	4,142	5,150
4	Tỉ lệ đô thị hóa (%)		11,5	25.8	49,3

3.1.2 Dự báo phát triển lao động

Bảng 6: Bảng dự báo phát triển lao động

TT	Chỉ tiêu	2023	2035
1	Dân số (người)	163.424	216.150
2	Tổng lao động trong độ tuổi lao động	125.000	151.305
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	76,2	69,9
3	Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế	115.865	151.305
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	99,6	99,8
-	Nông lâm thủy sản (người)	69.519	73.542
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	60,0	55,0
-	CN- xây dựng	28.966	55.033
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	25,0	36,4
-	TM - Dịch vụ	17.379	22.731
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	15,0	17,0
4	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	94	97
5	Tỷ lệ lao động thất nghiệp	0,4	0,3

Tổng lao động làm việc trong các ngành 125.000 người (2023). Trong đó: Lao động nông nghiệp, thủy sản: 60%; Lao động công nghiệp – xây dựng 25%; Lao động dịch vụ, thương mại: 15%.

Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế 151.305 người (2035). Trong đó dự kiến: Lao động nông nghiệp, thủy sản: 55% (73.542 người); Lao động công nghiệp – xây dựng 36,4% (55.033 người); Lao động dịch vụ, thương mại: 17% (22.731 người).

3.2 Dự báo tỷ lệ đô thị hóa

Hiện trạng dân số trong khu vực nghiên cứu quy hoạch (năm 2023): Tỷ lệ đô thị hóa 11,5%

Dự báo đến năm 2035, Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 49,3%.

3.3 Dự báo về đất đai

Dự báo diện tích đất tự nhiên và đất xây dựng đô thị theo các đơn vị hành chính xã như sau:

Bảng 7: Dự báo diện tích đất tự nhiên và đất xây dựng đô thị theo các đơn vị hành chính

		Dân số (người)		Diện tích (km ²)		Đất xây dựng (ha)		Loại đô thị			
		2023	2035	2023	2035	2023	2035	2022	2025	2035	2050
		Tổng toàn huyện									
		163.423	216.150	556	556	6586,8	8580				IV
1	Thị trấn Phù Mỹ	11.702	18.500	1.075	1.600	334,9	557	V	V (mr)	-	
2	Thị trấn Bình Dương	7.040	7.900	450	1400	162	250	V	V (mr)	-	
3	Xã Mỹ Chánh	12.643	18.000	2.222	2.222	271,3	407		V	-	
4	Xã Mỹ Thành	11.271	33.400	3.550	3.550	701,1	1700		V	-	
5	Xã Mỹ An	8.980	14.000	2.441	24,41	268,6	655			V	
6	Xã Mỹ Thọ	13.946	18.150	3.437	34,37	369,9	652			V	
7	Xã Mỹ Hiệp	12.436	15.300	5.698	5.610	759,8	920			V	
8	Xã Mỹ Đức	7.559	9.700	3.239	3.239	273,4	330			V	
8	Xã Mỹ Phong	8.047	8.100	3.558	3.558	307,2	320				
9	Xã Mỹ Trinh	5.824	5.900	5.210	5.047	305,2	362				
10	Xã Mỹ Hòa	7.417	7.400	4.543	4.543	283,4	305				
12	Xã Mỹ Châu	7.715	7.700	3.179	3.179	213,5	237				
13	Xã Mỹ Thắng	10.507	13.500	2.684	2.684	392,36	391			V	
14	Xã Mỹ Lộc	6.799	6.800	3.680	3.680	358,7	322				
15	Xã Mỹ Lợi	7.123	7.200	2.573	1.668	210,6	240				
16	Xã Mỹ Quang	6.533	6.600	2.012	1.740	207,5	166				
17	Xã Mỹ Tài	8.229	8.200	2.812	2.812	357,9	374				
18	Xã Mỹ Cát	5.755	5.800	885	885	156,5	204				
19	Xã Mỹ Chánh Tây	3.897	4.000	2.360	2.360	131,1	188				

Trong đó:

Mở rộng hai thị trấn hiện hữu là Phù Mỹ và Bình Dương:

+ Mở rộng thị trấn Phù Mỹ với tổng diện tích là 16 km², tăng 5,25 km² từ các xã Mỹ Trinh, Mỹ Quang và Mỹ Hiệp.

+ Mở rộng thị trấn Bình Dương với tổng diện tích 12 km², tăng 9,5km² từ xã Mỹ Lợi.

- Đất xây dựng toàn huyện: Hiện trạng năm 2023 khoảng 6586,8ha, đến năm 2035 khoảng 8.580 ha (tăng khoảng 1232 ha so với quy hoạch đã phê duyệt là 7.348ha, do bổ sung thêm đất xây dựng KCN Phù Mỹ và cảng Phù Mỹ, khu Logistic).

- Đất xây dựng đô thị: Hiện trạng khoảng 496 ha, đến năm 2035 khoảng 5.862 (tăng khoảng 1.485 ha đất phát triển đô thị so với quy hoạch đã phê duyệt là 4.377ha, do bổ sung thêm đất xây dựng KCN Phù Mỹ và Cảng Phù Mỹ, bổ sung thêm đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V giai đoạn ngoài 2035).

- Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn: Hiện trạng khoảng 5.568,9ha; đến năm 2035 khoảng 2.718 ha, giảm so với hiện trạng khoảng 2.850,9ha do chuyển đổi một số xã thành đô thị loại V.

Bảng 8: Bảng dự báo đất xây dựng toàn huyện

TTT	Thành phần	Đất xây dựng (ha)	
		2023	2035
1	Tổng toàn huyện	6586,8	8580
2	Khu vực đô thị	496	5.862
3	Khu vực nông thôn	5.568,9	2.718

3.4 Lựa chọn mô hình phát triển cho vùng

3.4.1 Các luận điểm để lựa chọn mô hình phát triển vùng huyện

Có thể nhận thấy rằng huyện Phù Mỹ đang phát triển kinh tế dựa 2 hành lang kinh tế chủ đạo QL1 và hành lang ven biển. Các đô thị, các động lực kinh tế và các dự án chủ yếu vẫn tập trung trên hai hành lang kinh tế chủ đạo này. Thực tế, 2 tuyến này vẫn đang là hành lang kinh tế chủ đạo trong phát triển kinh tế của không chỉ của tỉnh Bình Định mà toàn bộ các tỉnh ven Biển. Do đó, mô hình phát triển không gian vùng vẫn cần coi hai hành lang này là yếu tố chủ đạo.

So với khu vực phía Đông huyện, khu vực phía Tây kém phát triển, nguyên nhân là kết nối giao thông yếu, chưa khai thác các tiềm năng hiện hữu. Vùng Tây, đang sở hữu chuỗi các điểm hồ chân núi, cảnh quan hấp dẫn mang nhiều giá trị khai thác du lịch nhưng mới chỉ dừng lại khai thác chức năng là hồ thủy lợi. Như vậy, mô hình phát triển huyện cần phát triển cả khu vực phía Tây của huyện với lợi thế tiềm năng trên.

Bên cạnh đó, xuất hiện các yếu tố động lực mới là Khu công nghiệp Phù Mỹ (820ha) giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động và cảng Phù Mỹ (257ha) thuộc nhóm cảng biển số 3. Đến năm 2030 hàng hóa thông qua cảng từ 160 đến 187 triệu tấn

(hàng container đạt từ 2,5 đến 3,1 triệu TEU, chưa bao gồm hàng trung chuyển quốc tế). Những yếu tố kinh tế mới cũng tác động đến mạng lưới giao thông Đông, Tây, từ đó hình thành nhu cầu nâng cấp các tuyến đường quan trọng.

3.4.2 Mô hình phát triển

Từ các luận điểm trên, mô hình phát triển huyện được xác định dựa trên 2 hành lang kinh tế chủ đạo và 01 vành đai du lịch khép kín:

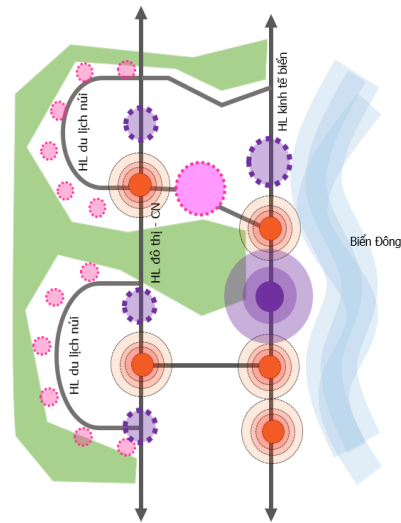
Lấy hành lang tuyến đường ven biển là hành lang kinh tế biển: tập trung các trung tâm đô thị, CCN, cảng, khu vực phát triển năng lượng tái tạo.

Hành lang QL1 là hành lang công nghiệp và đô thị: Tập trung các đô thị, CCN, KCN

Vành đai du lịch khép kín kết nối toàn bộ điểm du lịch ven biển Đông và Tây của huyện.

Các trung tâm đô thị, công nghiệp được gắn kết nhờ các hành lang và vành đai.

Các tuyến giao thông Đông Tây sẽ hỗ trợ cho việc kết nối các hành lang kinh tế Bắc Nam này với nhau và kết nối các khu vực động lực kinh tế mới, với vai trò gia tăng cầu các tuyến đường Lạc Sơn – Tân Phụng và tuyến 632.



Hình 4: Sơ đồ mô hình phát triển huyện

4. CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH VÙNG HUYỆN PHÙ MỸ ĐẾN NĂM 2035.

4.1 Các nội dung điều chỉnh

Qua kiểm tra, rà soát nội dung điều chỉnh đồ án quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định đến năm 2035 gồm điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất một số khu chức năng, điều chỉnh bổ sung 1 số công trình hạ tầng kỹ thuật trọng tâm của huyện. Việc điều chỉnh quy hoạch là điều chỉnh tổng thể do có sự bổ sung, thay đổi chức năng sử dụng đất. Các nội dung điều chỉnh bao gồm:

- **Bổ sung Khu công nghiệp Phù Mỹ:** Cập nhật vị trí, ranh giới và quy mô Khu công nghiệp (KCN) Phù Mỹ với quy mô diện tích khoảng **820,93 ha**

- **Bổ sung Khu bến cảng Phù Mỹ:** Cập nhật vị trí, ranh giới và quy mô Khu bến Phù Mỹ - Cảng biển Bình Định, Diện tích vùng đất cảng thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Thọ khoảng 257 ha.

- **Bổ sung tuyến kết nối từ CT Bắc Nam về KCN và cảng Phù Mỹ**

- **Bổ sung Khu trung tâm Logistics Phù Mỹ:** Bổ sung quỹ đất xây dựng hạ tầng Trung tâm Logistics Phù Mỹ với quy mô diện tích 137,6 ha, thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Trinh.

- **Điều chỉnh Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây:** Điều chỉnh Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây, xã Mỹ Hiệp (175ha) thành Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- **Bổ sung định hướng đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V:** Đề xuất hướng đến xã Mỹ Thắng sau năm 2030 thành đô thị loại V. Kiến nghị sẽ tiến hành rà soát và cập nhật vào Quy hoạch Tỉnh Bình Định giai đoạn sau 2030.

- **Cập nhật Quy hoạch chung Đầm Trà Ô:** Theo QH 2023, “Thành lập khu bản tồn đầm Trà Ô”. QH điều chỉnh VH 2024 thay đổi thành Vùng hạn chế phát thải và là vùng “đất ngập nước quan trọng” của tỉnh. Quy hoạch chung đầm Trà Ô đang được lập với tính chất là định hướng phục hồi hệ sinh thái đầm Trà Ô và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nội dung cụ thể sẽ được nghiên cứu ở các bước tiếp theo.

- **Điều chỉnh tính chất phân vùng 3:** Hình thành trung tâm công nghiệp đa ngành và cảng biển tại khu vực xã Mỹ An và xã Mỹ Thọ; phát triển công nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn, công nghiệp phụ trợ, năng lượng tái tạo; dịch vụ logistics; chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến;

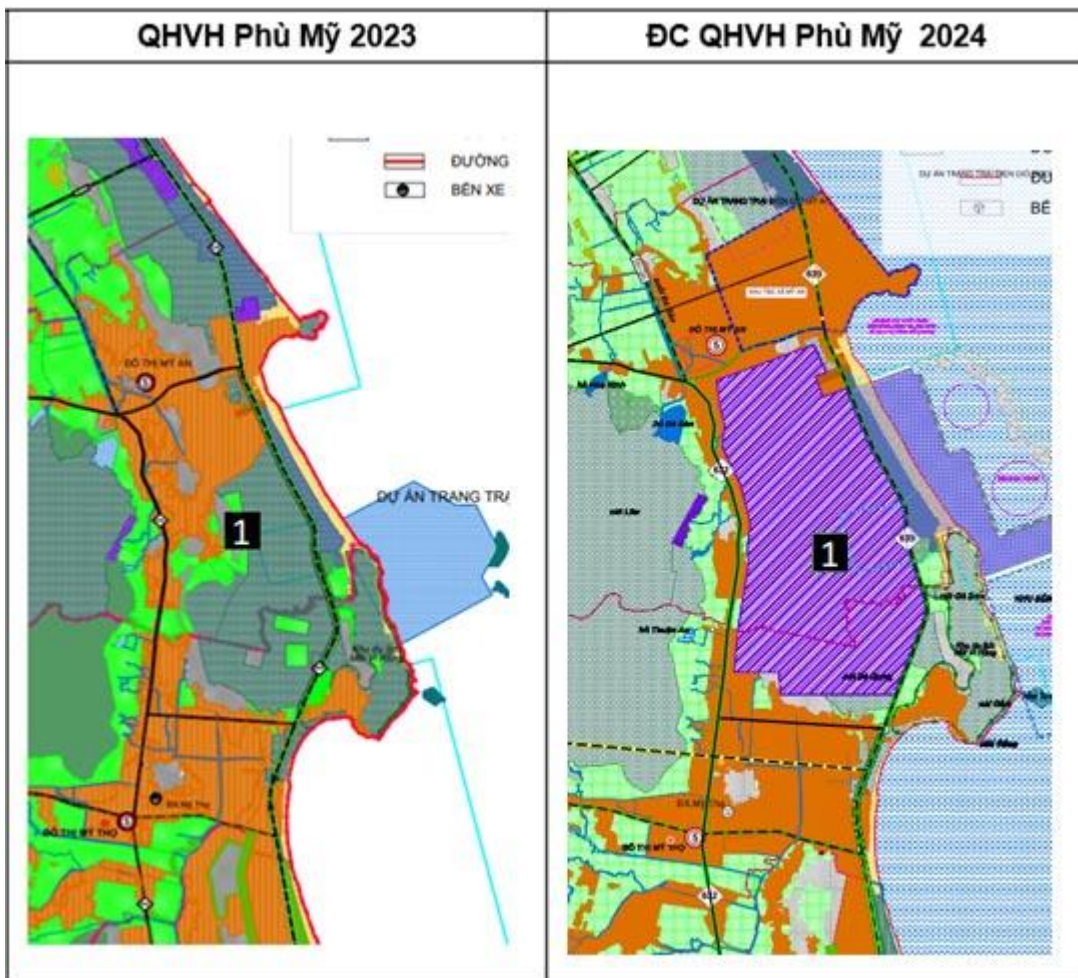
- **Bổ sung các dự án năng lượng tái tạo:** Cập nhật vị trí và quy mô công suất dự kiến các nhà máy theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt, gồm: Dự án điện gió ngoài khơi Hòn Trâu công suất 2.000MW, Nhà máy điện gió Mỹ Đức, Nhà máy điện gió Mỹ Thành và các dự án điện gió trên đất liền gồm: Nhà máy điện gió Mỹ Chánh và Nhà máy điện gió Mỹ An.

4.2 Các nội dung điều chỉnh cụ thể

4.2.1 Cập nhật, bổ sung Khu công nghiệp Phù Mỹ

Cập nhật vị trí, ranh giới và quy mô Khu công nghiệp (KCN) Phù Mỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 tại Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 03/3/2024, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đang tổ chức lập đề án báo cáo xin ý kiến UBND tỉnh, với quy mô diện tích khoảng 820,93 ha (giảm 19,57ha so với Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt; trong đó: thuộc địa phận xã Mỹ An 627,22 ha; thuộc địa phận xã Mỹ Thọ 193,71ha).

Tính chất: Là Khu công nghiệp tập trung, đa ngành với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện đại, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh, phục vụ thu hút các dự án đầu tư có các ngành nghề theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của huyện.



Hình 5: So sánh nội dung điều chỉnh Khu CN Phù Mỹ

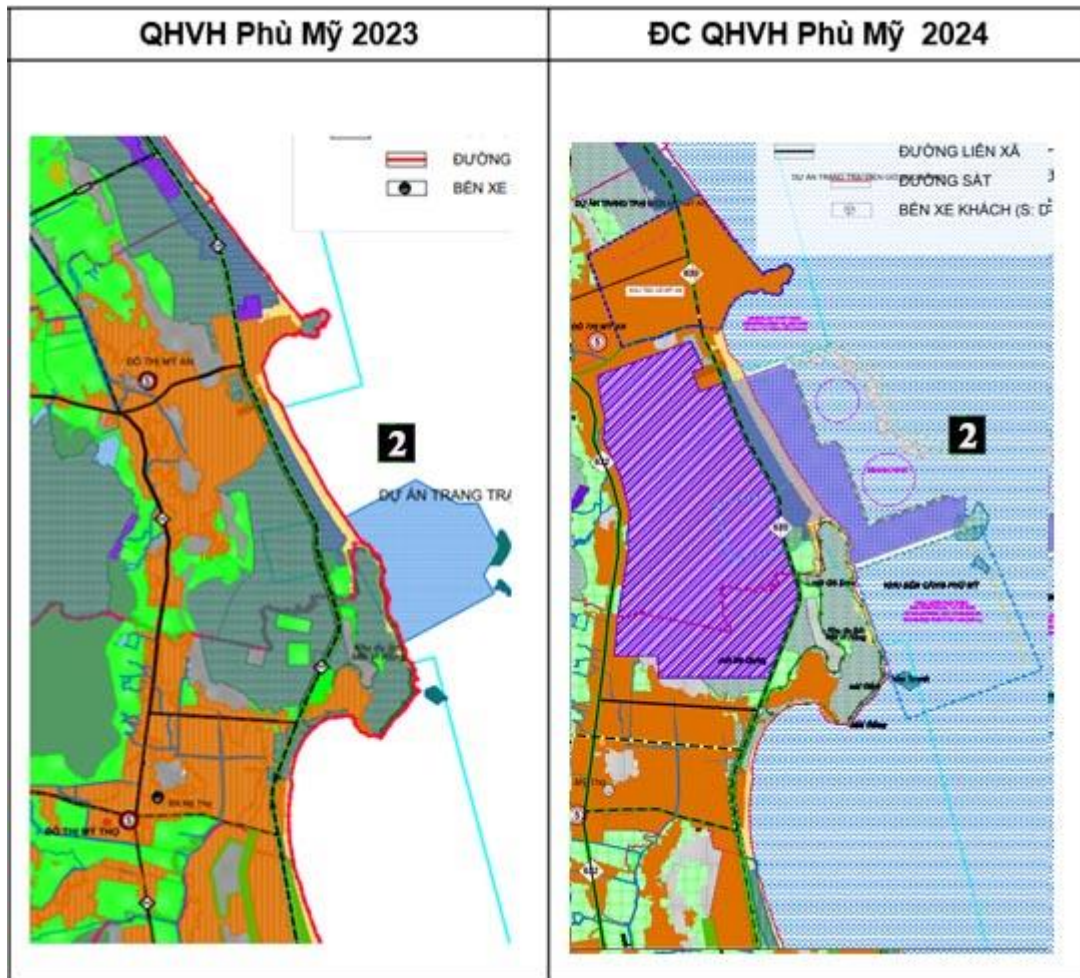
4.2.2 Cập nhật, bổ sung Khu bến cảng Phù Mỹ

Cập nhật vị trí, ranh giới và quy mô Khu bến Phù Mỹ - Cảng biển Bình Định, theo quy hoạch chi tiết “phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” do Cục Hàng hải Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải quy hoạch.

Diện tích vùng đất cảng thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Thọ khoảng 257 ha, vùng nước khoảng 1.070 ha.

Khu bến Phù Mỹ thuộc Nhóm cảng biển số 3. Đến năm 2030 hàng hóa thông qua cảng từ 160 đến 187 triệu tấn (hàng container đạt từ 2,5 đến 3,1 triệu TEU, chưa bao gồm hàng trung chuyển quốc tế); hành khách từ 3,4 đến 3,9 triệu lượt khách.

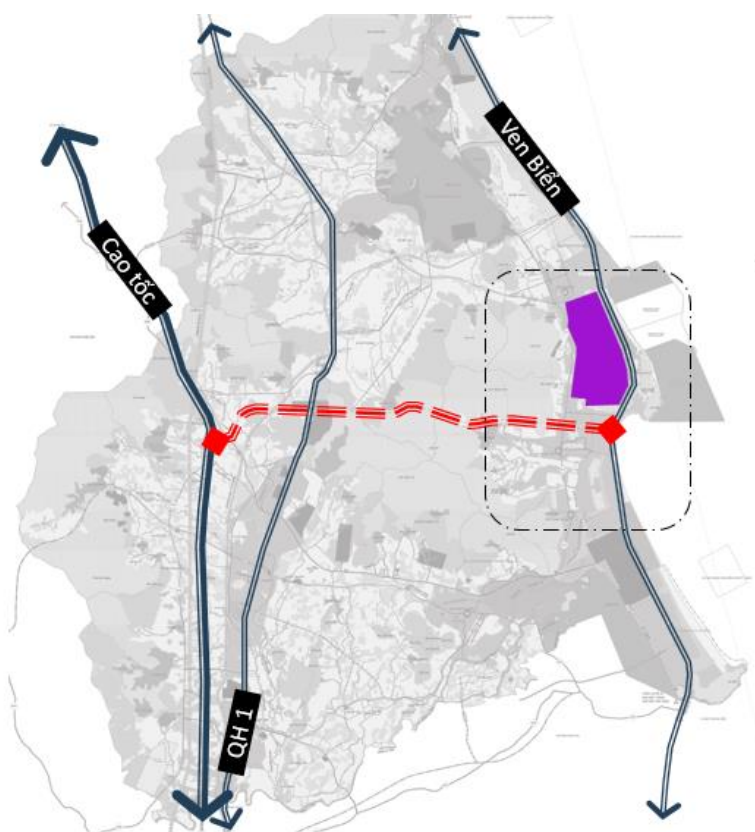
Tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng nhu cầu thông qua hàng hóa với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng từ 4,5 đến 5,5%/năm; hành khách tăng trưởng bình quân khoảng từ 1,7 đến 1,8%/năm.



Hình 6: So sánh nội dung điều chỉnh Cảng Phù Mỹ

4.2.3 Bổ sung tuyến kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp và cảng Phù Mỹ

Tuyến đường này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc lưu chuyển hàng hoá nhanh chóng giữa mạng lưới giao thông quốc gia đến vùng động lực phát triển kinh tế phía Đông của huyện Phù Mỹ và cảng biển, thúc đẩy sự phát triển những khu vực dọc theo tuyến đường kết nối.

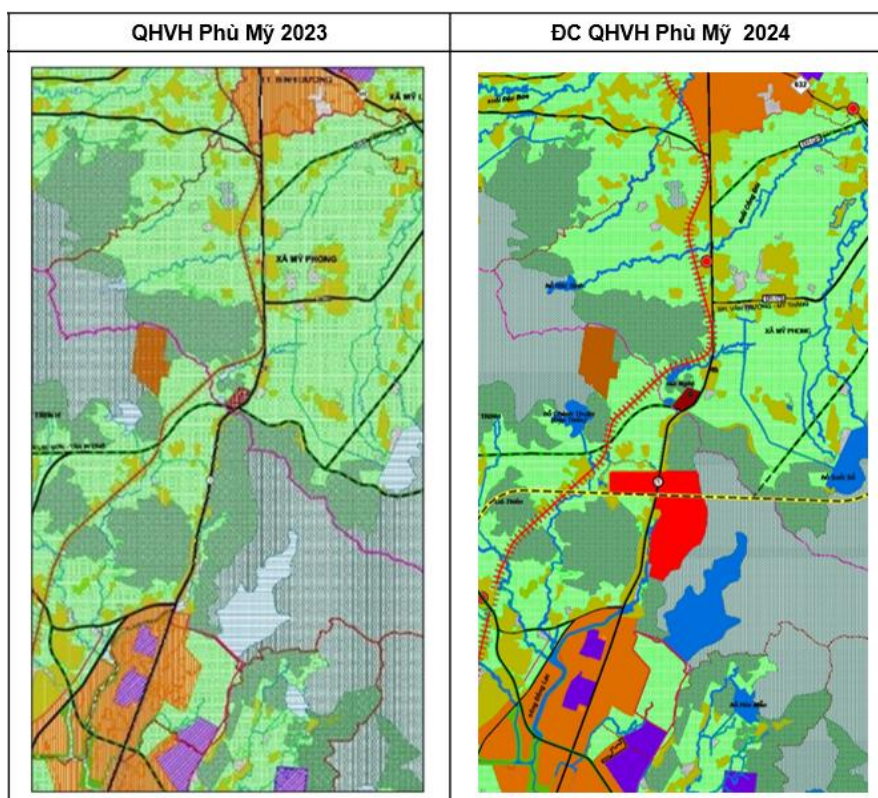


Hình 7: Bổ sung tuyến đường kết nối

4.2.4 Bổ sung Khu trung tâm Logistics Phù Mỹ

Bổ sung quỹ đất xây dựng hạ tầng Trung tâm Logistics Phù Mỹ với quy mô diện tích 137,6 ha, thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Trinh.

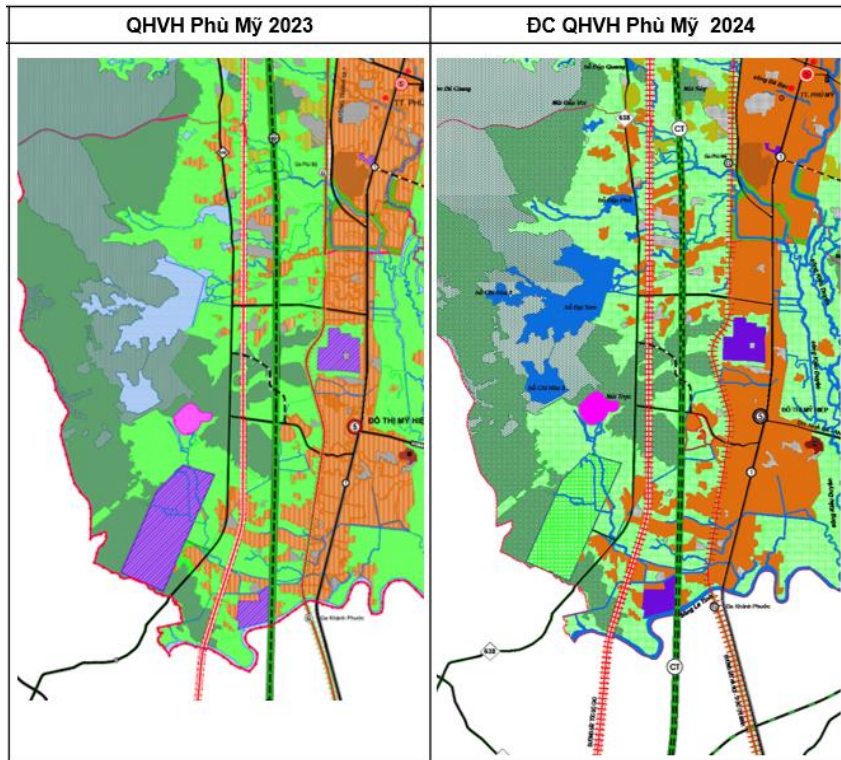
Mục đích: nhằm cung cấp chuỗi dịch vụ logistics tích hợp bao gồm logistics đầu vào và đầu ra từ dòng nguyên vật liệu đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng cuối cùng, thông qua các hoạt động thu mua, lưu kho, bảo quản, vận tải, giao - nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan, tập trung container rỗng và các dịch vụ giá trị gia tăng khác như: đóng gói, dán nhãn, chế biến, lắp ráp, thu hồi... Trong phạm vi khu vực quy hoạch bố trí khu vực quản lý nhà nước liên quan đến hải quan, thuế, trung tâm kiểm định chuyên ngành...



Hình 8: Bổ sung Khu trung tâm Logistics Phù Mỹ

4.2.5 Điều chỉnh Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây

Điều chỉnh Khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây, xã Mỹ Hiệp (175ha) thành Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhằm thu hút các dự án đầu tư phát triển ngành nông nghiệp (sản xuất cây giống, hình thành khu chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung ứng dụng công nghệ mới, ...), cung cấp các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cho các đô thị trên địa bàn.



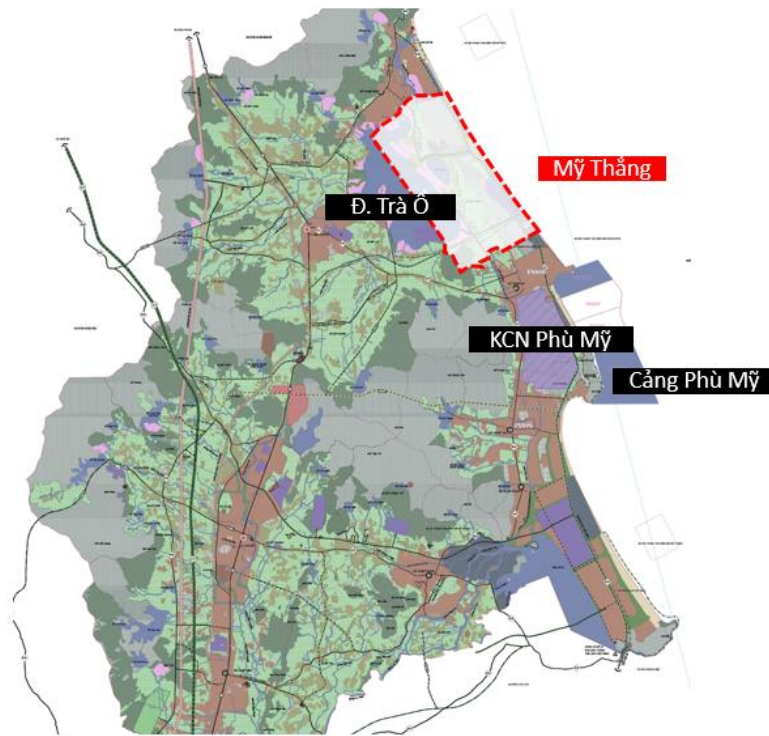
Hình 9: Điều chỉnh khu vực phát triển công nghiệp Vạn Phước Tây

4.2.6 Bổ sung định hướng đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V

Căn cứ vào vị trí quan trọng của xã Mỹ Thắng trong tuyến đường ven biển kết nối KCN, cảng Phù Mỹ ở phía Nam và thị xã Hoài Nhơn ở phía Bắc, cũng như vai trò là khu vực tiếp giáp trực tiếp với đầm Trà Ổ được xác định trong Quy hoạch chung đầm Trà Ổ, đề xuất hướng đến xã Mỹ Thắng sau năm 2030 thành đô thị loại V.

Giai đoạn sau năm 2030 hình thành mới 04 đô thị loại V, gồm xã Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp, Mỹ Đức và Mỹ Thắng.

Kiến nghị sẽ tiến hành rà soát và cập nhật vào Quy hoạch Tỉnh Bình Định giai đoạn sau 2030.

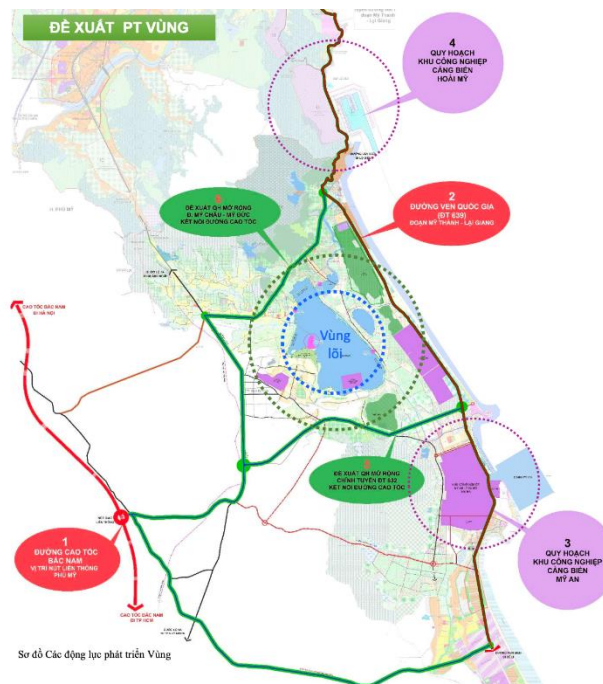


Hình 10: Bổ sung đô thị Mỹ Thắng là đô thị loại V

4.2.7 Cập nhật Quy hoạch chung đầm Trà Ô

Theo QH 2023, định hướng phát triển đối với đầm Trà Ô được xác định là “Thành lập khu bản tồn đầm Trà Ô”. QH điều chỉnh vùng huyện Phù Mỹ đề xuất điều chỉnh thành Vùng hạn chế phát thải và là vùng “đất ngập nước quan trọng” của tỉnh.

Quy hoạch chung đầm Trà Ô đang được lập với tính chất là định hướng phục hồi hệ sinh thái đầm Trà Ô và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nội dung cụ thể sẽ được nghiên cứu ở các bước tiếp theo trong Quy hoạch chung đầm Trà Ô.



Hình 11: Cập nhật quy hoạch chung đầm Trà Ô

4.2.8 Điều chỉnh tính chất phân vùng 3

Bổ sung định hướng phát triển PHÂN VÙNG 3 như sau:

Phân vùng III được định hướng là khu vực ven biển phía Đông và một phần phía Nam huyện Phù Mỹ gồm các xã Mỹ Đức, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Chánh, Mỹ Thành và Mỹ Cát; Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp tổng hợp, cảng biển, dịch vụ logistics, khoáng sản Titan, chế biến chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, dịch vụ du lịch gắn với phát triển kinh tế biển và năng lượng tái tạo tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên và hệ thống giao thông tại khu vực, kết hợp với an ninh quốc phòng; khai thác cảnh quan và đa dạng sinh học đầm Trà Ô và đầm Đê Gi, kết hợp phát triển du lịch nghỉ dưỡng tại xã Mỹ Thành gắn với biển Đông, cảnh quan đầm Trà Ô và đầm Đê Gi; rà soát cao trình chứa nước đầm Trà Ô để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội kết hợp các hoạt động du lịch và phát triển dân cư tại khu vực; tập trung phát triển đô thị tại 05 xã Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Đức và Mỹ Thắng; từng bước hình thành các khu đô thị công nghiệp và cảng biển Phù Mỹ.

4.2.9 Cập nhật, bổ sung dự án năng lượng tái tạo

Cập nhật vị trí và quy mô công suất dự kiến các nhà máy theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt, gồm: Dự án điện gió ngoài khơi Hòn Trâu công suất 2.000MW (có một phần thuộc khu vực biển huyện Phù Mỹ); Nhà máy điện gió Mỹ Đức (100MW) tại xã Mỹ Thắng và Mỹ Đức; Nhà máy điện gió Mỹ Thành (125MW) tại xã Mỹ Thành và các dự án điện gió trên đất liền gồm: Nhà máy điện gió Mỹ Chánh (100MW) tại xã Mỹ Chánh và Nhà máy điện gió Mỹ An (50MW) tại xã Mỹ An (ranh giới, diện tích cụ thể được xác định trong bước lập dự án đầu tư).

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG

5.1 Khung cấu trúc phát triển không gian vùng

Toàn huyện Phù Mỹ sẽ phát triển với mô hình 02 hành lang, 01 vành đai, 9 trung tâm:

- 02 hành lang bao gồm:

+ Hành lang kinh tế biển: Dọc tuyến đường bộ ven biển được nâng cấp từ ĐT 639, tập trung các đô thị du lịch biển, trung tâm chế biến thủy sản, trung tâm năng lượng, trung tâm du lịch ven biển.

+ Hành lang đô thị, công nghiệp: Dọc tuyến QL1, tận dụng kết nối các đô thị, KCN và CCN của huyện với các đô thị và KCN và CCN dọc tuyến QL1.

- 01 vành đai:

+ Vành đai du lịch: là vành đai kết nối các điểm du lịch, khu du lịch ven biển và các điểm hồ, điểm di tích phía Tây của huyện tạo thành vòng tròn khép kín.

- 10 trung tâm: là các đô thị, các khu du lịch dự kiến.

+ Đô thị Phù Mỹ: là trung tâm đô thị, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội huyện Phù Mỹ.

+ Đô thị Bình Dương: là trung tâm đô thị, công cộng, thương mại dịch vụ và du lịch.

+ Đô thị Mỹ Chánh: là trung tâm đô thị, thương mại dịch vụ.

+ Đô thị Mỹ Thành: là trung tâm đô thị, dịch vụ du lịch biển và chế biến thủy sản và hậu cần nghề cá.

+ Đô thị Mỹ An: là trung tâm đô thị du lịch biển và công nghiệp – cảng.

+ Đô thị Mỹ Thọ: là trung tâm đô thị, thương mại, dịch vụ và công nghiệp – cảng.

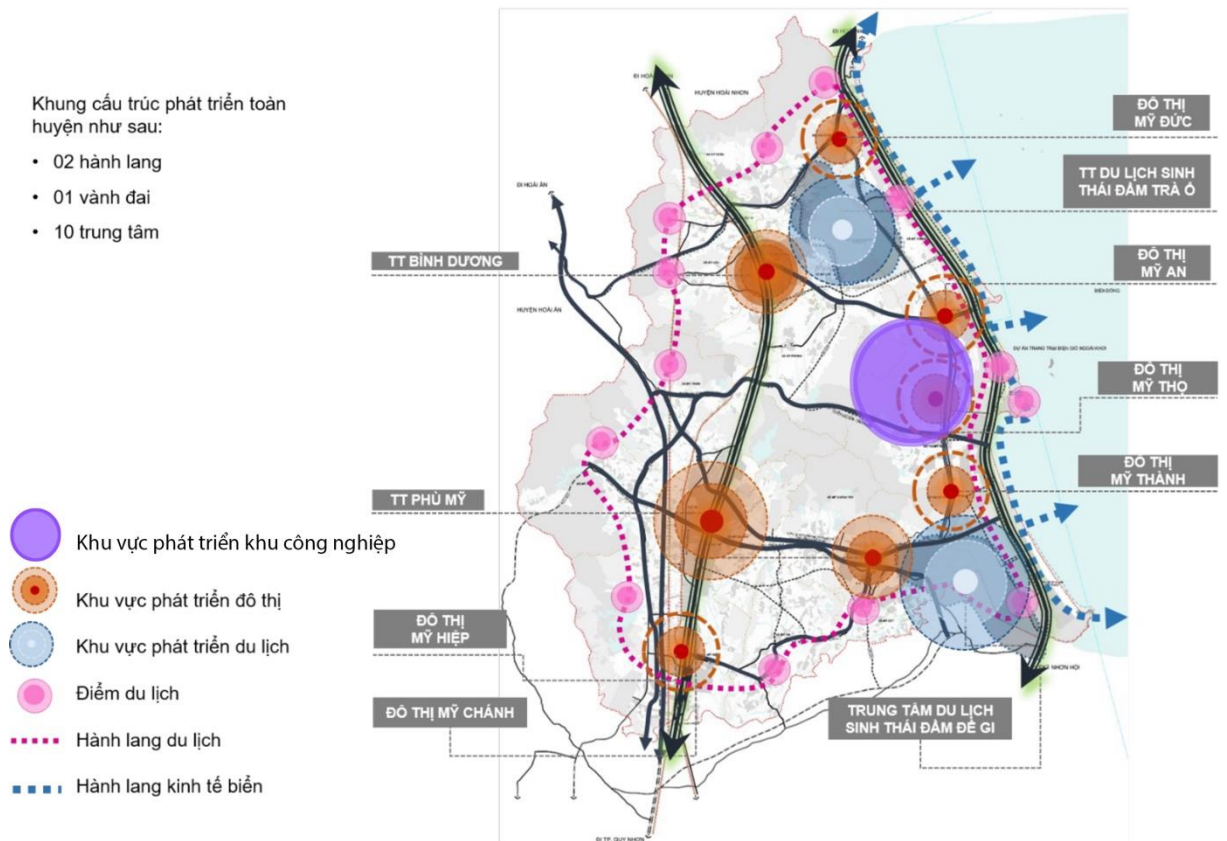
+ Đô thị Mỹ Đức: Là trung tâm đô thị du lịch biển

+ Đô thị Mỹ Hiệp: là trung tâm đô thị, công nghiệp, thương mại dịch vụ

+ Đô thị Mỹ Thắng: là trung tâm đô thị, du lịch, thương mại dịch vụ

+ Đầm Trà Ô: là trung tâm du lịch sinh thái

+ Đầm Đề Gi: là trung tâm du lịch và dịch vụ hậu cần nghề cá



Hình 12: Sơ đồ khung cấu trúc phát triển huyện Phù Mỹ

5.2 Phân vùng phát triển

5.2.1 Cơ sở phân vùng phát triển

Cơ sở chính phân vùng phát triển dựa trên các đặc điểm chính như sau:

Địa hình: các dãy núi tự nhiên đã chia tách phần diện tích Bắc và Nam thành 2 đồng bằng Bắc và Nam. Phần không gian ven biển là dải đất nối liền từ đầm Đê Gi đến đầm Trà Ổ.

Tính chất: Các khu vực đồng bằng Bắc và Nam cơ bản có tính chất tương đồng, là các vùng nông nghiệp và đô thị hạt nhân là Bình Dương ở phía Bắc và Phù Mỹ ở phía Nam, với động lực chính dựa trên tuyến QL1; Không gian ven biển mặc dù chưa hoàn thiện về hạ tầng giao thông kết nối, nhưng các dự án đã đi vào hoạt động và các dự án sắp triển khai được phân bổ dọc hành lang này và mang tính chất công nghiệp, cảng biển, du lịch và năng lượng tái tạo.

5.2.2 Phân vùng phát triển

Giữ nguyên không gian 03 Phân vùng kinh tế theo đồ án đã được phê duyệt; cập nhật, bổ sung, điều chỉnh tính chất, chức năng của từng phân vùng theo Quy hoạch tỉnh, cụ thể như sau:

(1) Phân Vùng I:

- Nằm phía Bắc huyện, bao gồm địa giới hành chính các xã: Mỹ Châu, Mỹ Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Phong và thị trấn Bình Dương.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị, nông nghiệp và du lịch sinh thái.

- Động lực:

+ Tuyến QL1 kết nối hệ thống đô thị và trung tâm công nghiệp;

+ Đầm Trà Ô: cảnh quan hấp dẫn, sở hữu các giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, nhiều du địa cho phát triển du lịch sinh thái;

+ CCN Bình Dương: đã đi vào hoạt động, với tỉ lệ lấp đầy 84,8%;

+ Các điểm hồ phía Tây huyện có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ;

- Định hướng phát triển: Là vùng phát triển đô thị, nông nghiệp và du lịch sinh thái, lấy thị trấn Bình Dương làm trung tâm; mở rộng đất xây dựng đô thị về phía Đông Bắc (xã Mỹ Lợi), nhằm kết nối thị trấn Bình Dương với đầm Trà Ô để phát triển dịch vụ, thương mại; hình thành dải không gian du lịch sinh thái tổ chức các điểm du lịch gắn với các điểm hồ chân núi. Bảo vệ các lưu vực thoát lũ hệ thống sông, suối về hướng đầm Trà Ô; ổn định không gian nông nghiệp.

(2) Phân Vùng II:

- Nằm phía Tây và phía Nam của huyện, gồm thị trấn Phù Mỹ và các xã Mỹ Trinh, Mỹ Hòa, Mỹ Quang, Mỹ Hiệp, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Tài.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp chế biến, nông nghiệp và du lịch trải nghiệm.

- Động lực:

+ Tuyến QL1, kết nối hệ thống đô thị và trung tâm công nghiệp

+ CCN Diêm Tiêu và CCN Đại Thạnh đã đi vào hoạt động.

+ Các điểm hồ phía Tây huyện có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ

+ Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến tại Mỹ Hiệp quy mô 175ha dự kiến được thành lập.

- Định hướng phát triển: Cải tạo, chỉnh trang và mở rộng đô thị (thị trấn Phù Mỹ), phát triển xã Mỹ Hiệp thành đô thị loại V sau năm 2030; thu hút đầu tư lấp đầy CCN Diêm Tiêu và Đại Thạnh, xây dựng mới các CCN Tân Tường An, Trung Thành và Trung Hiệp. Bảo vệ các lưu vực thoát lũ, hệ thống sông, suối về hướng đầm Đè Gi; ổn định không gian phát triển nông nghiệp; hình thành khu vực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến ở phía Tây xã Mỹ Hiệp, khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại xã Mỹ Trinh dựa trên lợi thế nút giao Cao tốc Bắc – Nam phía Đông, hình thành các khu chăn nuôi tập trung tại xã Mỹ Hòa, Mỹ Trinh, Mỹ Hiệp, Mỹ Chánh Tây và Mỹ Tài, cung cấp sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao cho các đô thị, kết hợp tổ chức các điểm du lịch sinh thái, trải nghiệm gắn với các hồ đập hiện có ở phía Tây huyện.

(3) Phân Vùng III:

- Nằm ở Khu vực ven biển phía Đông và một phần phía Nam huyện Phù Mỹ các xã Mỹ Đức, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Chánh, Mỹ Thành và Mỹ Cát.

- Tính chất: Là vùng phát triển đô thị, công nghiệp tổng hợp, cảng biển, dịch vụ logistics, khoáng sản Titan, chế biến chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, dịch vụ du lịch gắn với phát triển kinh tế biển và năng lượng tái tạo tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên và hệ thống giao thông tại khu vực, kết hợp với an ninh quốc phòng; khai thác cảnh quan và đa dạng sinh học đầm Trà Ô và đầm Đề Gi, kết hợp phát triển du lịch nghỉ dưỡng tại xã Mỹ Thành gắn với biển Đông, cảnh quan đầm Trà Ô và đầm Đề Gi; rà soát cao trình chứa nước đầm Trà Ô để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội kết hợp các hoạt động du lịch và phát triển dân cư tại khu vực; tập trung phát triển đô thị tại 05 xã Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Đức và Mỹ Thắng; từng bước hình thành các khu đô thị công nghiệp và cảng biển Phù Mỹ.

- Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển (được nâng cấp từ ĐT 639) kết nối các không gian kinh tế ven biển.

+ Đầm Trà Ô, đầm Đề Gi là hai đầm lớn nhiều tiềm năng khai thác du lịch, nuôi trồng thủy sản và hậu cần nghề cá.

+ Mũi Vi Rồng là điểm du lịch hấp dẫn còn hoang sơ chưa được khai phá.

+ Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ đã đi vào hoạt động

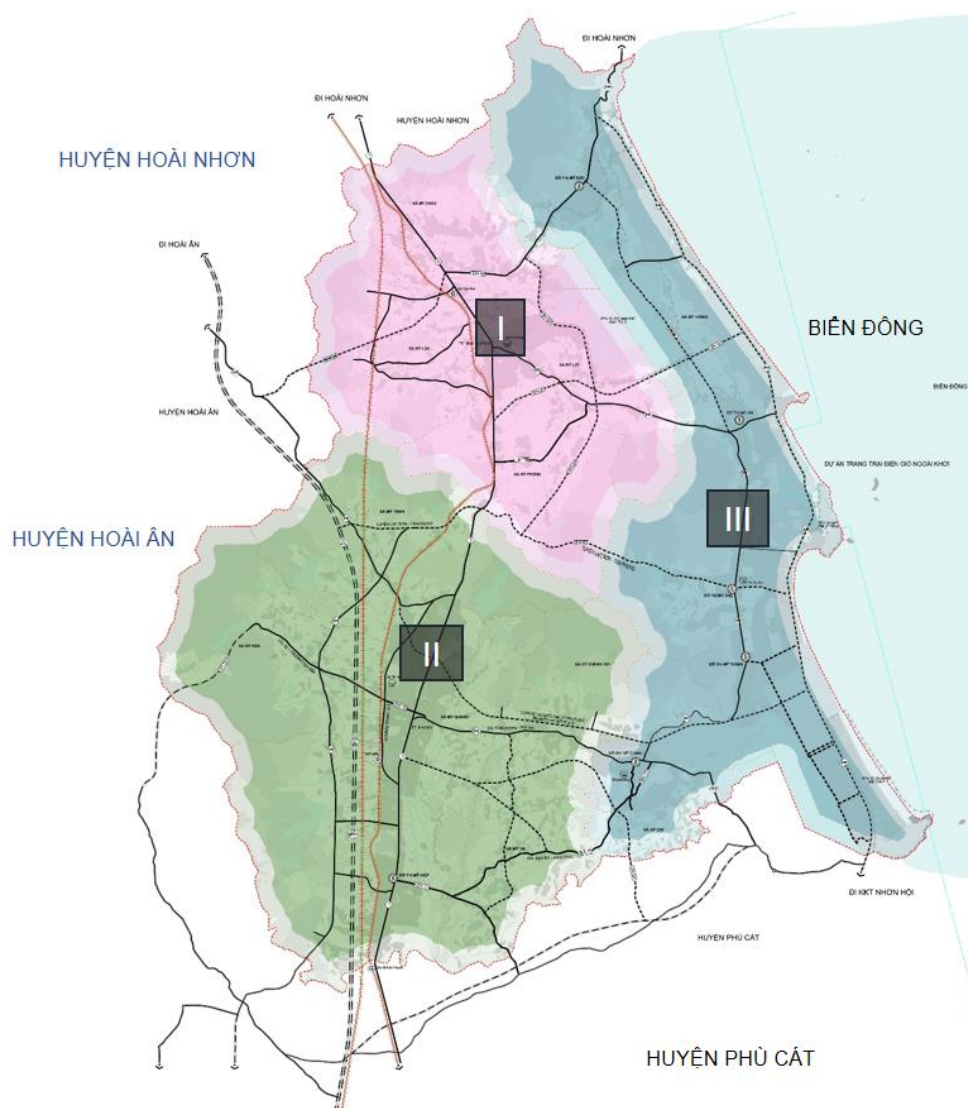
+ Dải không gian ven biển còn quỹ đất trống, dư địa cho sự phát triển.

- Định hướng phát triển:

+ Hình thành trung tâm công nghiệp đa ngành và cảng biển tại khu vực xã Mỹ An và xã Mỹ Thọ; phát triển công nghiệp xanh, sạch, tuần hoàn, công nghiệp phụ trợ, năng lượng tái tạo; dịch vụ logistics; chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến;

+ Phát triển đầm Trà Ô trở thành Khu du lịch sinh thái của tỉnh Bình Định, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp xã Mỹ Thành gắn với biển Đông, cảnh quan sinh thái của đầm Trà Ô và đầm Đề Gi.

+ Tập trung phát triển nâng cấp xã Mỹ Thành đạt chuẩn đô thị loại V trong năm 2025, xã Mỹ An đạt chuẩn đô thị loại V trong giai đoạn 2026-2030, xã Mỹ Thọ và Mỹ Đức, Mỹ Thắng thành đô thị loại V sau năm 2030.



Hình 13: Sơ đồ phân vùng phát triển

5.3 Tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn

5.3.1 Định hướng phát triển hệ thống đô thị

a) Định hướng phát triển đô thị:

Tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện: Năm 2023 là 11,5%; năm 2035 là 49,3%.

- Giai đoạn 2021 - 2025, huyện Phù Mỹ có 3 đô thị loại V gồm Phù Mỹ, Bình Dương, Mỹ Chánh; giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu đạt 05 đô thị loại V gồm Phù Mỹ, Bình Dương, Mỹ Chánh, Mỹ Thành (hình thành mới) và đô thị Mỹ An (hình thành mới).

- Giai đoạn sau năm 2030 hình thành mới 04 đô thị loại V, gồm xã Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp, Mỹ Đức và Mỹ Thắng.

b) Phấn đấu giai đoạn 2030 - 2050 toàn huyện đạt tiêu chí đô thị loại IV, trở thành thị xã. (Giai đoạn 2021-2030 chưa nằm trong kế hoạch phân loại đô thị của Quốc gia).

Bảng 9: Định hướng phân loại đô thị

TT	Định hướng hệ thống đô thị				
	Tên đô thị	Hiện trạng	Giai đoạn	Giai đoạn	Giai đoạn
		2020	2021-2025	2026-2030	2031-2035
		Phân loại	Phân loại	Phân loại	Phân loại
1	Đô thị Phù Mỹ	V	-	-	-
2	Đô thị Bình Dương	V	-	-	-
3	Đô thị Mỹ Chánh		V	-	-
4	Đô thị Mỹ Thành			V	-
5	Đô thị Mỹ An			V	-
6	Đô thị Mỹ Thọ				V
7	Đô thị Mỹ Hiệp				V
8	Đô thị Mỹ Đức				V
9	Đô thị Mỹ Thắng				V

5.3.2 Định hướng phát triển các đô thị

a) Đô thị Phù Mỹ mở rộng

Phân loại đô thị:

- + Hiện trạng 2023: là đô thị loại V;
- + Đến năm 2035: vẫn giữ là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên

- + Hiện trạng (2023): 1.075 ha
- + Đến năm 2035: 1.600 ha

Quy mô dân số:

- + Hiện trạng (2023): 11.702 người
- + Đến năm 2035: 18.500 người

Đất xây dựng đô thị:

- + Hiện trạng: 334,9 ha
- + Đến năm 2035: 557 ha

Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ huyện Phù Mỹ. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội huyện Phù Mỹ, là trung tâm công nghiệp của huyện.

Động lực:

+ Nằm trên tuyến QL1: hành lang kinh tế chủ đạo kết nối các trung tâm đô thị và công nghiệp.

+ CCN Diêm Tiêu đã đi vào hoạt động, CCN Tân Tường An dự kiến hình thành.

Định hướng chủ đạo:

- + Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu

+ Mở rộng ranh giới đô thị, lúc này diện tích đô thị mới sẽ bao gồm: 1075 ha đô thị hiện hữu và phần mở rộng thuộc các xã Mỹ Hiệp: 88,3 ha tại thôn Trà Bình Đông, xã Mỹ Quang: 272,8 ha tại các thôn: Trung Thành 2, Bình Trị và Tường An; Xã Mỹ Trinh: 163,9 ha tại các thôn: Trục Đạo, Trung Bình và Trà Lương.

+ Xác định hàng lang bảo vệ đối với lưu vực các con suối Ông Bông và suối Kiều Duyên, phát triển các không gian dịch vụ thương mại hai bên sông, tạo ra mặt tiền mới cho đô thị.

+ Xây dựng mới CCN Tân Tường An quy mô 50ha.

b) Thị trấn Bình Dương mở rộng:

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: Là đô thị loại V

+ Đến năm 2035: vẫn giữ là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên:

+ Hiện trạng (2023): 450 ha

+ Đến năm 2035: 1.400 ha

Quy mô dân số:

+ Hiện trạng (2023): 7.040 người

+ Đến năm 2035: 7.900 người

Đất xây dựng đô thị:

+ Hiện trạng (2023): 162 ha

+ Đến năm 2035: 250 ha

Tính chất: là đô thị công nghiệp, dịch vụ du lịch gắn với đầm Trà Ổ.

Động lực:

+ Nằm trên tuyến QL1: Hành lang kinh tế chủ đạo kết nối các trung tâm đô thị và công nghiệp.

+ CCN Bình Dương đã đi vào hoạt động.

+ Đầm Trà Ổ dự kiến sẽ là trung tâm du lịch sinh thái của tỉnh.

Định hướng chủ đạo:

+ Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu.

+ Mở rộng đô thị về phía Đông, lúc này diện tích đô thị Bình Dương bao gồm 450 ha đô thị hiện hữu và xã Mỹ Lợi 950 ha.

+ Phát triển dịch vụ, du lịch ven đầm Trà Ổ.

+ Xác định hành lang bảo vệ các lưu vực sông suối chảy ra đầm Trà Ổ.

c) Đô thị Mỹ Chánh

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị
+ Đến năm 2035: là đô thị loại V
Diện tích đất tự nhiên: 2.222 ha
Quy mô dân số:
+ Hiện trạng (2023): 12.634 người
+ Năm 2035: 18.000 người
Đất xây dựng đô thị
+ Hiện trạng (2023): 271,3 ha
+ Năm 2035: 407 ha
Tính chất: là đô thị dịch vụ, du lịch, hậu cần nghề cá
Động lực:
+ Nằm trên giao lộ của ĐT 632 và ĐT 640,
+ Đầm Đề Gi là đầm lớn có lợi thế để phát triển dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản và hậu cần nghề cá.
Định hướng chủ đạo:
+ Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu
+ Phát triển đô thị về phía Đông, hướng đầm Đề Gi; Ưu tiên phát triển phát triển các không gian dịch vụ, thương mại ven đầm và ĐT 632, ĐT 640.

d) Đô thị Mỹ Thành

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 3.550 ha

Quy mô dân số:

+ Hiện trạng (2023): 11.271 người

+ Năm 2035: 33.400 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2023): 701,1 ha

+ Đến năm 2035: 1.700 ha

Tính chất: là đô thị du lịch, dịch vụ, công nghiệp và hậu cần nghề cá.

Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển đi dọc chiều dài của xã Mỹ Thành.

+ Nằm giữa đầm Đề Gi và biển nhiều cơ hội phát triển du lịch và thủy hải sản.

+ Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến phát triển ngành tôm dự kiến xây dựng tại Mỹ Thành.

Định hướng chủ đạo:

+ Phát triển đô thị hỗn hợp thương mại dịch vụ và du lịch ven biển.

+ Xây dựng các khu nuôi trồng và chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến.

e) Đô thị Mỹ An

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng (2023): chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 2.441 ha

Quy mô dân số

+ Hiện trạng (2023): 8.980 người

+ Đến năm 2035: 14.000 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2023): 286,6 ha

+ Đến năm 2035: 655 ha

Tính chất: là đô thị du lịch dịch vụ biển

Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển

+ Cảnh quan sinh thái tự nhiên và điểm du lịch nhiều tiềm năng

Định hướng chủ đạo: phát triển đô thị thương mại dịch vụ ven biển; Nâng cấp cấp điểm cảnh quan tiềm năng thành các điểm du lịch.

f) Đô thị Mỹ Thọ

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 3.437 ha

Quy mô dân số

+ Hiện trạng (2023): 13.946 người

+ Đến năm 2035: 18.150 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2023): 369,9 ha

+ Đến năm 2035: 652 ha

Tính chất: là đô thị du lịch dịch vụ biển

Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển

+ Điểm du lịch mũi Vi Rồng và làng chài lâu đời Tân Phụng

Định hướng chủ đạo:

+ Phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm làng nghề dựa trên điểm du lịch mũi Vi Rồng và làng chài Tân Phụng

+ Phát triển đô thị mới phía Đông đường ven biển theo hướng đô thị du lịch dịch vụ ven biển

g) Đô thị Mỹ Đức

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 3.239 ha

Quy mô dân số

+ Hiện trạng (2023): 7.559 người

+ Đến năm 2035: 9.700 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2022): 273,4 ha

+ Đến năm 2035: 330 ha

Tính chất: là đô thị du lịch dịch vụ biển

Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển đi qua Mỹ Đức

+ Cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn

+ khu sản xuất gang thép dự kiến đặt tại thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn rất gần với Mỹ Đức

Định hướng chủ đạo:

+ Phát triển đô thị dịch vụ du lịch ven biển với ưu thế gần với khu sản xuất gang thép và cảng chuyên dùng sẽ phục nhu cầu của chuyên gia, công nhân làm việc trong khu vực này.

h) Đô thị Mỹ Hiệp

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 5.698 ha

Quy mô dân số:

+ Hiện trạng (2023): 12.436 người

+ Đến năm 2035: 15.300 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2023): 759,8 ha

+ Đến năm 2035: 920 ha

Tính chất: là đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ

Động lực:

+ Tuyên QL1 kết nối Mỹ Hiệp với các đô thị và các cụm khu công nghiệp dọc tuyến Quốc lộ này.

+ Dự kiến hình thành Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến có quy mô 175ha tại xã Mỹ Hiệp.

Định hướng chủ đạo:

+ Tận dụng tuyến QL1 làm động lực phát triển thương mại dịch vụ,

+ Khu vực phát triển công nghiệp phía Tây Nam của Huyện được coi là hạt nhân thúc đẩy đô thị hóa từ đó phát triển các không gian phụ trợ cho khu công nghiệp: không gian ở, không gian dịch vụ....

i) Đô thị Mỹ Thắng

Phân loại đô thị:

+ Hiện trạng 2023: chưa lên đô thị

+ Đến năm 2035: là đô thị loại V

Diện tích đất tự nhiên: 2.684 ha

Quy mô dân số:

+ Hiện trạng (2023): 10.507 người

+ Đến năm 2035: 13.500 người

Đất xây dựng đô thị

+ Hiện trạng (2023): 392,36 ha

+ Đến năm 2035: 391 ha

Tính chất: là đô thị du lịch, thương mại dịch vụ

Động lực:

+ Tuyến đường bộ ven biển đi dọc chiều dài của xã Mỹ Thành.

+ Nằm giữa đầm Trà Ổ và biển nhiều cơ hội phát triển du lịch và thủy hải sản.

Định hướng chủ đạo:

+ Phát triển đô thị hỗn hợp thương mại dịch vụ và du lịch ven biển

- + Tận dụng tuyến đường ven biển làm động lực phát triển thương mại dịch vụ
- + Khai thác lợi thế về cảnh quan sinh thái của đầm Trà Ô, vai trò hậu cần cho khu công nghiệp và cảng Phù Mỹ ở phía Nam.

5.3.3 Định hướng tổ chức khu dân cư nông thôn

a) Tổ chức trung tâm cho các cụm xã.

Các xã nông thôn xác định là vệ tinh cho các đô thị, lấy đô thị chính là hạt nhân cho các cụm xã. Tổ chức dịch vụ công cộng tại vị trí hạt nhân, cung cấp tiện ích cho các xã. Đồng thời, các xã vệ tinh cung cấp rau sạch, thực phẩm, sản vật nông nghiệp cho đô thị, hình thành một mối quan hệ hữu cơ và nền kinh tế tuần hoàn giữa đô thị và vùng ven đô. Các cụm xã được xác định:

Đô thị Bình Dương, đô thị Mỹ Đức là trung tâm các xã Mỹ Châu, Mỹ Lộc, Mỹ phong, Mỹ Lợi.

Chuỗi đô thị Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thắng là trung tâm cho xã Mỹ Cát, Mỹ Tài, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Lợi.

Đô thị Mỹ Hiệp, Phù Mỹ là trung tâm cho các xã Mỹ Trinh, Mỹ Quang, Mỹ Hòa, Mỹ Tài.

b) Tổ chức không gian khu vực làng xóm

Kiểm soát phát triển đảm bảo được giữ được không gian định cư truyền thống về về tầng cao và mật độ xây dựng, mật độ cư trú;

Bảo tồn các cấu trúc truyền thống gắn liền với các không gian tồn tại theo thiết chế văn hóa làng như đình làng, chùa, miếu... Đảm bảo mối quan hệ hữu cơ giữa làng và đồng ruộng trong phương thức sản xuất nông nghiệp.

Phát triển khu dân cư nông thôn trên cơ sở ổn định hệ thống dân cư hiện có, khoanh vùng phát triển mở rộng. Tập trung phát triển các điểm dân cư ở khu vực trung tâm xã, dọc các trục đường chính của xã và trên cơ sở lấp đầy theo dân cư hiện hữu.

c) Định hướng phát triển nông thôn mới

Tiếp tục phấn đấu để huyện Phù Mỹ đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023; Xây dựng, nâng cao chất lượng tiêu chí các xã nông thôn mới theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng công nghiệp, hiện đại, đồng thời phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương; định hướng đến năm 2030 có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và có ít nhất 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

5.4 Định hướng phát triển Logistics

Quy hoạch, xây dựng, mời gọi đầu tư xây dựng và khai thác Khu trung tâm Logistics, quy mô khoảng 137,6 ha nằm tại khu vực phía Đông xã Mỹ Trinh, thuộc xã Mỹ Trinh (dọc Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc – Nam về Khu công nghiệp và Bến cảng Phù Mỹ).

5.5 Định hướng phát triển khu, cụm công nghiệp

- Duy trì 03 CCN đã đi vào hoạt động: CCN Bình Dương, CCN Diêm Tiêu, CCN Đại Thạnh.

- Triển khai xây mới 04 CCN: CCN Tân Tường An (xã Mỹ Quang), quy mô khoảng 50 ha; CCN thủy sản Mỹ Thành, quy mô khoảng 26,3 ha; CCN Trung Hiệp (xã Mỹ Chánh Tây), quy mô khoảng 61 ha và CCN Trung Thành (xã Mỹ Quang), quy mô khoảng 75 ha.

- Hình thành Khu công nghiệp Phù Mỹ, quy mô diện tích khoảng 820,93 ha (trong đó: thuộc địa phận xã Mỹ An khoảng 627,22 ha; thuộc địa phận xã Mỹ Thọ khoảng 193,71ha).

- Quy hoạch, xây dựng Khu bến cảng Phù Mỹ, tại xã Mỹ Thọ, quy mô vùng đất cảng khoảng 257 ha, vùng nước khoảng 1.070 ha.

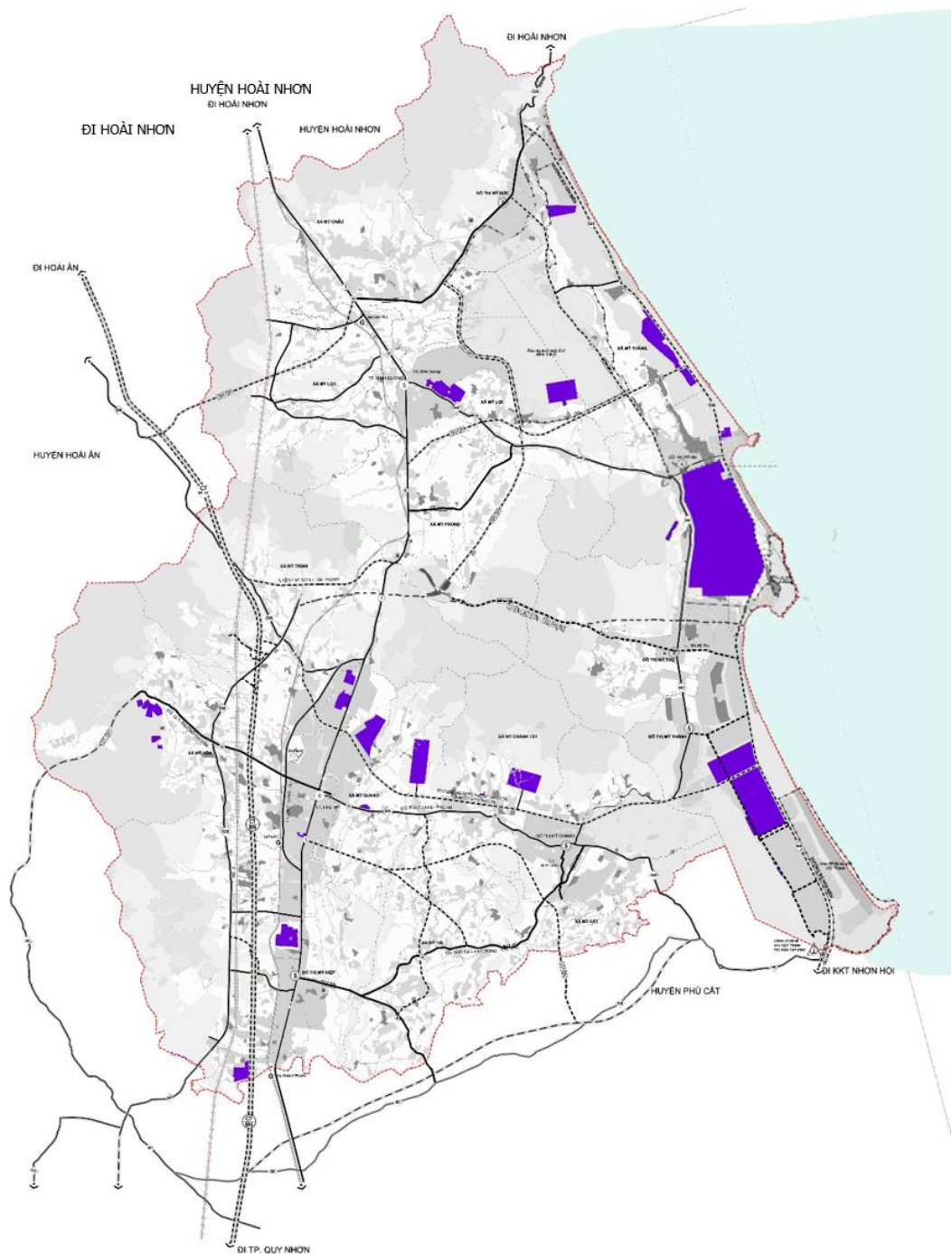
- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan phát triển các dự án điện gió ngoài khơi, điện gió gần bờ và điện gió trên đất liền đã được cập nhật theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về dài hạn có lộ trình rà soát và di dời các cơ sở sản xuất nằm xem lẫn khu dân cư và gây ô nhiễm môi trường vào KCN và CCN.

- Dự kiến phát triển khu vực điện gió ngoài khơi.

Bảng 10: Danh mục CCN, khu vực phát triển công nghiệp

TT	Danh mục KCN,CCN, khu vực CN	Địa điểm	Hiện trạng	Xây dựng mới	Quy mô (ha)
1	CCN Bình Dương	TT Bình Dương	x		75,5
2	CCN Diêm Tiêu	TT Phù Mỹ	x		38,2
3	CCN Đại Thạnh	Đô thị Mỹ Hiệp (tương lai)	x		63,8
4	KCN Phù Mỹ	Mỹ Thọ, Mỹ An		x	820,93
5	CCN Trung Hiệp	Xã Mỹ Chánh Tây		x	61
6	CCN Trung Thành	Xã Mỹ Quang		x	74,6
7	CCN Tân Tường An	TT Bình Dương mở rộng		x	50
8	CCN thủy sản Mỹ Thành	Đô thị Mỹ Thành (tương lai)		x	26,3



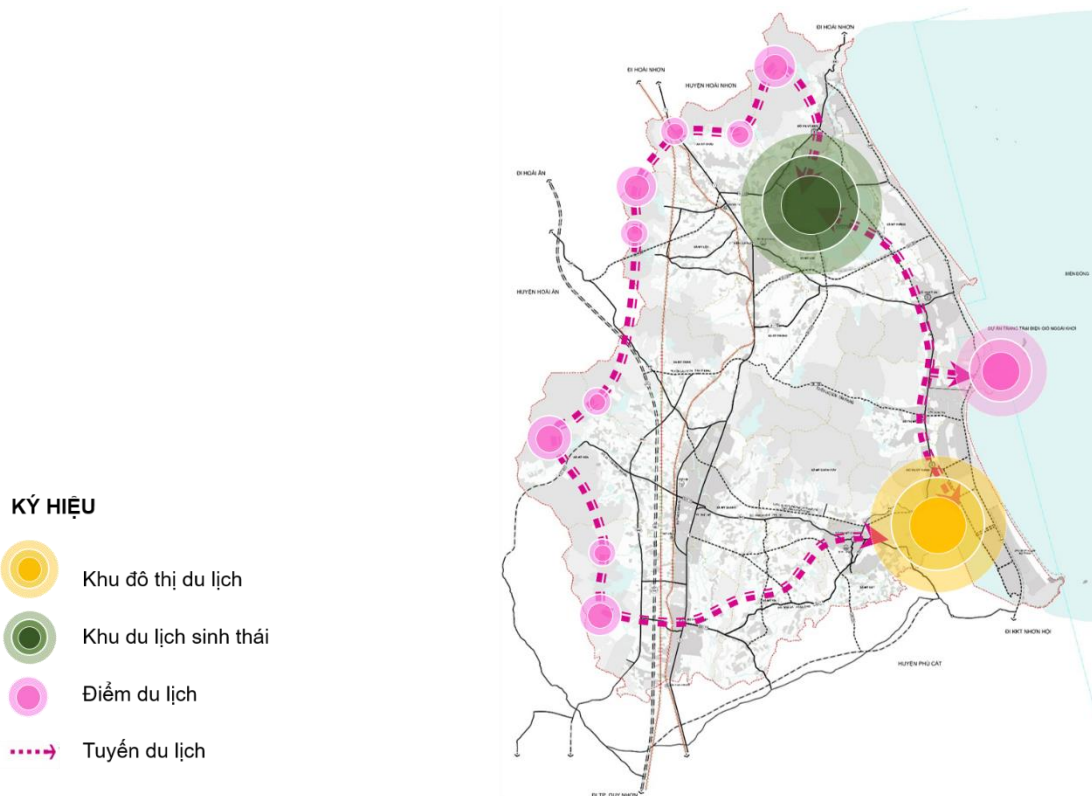
Hình 14: Sơ đồ định hướng phát triển công nghiệp

5.6 Định hướng phát triển không gian du lịch

Theo Quy hoạch tỉnh, Đầm Trà Ô là khu vực thuộc vùng hạn chế phát thải; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn; khu vui chơi giải trí dưới nước. Định hướng phát triển khu vực đầm Trà Ô trở thành trung tâm du lịch, phát huy các giá trị cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng, bến du thuyền gắn kết với Khu đô thị - du lịch biển Mỹ Thành, phát triển đô thị và thương mại dịch vụ du lịch chất lượng cao.

- Hình thành điểm du lịch Tân Phụng, phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, trải nghiệm các hoạt động của làng chài Tân Phụng, tham quan danh thắng mũi Vi Rồng, ngọn Hải Đăng và các điểm du lịch, dịch vụ cung ứng các sản phẩm OCOP, làng nghề truyền thống, gắn với cảnh quan các hồ phía Tây của huyện.

- Xây dựng vành đai du lịch khép kín kết nối các điểm và khu du lịch, bãi biển, các điểm dịch vụ du lịch phía Tây huyện và các di tích lịch sử như chùa Thiên Sanh (chùa Hang), Trưng Gia Ván, Địa điểm chiến thắng Đèo Nhông – Dương Liễu, Gò Cờ, Hố Đá bàn... dựa trên hệ thống giao thông kết nối Đông- Tây, tuyến đường ven biển, các tuyến tỉnh lộ, đường huyện; kết nối với tuyến du lịch từ Quy Nhơn đi Phù Cát, Hoài Nhơn, tạo thành tuyến du lịch xuyên suốt dọc theo phía Đông của tỉnh.



Hình 15: Sơ đồ định hướng phát triển du lịch

5.7 Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

5.7.1 Công trình giáo dục đào tạo

Duy trì, cải tạo và phát triển 06 trường trung học phổ thông gồm 02 trường tại thị trấn Phù Mỹ, 02 trường tại thị trấn Bình Dương, trường THPT An Lương (xã Mỹ Chánh) và trường THPT Mỹ Thọ (xã Mỹ Thọ); dự trữ quỹ đất để phát triển cơ sở giáo dục cho đô thị Mỹ Thành sau khi hình thành đô thị loại V.

5.7.2 Công trình y tế

- Đối với công trình y tế cấp huyện: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang Trung tâm Y tế huyện và Phòng khám đa khoa khu vực Bình Dương đảm bảo đạt chuẩn

theo quy định của Bộ Y tế và đảm bảo đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định của Chính phủ.

- Đối với công trình y tế cấp đô thị, cấp xã: Được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã và các quy hoạch xây dựng khác, phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan về quy hoạch xây dựng, đảm bảo đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy hoạch quỹ đất xây dựng mới Phòng khám đa khoa tại xã Mỹ Thọ, đảm bảo quỹ đất để mời gọi đầu tư xã hội hóa cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tại các xã ven biển khi hình thành đô thị.

5.7.3 Công trình văn hóa thể dục thể thao

- Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho mạng lưới văn hóa, thể dục thể thao, phát triển các loại hình cơ sở đa chức năng như: Sân vận động, Trung tâm hoạt động văn hóa - thể thao, nhà văn hóa đa năng, câu lạc bộ thể dục thể thao, khu văn hóa thể thao và du lịch...

- Thực hiện xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, đảm bảo quỹ đất cho mọi thành phần kinh tế và dân cư đầu tư phát triển ngành thể dục thể thao.

5.7.4 Công trình thương mại, chợ

- Quy hoạch các khu trung tâm thương mại dọc các tuyến đường chính, tại các khu vực trung tâm đô thị kết hợp dịch vụ, thương mại để tạo động lực phát triển. Bố trí 01 khu vực đầu mối thu mua, phân phối và cung ứng các dịch vụ thủy, hải sản tập trung tại đô thị Mỹ Thành; 01 khu vực đầu mối tiêu thụ nông, lâm sản cấp huyện tại khu vực phía Tây huyện để phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Quy hoạch xây dựng Khu dịch vụ hậu cần nghề cá (quy mô 70 ha) và kho trung chuyển xăng dầu (quy mô khoảng 03ha) tại xã Mỹ Thành.

- Hệ thống các công trình thương mại, chợ cấp huyện, cấp đô thị và xã nông thôn được xác định cụ thể theo các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn và các quy hoạch xây dựng khác, phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan về quy hoạch xây dựng.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

6.1 Định hướng giao thông

6.1.1 Cơ sở thiết kế và nguyên tắc thiết kế

a) Cơ sở thiết kế

Quy hoạch tổng thể phát triển Hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021;

Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021;

Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021;

Đề án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2026.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết Định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/05/2023.

Các dự án chuyên ngành giao thông đang triển khai trên địa bàn huyện;

Các Quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

b) Nguyên tắc thiết kế

b.1) Quan điểm

Tuân thủ định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đã được phê duyệt;

Kết nối chặt chẽ với chiến lược Giao thông vận tải Việt Nam, các khu kinh tế ven biển. Tuân thủ các dự án đã được phê duyệt, có rà soát, khớp nối đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ;

Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng giao thông hiện có kết hợp xây dựng mới trên cơ sở đảm bảo mục tiêu kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói giảm nghèo, phát triển du lịch, các vùng kinh tế, khu công nghiệp;

Đề xuất các dự án mới trên quan điểm hạ tầng xây dựng trước, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện, sửa chữa và nâng cấp, mở rộng theo đúng tiêu chuẩn, phù hợp với nhu cầu vận tải hàng hóa, nâng cao năng lực thông hành, tiết kiệm chi phí và thời gian vận chuyển hàng hóa. Ưu tiên sửa chữa nâng cấp, gia cố lề và thực hiện việc mở rộng mặt đường các tuyến đường đạt tối thiểu mặt đường rộng 5,5m (2 làn xe cơ giới), cải tạo mặt đường để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo quốc phòng an ninh và xây dựng nông thôn mới.

Xóa bỏ các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, tăng cường hệ thống ATGT trên các tuyến đường qua đó giảm thiểu tai nạn giao thông xảy ra.

Có kế hoạch đầu tư sửa chữa hoặc thay thế các công trình thoát nước bị hư hỏng nặng, xuống cấp.

Phân kỳ đầu tư các hạng mục công trình theo kế hoạch, ưu tiên đầu tư các đoạn qua khu đông dân cư trước.

Lồng ghép nhiều nguồn vốn để thực hiện đề án bảo trì và xây dựng thay thế các cầu yếu trên các tuyến đường tỉnh.

b.2) Mục tiêu

Tăng cường tính kết nối của Bình Định nói chung và vùng huyện Phù Mỹ nói riêng với khu vực lân cận.

Phát triển đồng bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn kết hợp đường bộ, đường sắt phục vụ hiệu quả quá trình phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Nâng cấp các tuyến giao thông đối ngoại, đường trục, đường tỉnh, đường liên kết với các tuyến cao tốc, quốc lộ để phục vụ các khu vực định hướng phát triển khu du lịch, khu dịch vụ - đô thị.

Đảm bảo vận chuyển hàng hóa và hành khách an toàn và hiệu quả cũng như môi trường tốt trong tỉnh bằng cách tránh gây ra các vấn đề giao thông như tắc nghẽn, tai nạn và ô nhiễm không khí.

Thiết lập cơ chế tổ chức và thể chế phù hợp để tạo dựng và quản lý mạng lưới và dịch vụ vận tải một cách hữu hiệu.

6.1.2 Định hướng giao thông

a. Giao thông đường bộ

a.1 Giao thông đối ngoại

a.1.1 Đường cao tốc: Cập nhật hướng tuyến và định hướng quy mô đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01) đoạn đi qua địa bàn huyện:

+ Dự án Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn; Hoài Nhơn – Quy Nhơn và Quy Nhơn – Chí Thành là dự án thành phần của dự án Đường Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), đóng vai trò kết nối với các khu kinh tế ven biển. Đoạn đi qua huyện Phù Mỹ có chiều dài khoảng 19,3km, Quy mô 06 làn xe, Vtk= 80-120 Km/h theo định hướng đầu tư trước năm 2030.

a.1.2 Quốc lộ:

Quốc lộ 1: Tiếp tục đề xuất nâng cấp, mở rộng và hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn cấp III, 4 làn xe. Xây dựng tuyến đường tránh Quốc lộ 1A qua thị trấn Phù Mỹ đạt tiêu chuẩn cấp III- 4 làn xe.

a.1.3 Tỉnh lộ

Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối các tuyến đường Cao tốc, Quốc lộ đến các khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ trọng điểm, đường vào khu - cụm công nghiệp tạo nên mạng lưới đường bộ hoàn chỉnh liên hoàn liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa đô thị và nông thôn.

Cập nhật tuyến tỉnh lộ ĐT.638 (Chương Hòa - Long Vân): Đoạn đi qua địa bàn huyện Phù Mỹ, quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp III theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng toàn tuyến ĐT.632 (Phù Mỹ - Bình Dương), quy mô đạt tối thiểu đường cấp IV (theo TCVN4054-2005) trong giai đoạn 2026-2030.

Đường tỉnh 639 (Nhơn Hội – Tam Quan): xây dựng theo Quy hoạch chi tiết tuyến Đường bộ ven biển.

* Đường kết nối theo định hướng quy hoạch giao thông tỉnh Bình Định:

- Tuyến đường nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639): Quy hoạch lộ giới 45m, đã đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng ($B_n/B_m=12/11m$).

- Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh (huyện Phù Cát), quy hoạch lộ giới 45m, hiện đang triển khai đầu tư xây dựng giai đoạn 1, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

- Quy hoạch xây dựng Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc – Nam về Khu công nghiệp và Bến cảng Phù Mỹ, theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại thông báo Kết luận số 363/TB-UBND ngày 16/9/2024, ý kiến thống nhất của các Sở ngành và địa phương, cụ thể như sau:

+ Điểm đầu, điểm cuối: Có điểm đầu kết nối vào nút giao liên thông cao tốc Bắc-Nam thuộc địa phận xã Mỹ Trinh, huyện Phù Mỹ và điểm cuối giáp vào tuyến đường ven biển thuộc thôn Chánh Trạch 3, xã Mỹ Thọ (nằm về phía Nam Khu công nghiệp khoảng 1,2km và Khu bến Phù Mỹ khoảng 3,5km).

+ Hướng tuyến: Từ điểm đầu (giáp với nút giao liên thông cao tốc Bắc - Nam) đi theo đường ĐT.638 đến giáp điểm đầu tuyến Đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ; sau đó, đi về hướng Đông Bắc đến QL.1 thuộc địa phận thôn Chánh Thuận, xã Mỹ Trinh; tiếp tục vượt qua QL.1 đi hướng về phía Bắc Bãi chôn lấp chất thải rắn, thuộc xã Mỹ Phong, tuyến tiếp tục đi phía nam Hồ Suối Sỏ, vượt qua đèo Bà Nam đến địa phận xã Mỹ Thọ, chuyển hướng sang phía Bắc hồ Hóc Nhạn, đến kết nối đường ĐT.639 hiện trạng thuộc thôn Chánh Trạch 2, xã Mỹ Thọ và kết thúc giáp vào Đường ven biển, địa phận thôn Chánh Trạch 3, xã Mỹ Thọ (phía Nam Khu công nghiệp, Khu bến Phù Mỹ).

+ Tổng chiều dài tuyến khoảng $L=17km$; Mặt cắt ngang: Lộ giới 60m, quy mô 06-08 làn xe; Các nút giao lớn: Kết nối liên thông hoàn chỉnh khác mức với QL.1, kết nối với Cao tốc Bắc-Nam thông qua nút giao liên thông trên địa bàn xã Mỹ Trinh; tuyến đường Tây tỉnh, đường tỉnh, Đường ven biển và các tuyến đường khác kết nối giao bằng cùng mức hoàn chỉnh.

a.2 Giao thông đối nội

- Nâng cấp và nhựa hóa các tuyến đường huyện lộ, theo tiêu chuẩn là đường cấp IV đồng bằng; hoàn thiện, nâng cấp một số tuyến đường huyện quan trọng như ĐH.17

(Nhà Đá - An Lương); ĐH.16 (Phù Mỹ - Truong Gia Ván); ĐH.17B (Văn Trường - Mỹ Thắng); ĐH.18 (Vạn An - Phú Thứ), theo định hướng quy hoạch giao thông tỉnh.

- Giao thông đô thị: Phát triển mạng lưới giao thông đô thị hiện đại, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách, lưu thông thuận lợi trong và ngoài đô thị; xây dựng mới và nâng cấp các tuyến đường trục chính đi qua trung tâm thị trấn, đường nối các khu vực,...

- Giao thông nông thôn: Nâng cấp và phát triển mạng lưới đường giao thông nông thôn hiện có; đầu tư mở rộng, nâng cấp chất lượng nền, mặt đường đảm bảo phục vụ dân sinh và vận chuyển hàng hóa nông, lâm nghiệp; kết nối với hệ thống đường quốc gia, đường tỉnh và đường huyện, đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng của từng đô thị đạt từ 16-26% theo Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

- Nút giao giữa các tuyến đường; các tuyến đường có sự giao cắt với nhau sẽ được bố trí giao cắt cùng mức hoặc khác mức kết hợp với việc điều tiết an toàn giao thông sau này để đảm bảo việc lưu thông được thuận lợi, không xảy ra việc ùn tắc giao thông

a.3 Công trình đầu mối giao thông:

- Quy hoạch, xây dựng bến xe khách tại đô thị trung tâm các tiểu vùng, các đô thị mới, đã được phê duyệt, gồm: Bến khách Phù Mỹ, Bến xe khách An Lương, Bến xe khách Mỹ Thọ, quy mô từ 01-03ha, đạt bến xe loại 3. Nâng cấp Bến xe khách Bình Dương tại thị trấn Bình Dương đạt tiêu chuẩn bến 4. Nghiên cứu hình thành bến xe Mỹ An, đạt tiêu chuẩn cấp 3, trong giai đoạn 2026 – 2030.

- Bãi đậu xe: Xây dựng các bãi đậu xe tại các trung tâm khu đô thị, các khu du lịch, trung tâm thương mại,... đáp ứng cho nhu cầu phục vụ và phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan về quy hoạch xây dựng.

b. Giao thông đường sắt

Đường sắt Bắc – Nam: Tuân thủ theo quy hoạch đường sắt quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769 ngày 19/10/2021 Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đề xuất một tuyến đường sắt vận chuyển hàng hoá chạy dọc theo tuyến đường Đông - Tây kết nối cao tốc mới đề xuất. Tuyến đường sắt đầu nối vào đường sắt Bắc Nam, giúp vận chuyển hàng hoá với khu công nghiệp và cảng Phù Mỹ. Tuyến đường sắt này dự kiến đi giữa trục đường Đông - Tây.

c. Giao thông đường thủy

Theo Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất vùng nước cảng biển Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huyện Phù Mỹ có cảng nằm ở vị trí Mỹ An và Mỹ Thọ, dự án có quy mô 13 bến, thiết kế cho tàu có trọng tải từ 5.000-250.000 DWT,

khu hậu cần cảng có công suất thiết kế để có thể thông quan lượng hàng 30-35 triệu tấn/năm.

d. Khu vực tránh trú bão

Hoàn thiện khu vực tránh trú bão cho tàu thuyền theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

6.2 Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt

6.2.1 Cơ sở thiết kế

Luật Đê điều, Luật phòng, chống thiên tai và Luật Thủy lợi.

Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035.

Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án Quy hoạch thủy lợi tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được phê duyệt bởi Quyết định số 1536/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bình Định ngày 07/05/2023

Các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đang hiện hành.

6.2.2 Nguyên tắc thiết kế

Tuân thủ định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đã được phê duyệt

Tận dụng các quỹ đất hoang hóa, trồng cây nông nghiệp, lâm nghiệp và các vùng gò đồi thoải kém hiệu quả kinh tế để khai thác quỹ đất thuận lợi phát triển xây dựng đô thị, nông thôn.

Khoanh vùng quỹ đất để hạn chế xây dựng phát triển đô thị, nông thôn gồm các khu vực: đất quốc phòng, khu vực đồi núi cao núi Lớn, núi Chóp Chài....

Hạn chế mức tối đa quỹ đất nông nghiệp, lâm nghiệp năng suất cao để xây dựng phát triển đô thị, nông thôn vì mục tiêu quốc gia về an ninh lương thực.

Các quỹ đất có địa hình cao và tương đối bằng phẳng không ảnh hưởng về thủy văn sông, khi xây dựng phát triển đô thị cần phải san gạt, tạo mặt phẳng, hạn chế mức tối đa khối lượng đào đắp, phù hợp với khu vực hiện trạng xung quanh.

Các quỹ đất có địa hình tự nhiên thấp trũng như: khe tụ thủy từ núi xuống, khu vực dọc theo hai bên bờ sông, suối như sông La Tinh, sông Cạn, ven đầm... Đây là những khu vực tiềm ẩn nguy cơ lũ quét, sạt lở, ngập lụt, không thuận lợi cho xây dựng, cần cảnh báo hạn chế xây dựng và cấm khi xây dựng ở các khu vực này.

Tận dụng triệt để các trục tiêu thủy tự nhiên, các hồ treo, đầm sẵn có vào mục đích điều tiết nước và phục vụ cho sản xuất và phát triển đô thị bền vững.

6.2.3 Định hướng phòng chống thiên tai

a) Đê, kè

- Nâng cấp và gia cố các tuyến đê, kè trên địa bàn huyện nhằm đáp ứng yêu cầu ứng phó với thiên tai.

b) Hồ, đập

- Tăng cường sửa chữa và nâng cấp các hồ, đập xuống cấp, xây mới các hồ, đập trữ nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và cấp nước sinh hoạt theo nhu cầu của vùng và tham gia cắt giảm lũ hạ lưu vào mùa lũ và hạn chế những thiệt hại do thiên tai gây ra đến mức thấp nhất.

- Ngoài ra, các công trình hồ chứa xuống cấp như hồ đập Phố (Hòa Nghĩa), Gò Miếu, Chí Hòa 1, Hóc Lách, Bàu Bạ, Hòa Ninh... chưa được đầu tư trong giai đoạn 2021-2025, cần tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa phía Bắc huyện Phù Mỹ theo đề án giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt vùng phía bắc huyện Phù Mỹ tại Văn bản số 1969/UBND-KT ngày 30/3/2020.

- Hoàn chỉnh Đề án: Giải pháp về nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định; dự án Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông La Tinh sớm được phê duyệt trước năm 2025.

- Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa kênh mương; xây dựng đập dâng; nâng cấp và gia cố tuyến đê, kè hiện hữu xuống cấp và không đáp ứng yêu cầu ứng phó với thiên tai; gia cố các vị trí xung yếu tại các trục sông suối trên địa bàn đảm bảo tiêu thoát lũ được an toàn.

6.2.4 Định hướng cao độ nền

Cao độ nền lựa chọn cho từng đô thị, điểm dân cư nông thôn phải tuân thủ Quy chuẩn quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021 áp dụng cho đô thị loại V (chu kỳ lặp lại mực nước ngập tính toán là 10 năm (tương ứng $P=10\%$ đối với khu trung tâm, khu dân cư tập trung và khu công nghiệp), 2 năm (tương ứng $P=50\%$ đối với khu cây xanh, công viên, TĐTT), đảm bảo không bị ngập úng, ngập lũ, thuận tiện cho giao thông và thoát nước mưa dễ dàng. Cụ thể sau:

Đối với các khu vực đô thị và dân cư hiện trạng, cao độ xây dựng trên cơ sở cao độ nền hiện trạng của đô thị và dân cư hiện hữu.

Đối với các trung tâm đô thị và dân cư tập trung: Cao độ xây dựng $H_{xd} \geq H_{max}$ lớn nhất (ứng với tần suất $P= 10\%$) $+0,3m$.

Đối với khu công nghiệp tập trung: Cao độ xây dựng dân dụng $H_{cn} \geq H_{max}$ lớn nhất ứng với tần suất $P= 10\%+ 0,5m$.

Đối với khu vực xây dựng ven biển: Xây dựng cảng biển, khu công nghiệp và khu du lịch. Khi xây dựng cần tính đến cao trình mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu. Cao độ khống chế dựng $H_{xd} \geq H_{max}$ lớn nhất (ứng với tần suất $P= 10\%$) $+ (0,3+0,5)m +MNBD$. Riêng khu vực tiếp xúc trực tiếp với biển cần có giải pháp ứng phó với sóng biển (dựng kè, thảm đá hoặc rừng cây chắn sóng...).

Khu cây xanh, công viên $H_{cx} \geq H_{max}$ lớn nhất (ứng với tần suất $P= 50\%$).

Những khu vực xây dựng gần sông suối, hồ chứa, đê đập phải tuân thủ quy định về hành lang bảo vệ an toàn.

6.2.5 Định hướng thoát nước mưa

Trục tiêu: việc tiêu thoát nước vùng huyện Phù Mỹ phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống sông, suối tự nhiên và hồ đập đầu nguồn. Đặc biệt trong vùng có 02 đầm lớn nhiệm vụ trữ nước, nuôi trồng thủy sản, vừa chức năng chống lũ, tiêu úng cho diện tích đất nông nghiệp phía hạ lưu và tiêu thoát nước cho các đô thị, nông thôn.

Hệ thống: sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng (đối với các khu trung tâm cũ) rồi dần dần tiến đến thoát nước riêng; Hệ thống thoát nước riêng (đối với các khu vực xây dựng mới, khu công nghiệp và khu du lịch sinh thái ven biển). Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước cho các đô thị, tiến tới đạt (80- 100)% đường nội thị của các đô thị có công thoát nước mưa, 70% đường ngoại thị có công thoát nước mưa.

Hướng thoát: nước mưa tại các khu vực phát triển xây dựng sẽ được thu gom bằng mạng lưới đường công, rãnh và kênh mương, dẫn ra sông suối và đầm gần nhất.

Lưu vực: toàn huyện được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính theo nền địa hình lấy dãy núi Cột Cờ, núi Lớn ở trung tâm huyện làm đỉnh phân lưu. Trong mỗi lưu vực chính sẽ chia thành nhiều phụ lưu nhỏ (cụ thể hóa ở những giai đoạn hồ sơ chi tiết theo) nhằm đảm bảo thoát nước an toàn và nhanh nhất.

Lưu vực 1: toàn bộ khu vực phía Bắc của huyện, thoát về hệ thống sông suối phía Bắc ra đầm Trà Ổ và Biển Đông.

Lưu vực 2: toàn bộ khu vực phía Nam của huyện, thoát về hệ thống sông suối phía Nam, ra sông La Tinh, đầm Đê Gi và Biển Đông.

6.3 Định hướng cấp nước

6.3.1 Cơ sở thiết kế

- Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01: 2021/BXD.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-1:2023 về các công trình hạ tầng kỹ thuật- Công trình cấp nước.

- Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 13606:2023 ban hành theo Quyết định số 773/QĐ-BKHCN ngày 15/04/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình.

- Luật Phòng cháy và Chữa cháy 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được phê duyệt bởi Quyết định số 1536/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bình Định ngày 07/05/2023

6.3.2 Giải pháp chung

- Áp dụng hình thức cấp nước liên xã có hỗ trợ qua lại với nhau trong phạm vi đơn vị hành chính huyện.

- Cần có kế hoạch cân đối giữa cấp nước sinh hoạt và tưới cho nông nghiệp, đặc biệt là vào mùa khô nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước mặt tránh sử dụng kiệt về lưu lượng và suy thoái về chất lượng.

- Cải thiện tất cả các khâu từ dây chuyền công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nhất là khâu quản lý nhằm nâng cao số lượng và chất lượng nước phục vụ các nhu cầu sử dụng, hạn chế thất thoát nước.

- Cần phải đầu tư đồng bộ các trạm cấp nước với mạng lưới đường ống cấp nước để sau khi xây dựng phát huy được hiệu quả.

- Cấp nước các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nằm độc lập, không thuộc hoặc gần trạm cấp nước tập trung, tùy theo nguồn nước từng khu vực để có những lựa chọn phù hợp.

6.3.3 Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước

- Cấp nước sinh hoạt: Thị trấn Phù Mỹ và Bình Dương, đô thị Mỹ An, Mỹ Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp, Mỹ Đức, Mỹ Thắng tính theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Các xã còn lại: tính theo tiêu chuẩn cấp nước cho dân cư nông thôn.

- Cấp nước công nghiệp: Chọn tiêu chuẩn cấp nước: 20m³/ha với 100% diện tích (đến năm 2035).

Bảng 11: : Bảng Tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước đến năm 2035

TT	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Sinh hoạt	Công nghiệp	Công cộng	Tưới cây, rửa đường	Dự phòng, rò rỉ	NM	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
1	Thị trấn Phù Mỹ	18.500	1.850	764	278	185	461	142	3.679
2	Thị trấn Bình Dương	7.900	790	2510	119	79	525	161	4.183
3	Đô thị Mỹ Chánh	18.000	1.800		270	180	338	104	2.691
4	Đô thị Mỹ Thành	33.500	3.350	526	503	335	707	217	5.637
5	Đô thị Mỹ An	14.000	1.400		210	140	263	81	2.093
6	Đô thị Mỹ Thọ	18.150	1.815		272	182	340	104	2.713
7	Đô thị Mỹ Hiệp	15.300	1.530	1276	230	153	478	147	3.813
8	Đô thị Mỹ Đức	9.700	970		146	97	182	56	1.450
9	Xã Mỹ Phong	8.100	729		109	73	131	40	1.090
10	Xã Mỹ Trinh	5.900	531		80	53	96	29	794
11	Xã Mỹ Hòa	7.400	666		100	67	120	37	996
12	Xã Mỹ Châu	7.700	693		104	69	125	38	1.036
13	Đô thị Mỹ Thắng	13.500	1.350		203	135	253	78	2.018
14	Xã Mỹ Lộc	6.800	612		92	61	110	34	915
15	Xã Mỹ Lợi	7.200	648		97	65	117	36	969
16	Xã Mỹ Quang	6.600	594	1492	89	59	331	101	2.672
17	Xã Mỹ Tài	8.200	738		111	74	133	41	1.103
18	Xã Mỹ Cát	5.800	522		78	52	94	29	780
19	Xã Mỹ Chánh Tây	4.000	360	1220	54	36	248	76	1.997
20	Khu du lịch đầm Trà Ổ								10.000
21	Khu Logistic			1376			206	63	1.646
22	KCN Phù Mỹ			16.419			2.463	755	19.637

TT	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Sinh hoạt	Công nghiệp	Công cộng	Tưới cây, rửa đường	Dự phòng, rò rỉ	NM	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
	Tổng								71.914

Tổng nhu cầu dùng nước của toàn huyện đến năm 2035 khoảng (làm tròn): 72.000m³/ngđ.

6.3.4 Nguồn nước

a. Nước ngầm

Hiện nay chưa có tài liệu nào đánh giá riêng nguồn nước nước ngầm huyện Phù Mỹ mà chỉ có tài liệu đánh giá toàn tỉnh. Trên địa bàn toàn tỉnh Bình Định, đã được phân chia và xác lập hai hệ thống tầng chứa nước: hệ thống các tầng chứa nước lỗ hổng và hệ thống các tầng chứa nước khe nứt. Các tầng chứa nước lỗ hổng được phân định thành hai nhóm: tầng chứa nước Pleistocen (Qp) và Holocen (Qh). Các tầng chứa nước khe nứt chia thành 3 nhóm: Các tầng chứa nước bazan, trầm tích Neogen và trầm tích cổ. Kết quả tính toán trữ lượng khai thác tiềm năng theo tầng chứa nước như sau:

Bảng 12: Bảng Kết quả đánh giá trữ lượng nước ngầm khai thác tiềm năng

Tầng chứa nước	M	ΔH	F _t	V _t	Q _d	Q _{tn}
Bazan	0,1	2,5	203,5	50.875.000	139.384	140.910
Neogen	0,05	2,0	46,2	4.620.000	12.658	12.797
Qh	0,25	1,7	837,3	355.852.500	974.938	985.614
Qp	0,2	2,0	1.182,1	472.840.000	1.295.452	1.309.637
Trầm tích cổ	0,02	2,5	1.492,4	74.620.000	204.438	206.677
Tổng				958.807.500	2.626.870	2.655.635

Nguồn: Đề tài Tổng hợp biên hội bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1/50.000. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước ngầm. Đánh giá hiện trạng khai thác nước ngầm và đề xuất các giải pháp quản lý khai thác sử dụng hợp lý và bền vững tại tỉnh Bình Định do Liên đoàn địa chất thủy văn - Địa chất công trình miền Trung thực hiện.

Trong đó:

- V_t: Trữ lượng tĩnh trọng lực được xác định theo tài liệu đo vẽ địa chất thủy văn và khoan thăm dò, thí nghiệm thăm.

- Q_d: Trữ lượng động thiên nhiên được đánh giá theo phương pháp tính toán dựa vào dao động mực nước ngầm trong một năm.

- Q_{tn}: Trữ lượng khai thác tiềm năng được xác định theo kết quả tính toán trữ lượng động và trữ lượng tĩnh.

- Qua đánh giá tài nguyên nước ngầm, đã xác định được rằng các tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (Qp) và trong trầm tích Holocen (Qh) là các tầng chứa nước có triển vọng đối với mục tiêu cung cấp nước. Tại đó, có thể xây dựng các công trình cấp nước tập trung, đặc biệt là trong các dải bồi tích rộng và khá dày nằm dọc thung lũng các sông như sông Hà Thanh, sông Côn, sông Đại An... Các tầng chứa nước khác ít triển vọng hơn, nhưng cũng có ý nghĩa nhất định đối với các nhu cầu cấp nước nhỏ, phân tán.

b. Nước mặt

Toàn huyện có tổng số 48 hồ chứa nước với tổng dung tích chứa 47,78 triệu m³.

- Đầm Trà Ô: Với chu vi khoảng 20 km, đầm Trà Ô được bao quanh bởi 4 xã Mỹ Thắng, Mỹ Lợi, Mỹ Đức, Mỹ Châu. Diện tích lưu vực là F_{lv}= 206,5 km², Q_o= 7,3 m³/s

tương ứng với $M= 359,35 \text{ l/s.km}^2$ và $W_o= 0,23 \text{ tỷ m}^3$. Trước đây đầm nối với biển bằng cửa Hà Ra nhưng hiện nay cửa này chỉ thông biển vào mùa mưa còn mùa khô thì bị bồi lấp. Đầm nước lợ nhưng nay vị muối nhạt dần thay vào đó là vị ngọt của các con sông, con suối nhỏ đổ vào, đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các xã ven đầm.

- Sông La Tinh: bắt nguồn từ sườn Đông dãy núi cao xã Cát Sơn rồi quy tụ về đầm Đề Gi trước khi thoát ra Biển với tổng chiều dài sông 52,0 km, diện tích lưu vực là $Flv= 739 \text{ km}^2$, $Q_o= 28,98 \text{ m}^3/\text{s}$ tương ứng với $M= 39,22 \text{ l/s.km}^2$ và $W_o= 0,91 \text{ tỷ m}^3$.

- Hồ Hội Sơn: lấy tên gọi thôn Hội Sơn, được xây dựng năm 1984, trên dòng chính sông La Tinh tại địa bàn xã Cát Lâm, Cát Sơn thuộc huyện Phù Cát. Hồ Hội Sơn có diện tích lưu vực $Flv= 68 \text{ km}^2$, dung tích toàn bộ $W_{tb}= 45,62 \text{ tr.m}^3$. Hồ có chức năng điều tiết nước cho sông La Tinh, đảm bảo an toàn cho việc khai thác nước cấp cho sinh hoạt trong mùa khô.

- Hồ Phú Hà: thuộc xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ. Hồ có dung tích toàn bộ 4,92 triệu m^3 và hiện đang cung cấp nước thô cho nhà máy nước Mỹ Đức. Trong số các công trình thủy lợi duy nhất có hồ Phú Hà là không sử dụng hết lượng nước trữ trong hồ, hàng năm cuối mùa khô hồ còn dư từ 0,8 - 1,2 triệu m^3 nước.

- Hồ Hội Khánh: thuộc xã Mỹ Hòa, huyện Phù Mỹ. Hồ có dung tích 6,93 triệu m^3 . Cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các xã Mỹ Hòa, và một phần của Mỹ Hiệp và thị trấn Phù Mỹ.

- Một số hồ nhỏ trên địa bàn như Hồ Núi Miếu, Hồ Đá Bàn và Hồ Hòa Ninh với tổng dung tích khoảng 1,6-2tr m^3 đang cung cấp nước tưới cho khoảng 180ha đất nông nghiệp, trong đó hồ Đá Bàn đảm nhiệm khoảng 50ha). Riêng hồ Đá Bàn có phương án cải tạo và nâng cao đỉnh đập lên cao trình +20,8m để tăng dung tích hồ và khả năng trữ nước so với dung tích hồ hiện trạng (Theo QĐ số 3743/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025). Có thể nghiên cứu sử dụng làm nguồn cung cấp nước thô cho khu vực.

c. 3 Lựa chọn nguồn nước

Hướng tới sử dụng nước mang tính bền vững, đối với huyện Phù Mỹ giảm dần sử dụng nguồn nước ngầm và chuyển sang sử dụng nguồn nước mặt. Nước ngầm chỉ áp dụng với những xã không có khả năng khai thác nguồn nước mặt và nhu cầu sử dụng nước thấp.

- Vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ (thuộc tiểu lưu vực đầm Trà Ổ) gồm thị trấn Bình Dương, đô thị Mỹ Đức, Mỹ An, Mỹ Thọ và các xã: Mỹ Châu, Mỹ Lộc, Mỹ Phong, Mỹ Lợi, Mỹ Thắng và KCN Phù Mỹ. Sử dụng nguồn nước ngầm hiện đang khai thác kết hợp nước mặt hồ Phú Hà và Đầm Trà Ổ. Phương án: Cải tạo nâng cấp cụm công trình đầu mối hồ Phú Hà, nâng cao mực nước hồ thêm 1,0m (từ +18.60m lên +19.60m) để tăng dung tích lên thành 5,24 triệu m^3 nước cung cấp nước sinh hoạt và tưới nông nghiệp cho các xã phía Bắc và ven biển. Giai đoạn dài hạn khai thác nguồn nước mặt Đầm Trà Ổ - Có nghiên cứu, tính toán nâng cao trình mực nước đầm trà ổ nhằm phục

hội hệ sinh thái, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và được xem xét cụ thể trong các bước tiếp theo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế về nguồn lực địa phương và tính khả thi thực hiện.

- Vùng phía Nam huyện Phù Mỹ (thuộc tiểu lưu vực Bắc sông La Tinh) bao gồm: thị trấn Phù Mỹ, đô thị Mỹ Hiệp, Mỹ Thành, Mỹ Chánh và các xã Mỹ Trinh, Mỹ Hòa, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Quang, Mỹ Tài, Mỹ Cát. Sử dụng nguồn nước ngầm hiện đang khai thác kết hợp nước mặt sông La Tinh, hồ Hội Khánh, hồ Hội Sơn (Phù Cát). Cụ thể:

+ Phía Tây Nam gồm: đô thị Mỹ Hiệp và các xã Mỹ Trinh, Mỹ Hòa khai thác nguồn nước thô hồ Hội Khánh. Phương án: Xây dựng hệ thống kênh chuyển nước từ lưu vực hồ Hội Sơn sang hồ Hội Khánh.

+ Phía Đông Nam gồm: Thị trấn Phù Mỹ, đô thị Mỹ Thành, Mỹ Chánh và các xã Mỹ Quang, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Tài, Mỹ Cát khai thác nguồn nước thô sông La Tinh. Phương án: Triển khai thi công xây dựng hệ thống kênh Văn Phong đưa nước từ hồ Định Bình về sông La Tinh.

* Khu công nghiệp Phù Mỹ: sử dụng nguồn nước từ hồ Đá Bàn và các nguồn sẵn có. Giai đoạn sau sẽ sử dụng nguồn nước từ Đầm Trà Ô (Nguồn nước chính xác sẽ được nghiên cứu cụ thể trong đề án riêng của KCN Phù Mỹ)

6.3.5 Công trình đầu mối và dự kiến phân vùng cấp nước

- Vùng phía Bắc huyện Phù Mỹ với nhu cầu cấp nước khoảng: 49.000m³/ngđ. Nâng công suất, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước của các Trạm cấp nước sinh hoạt hiện có (TCN Mỹ Châu, TCN Mỹ Phong và TCN Mỹ Lợi); Nâng công suất và mở rộng mạng đường ống của Nhà máy xử lý nước thị trấn Bình Dương để cấp cho thị trấn Bình Dương và xã Mỹ Lộc; Nâng công suất Trạm cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức và hoàn thành Dự án cấp nước ven biển. Xây dựng nhà máy nước riêng phục vụ cho KCN Phù Mỹ. Giai đoạn ngắn hạn sử dụng nguồn nước hồ Phú Hà cấp nước cho các xã ven biển (Mỹ Đức, Mỹ Thắng, Mỹ An, Mỹ Thọ và Mỹ Thành). Giai đoạn dài hạn khai thác thêm nguồn nước mặt Đầm Trà Ô để phục vụ nhu cầu kinh tế xã hội kết hợp các hoạt động du lịch, phát triển tại khu vực .

* Riêng KCN Phù Mỹ với diện tích 820,93ha, cần xây dựng nhà máy nước riêng, giai đoạn trước mắt sử dụng nguồn nước từ hồ Đá Bàn và các nguồn có sẵn (nguồn nước chính xác sẽ được nghiên cứu cụ thể trong dự án riêng của KCN Phù Mỹ); trong tương lai khi KCN được lấp đầy có thể sử dụng nước từ Đầm Trà Ô về để đảm bảo nhu cầu dùng nước cho KCN. (có chủ trương và dự án riêng)

- Vùng phía Nam huyện Phù Mỹ với nhu cầu khoảng: 28.000m³/ngđ

+ Vùng núi phía Tây Nam: Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước tại Mỹ Hòa, khai thác nguồn nước mặt hồ Hội Khánh, Hội Sơn (Phù Cát) cấp cho: đô thị Mỹ Hiệp và các xã Mỹ Trinh, Mỹ Hòa.

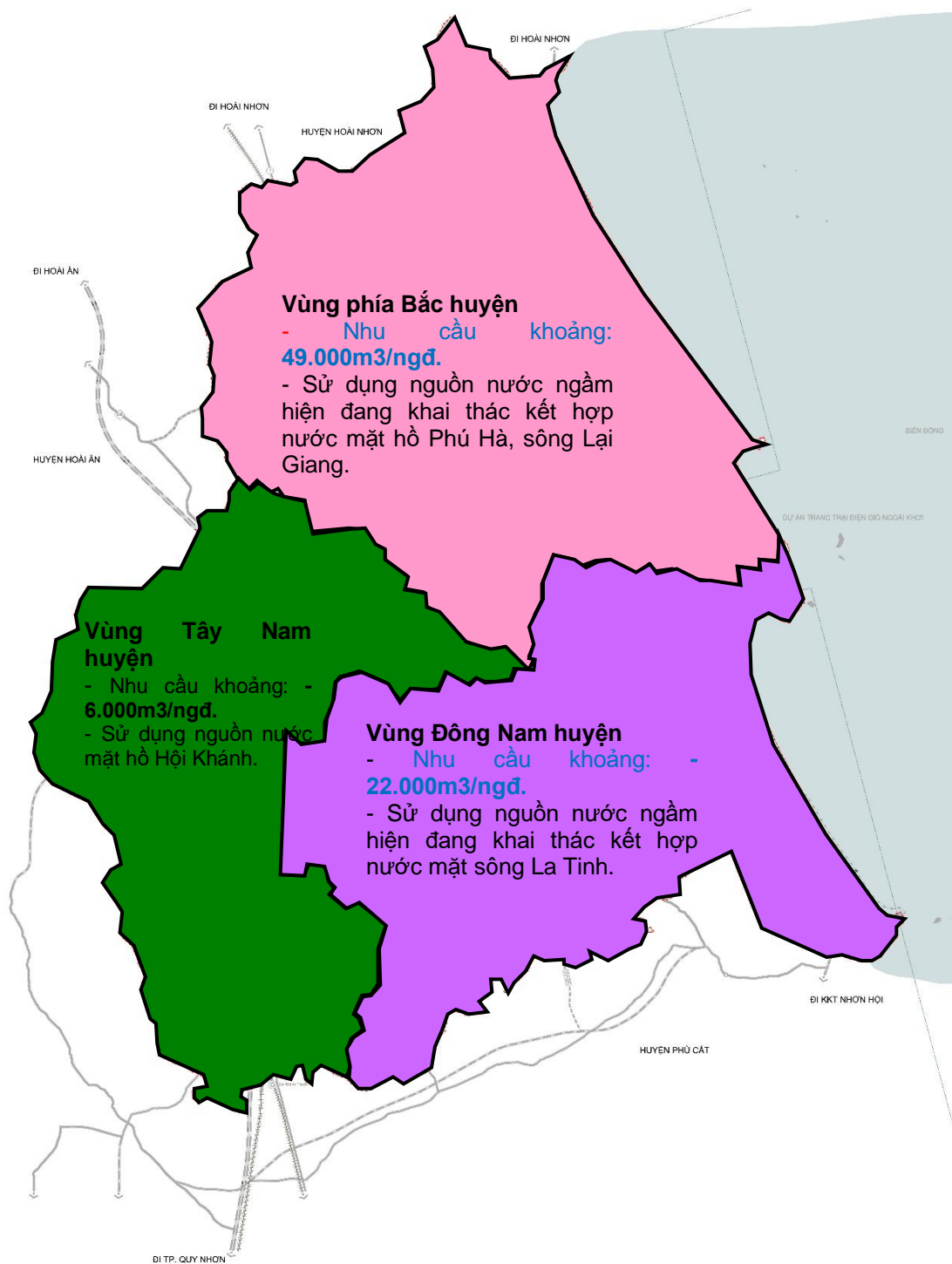
+ Vùng Đông Nam: Nâng công suất, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước của các nhà máy nước và trạm cấp nước hiện có: Nhà máy nước Phù Mỹ, TCN Mỹ Thành, TCN Mỹ Chánh và TCN Mỹ Tài. Khai thác nguồn nước sông La Tinh.

- Quy mô công suất các trạm cấp nước, nhà máy nước và mạng lưới đường ống sẽ xác định cụ thể theo dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong các giai đoạn.

- Đầu tư xây dựng mới công trình có quy mô lớn cấp nước liên Xã, nâng cấp các công trình hiện có đảm bảo đủ công suất phục vụ cho nhu cầu, đầu tư mạng đường ống tải chính liên kết các công trình cấp nước để hỗ trợ cho nhau, mở mạng đường ống dịch vụ đến tận thôn, xóm để việc cung cấp nước cho nhu cầu của người dân thuận lợi

- Để đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, xây dựng đường ống truyền tải liên kết, hỗ trợ giữa nhà máy nước với nhau. Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế bao phủ toàn huyện đi qua các trung tâm xã. Mạng lưới đường ống chi tiết tại các đô thị sẽ xác định theo các quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt.

- Cấp nước sạch nông thôn: Tiếp tục nâng cao tỷ lệ người dân khu vực nông thôn được sử dụng nước sạch, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu về nước sạch nông thôn quy định tại Chiến lược Quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



Hình 16: Sơ đồ dự kiến phân vùng cấp nước

Bảng 13: Dự kiến phân vùng cấp nước và các nhà máy

TT	Công trình	Công suất (m ³ /ngđ)		Nguồn nước	Phạm vi phục vụ
		Hiện có	Năm 2035		
I	Vùng phía Bắc huyện		49.000		
1	NMN Bình Dương	500	5.100	Hồ Phú Hà + Sông Lại Giang	Thị trấn Bình Dương, xã Mỹ Lộc.
2	NMN Mỹ Đức	1.200	10.000	Hồ Phú Hà + Sông Lại Giang	Phía Đông ven biển: Đô thị Mỹ An, Mỹ Thọ, Mỹ Đức và Mỹ Thắng.
3	TCN Mỹ Châu	1.400	1.400	Nước ngầm	Xã Mỹ Châu
4	TCN Mỹ Phong	370	1.200	Nước ngầm	Xã Mỹ Phong
5	TCN (Tại xã Mỹ Lợi)	1.100	1.100	Nước ngầm	Xã Mỹ Lợi

TT	Công trình	Công suất (m ³ /ngđ)		Nguồn nước	Phạm vi phục vụ
		Hiện có	Năm 2035		
6	Khu du lịch Đầm Trà Ô		10.000	Các NMN Mỹ Đức, Mỹ Châu, Mỹ Lợi.	ĐT Mỹ Đức, Mỹ Thắng và xã Mỹ Châu, Mỹ Lợi.
7	NMN KCN Phù Mỹ		20.000	GĐ 1: Hồ Đá Bàn và các nguồn có sẵn có GĐ 2: Nước mặt Đầm Trà Ô	KCN Phù Mỹ
II	Vùng phía Nam huyện		25.600		
A	Vùng núi Tây Nam				
7	NMN dự kiến (Tại xã Mỹ Hòa)		6.000	Nước mặt hồ Hội Khánh, hồ Hội Sơn (Phù Cát)	Phía Tây huyện: đô thị Mỹ Hiệp và các xã Mỹ Trinh, Mỹ Hòa.
B	Vùng Đông Nam				
8	NMN Phù Mỹ	2.400	6.500	Nước ngầm+ sông La Tinh	Thị trấn Phù Mỹ, xã Mỹ Quang.
9	NMN Mỹ Thành	400	6.000	Sông La Tinh	Đô thị Mỹ Thành.
10	NMN Mỹ Chánh	2.000	5.500	Sông La Tinh (tại đập Cây Ké)	Đô thị Mỹ Chánh, xã Mỹ Chánh Tây, xã Mỹ Cát.
11	TCN Mỹ Tài	1.600	1.600	Nước ngầm	Xã Mỹ Tài.

6.3.6 Công tác phòng cháy và chữa cháy

Tuân thủ luật Phòng cháy và Chữa cháy 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy Chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình.

Trong từng các công trình cao tầng phải có thiết bị báo cháy và chữa cháy tuân theo quy phạm phòng cháy chữa cháy của Bộ Công an.

Hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy kết hợp cấp nước sinh hoạt. Chữa cháy áp lực thấp. Áp lực tự do tối thiểu trong mạng lưới đường ống cấp nước khi chữa cháy đảm bảo không được nhỏ hơn 10m.

Tận dụng ao hồ để cấp nước chữa cháy. Có đường cho xe chữa cháy tới lấy nước. Chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí lấy nước chữa cháy không lớn quá 4m và chiều dày lớp nước $\geq 0,5\text{m}$.

Trên các tuyến ống $\geq \square 110\text{mm}$, dọc theo các đường phố phải bố trí các trụ lấy nước chữa cháy, đảm bảo các quy định: Khoảng cách tối đa giữa các trụ cứu hỏa là 150m. Trụ chữa cháy phải được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy như: ở ngã ba, ngã tư đường phố. Khoảng cách tối thiểu giữa các trụ với tường các ngôi nhà là 5m và với mép đường là 2,5m.

6.3.7 Khoảng cách ly bảo vệ nguồn nước

Đảm bảo khoảng cách ly theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01: 2021/BXD quy định:

- Đối với điểm lấy nước thô tại các hồ:

+ Khu vực bảo vệ cấp 1: Phạm vi của điểm lấy nước $> 300\text{m}$. Nghiêm cấm: xây dựng nhà ở, xả nước thải sinh hoạt và chất thải rắn, sử dụng hóa chất và bón phân cho

cây trồng, chăn nuôi gia cầm gia súc, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản.

+ Khu vực bảo vệ cấp 2: Toàn lưu vực. Nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.

- Đối với nhà máy nước: Trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ bao quanh. Bên trong tường rào không được xây dựng nhà ở, xả nước thải sinh hoạt và chất thải rắn, sử dụng hóa chất và bón phân cho cây trồng, chăn nuôi gia cầm gia súc.

6.4 Định hướng cấp điện

6.4.1 Cơ sở thiết kế

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)

- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2035.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành điện và quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

- Tổng sơ đồ điện VIII

- Dự báo về các chỉ tiêu phát triển đô thị, công nghiệp do đồ án lập.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được phê duyệt bởi Quyết định số 1536/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bình Định ngày 07/05/2023

6.4.2 Quan điểm thiết kế

- Quy hoạch cấp điện phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, độ tin cậy, kinh tế trong công tác thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo vệ, bảo dưỡng hệ thống. Phải phù hợp trước mắt và lâu dài dựa trên nền của quy hoạch phát triển hệ thống điện chung của tỉnh Bình Định.

- Cân đối đủ nguồn cấp điện trên cơ sở dùng điện hiệu quả và tiết kiệm, bảo đảm huy động thuận lợi nguồn cấp điện trong chế độ vận hành bình thường phụ tải max, các trường hợp sự cố và duy tu bảo dưỡng.

- Phát triển mạng lưới điện nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và giảm tổn thất điện năng, gắn kết với lưới điện của tỉnh Bình Định.

- Thiết kế lưới điện phải có độ dự trữ và tính linh hoạt cao cung cấp điện an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng điện năng cho sự phát triển xã hội của huyện, đặc biệt là các phụ tải quan trọng trên địa bàn.

6.4.3 Chỉ tiêu cấp điện

Chỉ tiêu cấp điện cho các khu đô thị và dân cư căn cứ quy chuẩn xây dựng Việt nam. Cụ thể:

Bảng 14: Bảng Chỉ tiêu điện sinh hoạt

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn đầu		Giai đoạn dài hạn	
		Đô thị loại IV-V	Nông thôn	Đô thị loại IV-V	Nông thôn
	Phụ tải Pmax W/người	200	160	330	230

Bảng 15: Bảng Chỉ tiêu điện công trình công cộng

Loại đô thị	Đô thị loại IV-V	Nông thôn
Điện công trình công cộng, dịch vụ (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	30	15

Trường hợp tính toán theo quỹ đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ đô thị, đất các khu trung tâm, đất khu du lịch thì áp dụng chỉ tiêu tính toán theo quỹ đất chiếm dụng theo bảng sau.

Chỉ tiêu điện công nghiệp: Lấy từ 50- 250 kW/ha

6.4.4 Tính toán phụ tải điện

Phụ tải điện được tính toán như sau:

Đối với phụ tải điện sinh hoạt và công cộng do điều chỉnh dân số nên phụ tải sinh hoạt thay đổi dự báo theo dự báo dân số trong kỳ điều chỉnh QHVV Phù Mỹ. Cụ thể:

Bảng 16: Bảng tính toán phụ tải điện

TT	Tổng toàn huyện	Dân số	Phụ tải sinh hoạt (kw)	Phụ tải công cộng (kw)	Tổng phụ tải (kW)
		2035	2035	2035	2035
		216.150	64.960	17.290	82.250
1	Thị trấn Phù Mỹ	18.500	6.105	1.832	7.937
2	Thị trấn Bình Dương	7.900	2.607	782	3.389
3	Đô thị Mỹ Chánh	18.000	5.940	1.782	7.722
4	Đô thị Mỹ Thành	33.500	11.022	3.307	14.329
5	Đô thị Mỹ An	14.000	4.620	1.386	6.006
6	Xã Mỹ Thọ	18.150	5.990	1.797	7.786
7	Xã Mỹ Hiệp	15.300	5.049	1.515	6.564
8	Xã Mỹ Đức	9.700	3.201	960	4.161
9	Xã Mỹ Phong	8.100	1.863	279	2.142
10	Xã Mỹ Trinh	5.900	1.357	204	1.561
11	Xã Mỹ Hòa	7.400	1.702	255	1.957
12	Xã Mỹ Châu	7.700	1.771	266	2.037
13	Đô thị Mỹ Thắng	13.500	4.455	1.337	5.792
14	Xã Mỹ Lộc	6.800	1.564	235	1.799
15	Xã Mỹ Lợi	7.200	1.656	248	1.904

16	Xã Mỹ Quang	6.600	1.518	228	1.746
17	Xã Mỹ Tài	8.200	1.886	283	2.169
18	Xã Mỹ Cát	5.800	1.334	200	1.534
19	Xã Mỹ Chánh Tây	4.000	1.320	396	1.716

Đối với phụ tải điện công nghiệp – du lịch, sản xuất được điều chỉnh tính toán như sau:

Bảng 17: tính toán điều chỉnh phụ tải công nghiệp - du lịch

Stt	Danh mục KCN,CCN, khu vực CN	Địa điểm	Hiện trạng	Xây dựng mới	Quy mô (ha)	Chỉ tiêu	Phụ tải (kw)
I	KCN						
1	CCN Bình Dương	TT Bình Dương	x		75,50	170,00	12.835
2	CCN Diêm Tiêu	TT Phù Mỹ	x		38,20	170,00	6.494
3	CCN Đại Thành	Đô thị Mỹ Hiệp (tương lai)	x		63,80	170,00	10.846
4	CCN Trung Hiệp	Xã Mỹ Chánh Tây		x	61,00	170,00	10.370
5	CCN Trung Thành	Xã Mỹ Quang		x	74,60	170,00	12.682
6	CCN Tân Tương An	TT Bình Dương mở rộng		x	50,00	170,00	8.500
7	CCN thủy sản Mỹ Thành	TT Bình Dương mở rộng		x	26,30	170,00	4.471
8	Khu công nghiệp PM	xã Mỹ Thọ và Mỹ An		x	820,93	170,00	139.558
9	Khu bến cảng Phù Mỹ						20.250
II	Du lịch						
1	Khu du lịch đầm Trà Ô			x	1478	20	29.560
2	Các khu du lịch sinh thái gắn với hồ			x	136	20	2.720
III	Tổng cộng						258.286

Bảng 18: Tổng hợp phụ tải

Stt	Hạng mục	Phụ tải tính toán (kw)	Hệ số sử dụng	Phụ tải yêu cầu (kw)
-----	----------	------------------------	---------------	----------------------

		2035		2035
1	Phụ tải sinh hoạt	64.960	0,75	48.720
2	Phụ tải công cộng, dịch vụ	17.290	0,75	12.968
3	Phụ tải công nghiệp - du lịch	258.286	0,75	193.715
4	Tổng	340.536		255.402

Tổng nhu cầu cấp điện điều chỉnh của khu vực đến giai đoạn định hình là:
- Đến năm 2035: 257MW tương đương 285MVA

6.4.5 Giải pháp quy hoạch cấp điện

a. Nguồn điện

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nguồn điện cấp cho khu vực được cấp từ các công trình đầu mối sau:

Nâng công suất trạm biến áp 220kV Phù Mỹ lên 2x250MVA.

Nâng cấp trạm 110kV Phù Mỹ, công suất 2x40MVA, trạm nguồn cấp điện một cho trung tâm huyện Phù Mỹ.

Xây mới trạm 110kV Phù Mỹ 2, công suất 2x40MVA, đây là trạm nguồn cấp điện cho khu Tây Nam huyện.

Xây mới trạm 110kV Bình Dương công suất 2x40MVA, đây là trạm nguồn cấp điện cho khu vực phía Bắc huyện.

Xây mới trạm 110kV KCN Phù Mỹ công suất 2x63MVA, đây là trạm nguồn cấp cho các khu công nghiệp và một số xã của huyện.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện với tiềm năng phát triển dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió gồm có các dự án năng lượng tái tạo sau:

+ Nhà máy điện Mặt trời Mỹ Hiệp công suất 50MWp; Nhà máy điện mặt trời Đầm Trà Ổ công suất 50MWp và điện mặt trời Phù Mỹ 1, Phù Mỹ 2, Phù Mỹ 3 với tổng công suất 330 MWp.

+ Dự án Điện gió trên đất liền thuộc các xã Mỹ Chánh, Mỹ Chánh Tây, Mỹ Trinh và Mỹ Phong và Dự án Điện gió ngoài khơi thuộc các xã Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ An, Mỹ Thắng và Mỹ Đức. Dự án dự kiến được đấu nối vào hệ thống lưới điện Quốc gia thông hệ thống lưới truyền tải 220kV²

Nguồn điện cấp cho huyện được xác định trong QHV huyện Phù Mỹ đã duyệt:

Nâng công suất trạm biến áp 220kV Phù Mỹ 2x250MVA.

Nâng cấp trạm 110kV Phù Mỹ, công suất 2x40MVA, trạm nguồn cấp điện một cho trung tâm huyện Phù Mỹ.

Nâng cấp trạm 110kV Mỹ Thành, công suất 2x63MVA, trạm nguồn cấp điện một cho khu vực phía đông nam huyện Phù Mỹ.

Xây mới trạm 110kV Phù Mỹ 2, công suất 2x40MVA, đây là trạm nguồn cấp điện cho khu Tây Nam huyện.

² Phương thức đấu nối cụ thể sẽ được cụ thể ở bước lập dự án đầu tư

Xây mới trạm 110kV Bình Dương công suất 2x40MVA, đây là trạm nguồn cấp điện cho khu vực phía Bắc huyện.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện với tiềm năng phát triển dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió gồm có các dự án năng lượng tái tạo sau:

+ Nhà máy điện Mặt trời Mỹ Hiệp được xây dựng trên diện tích 58.27 ha tại xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với công suất lắp đặt 50MWp.

+ Nhà máy điện mặt trời Đầm Trà Ô công suất 50MWp, đây là dự án điện mặt trời trên mặt đầm Trà Ô, vị trí đặt tại xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ.

+ Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1, Phù Mỹ 2, Phù Mỹ 3 vị trí xây dựng ở xã Mỹ Thắng và xã Mỹ An, với tổng công suất 330 MWp.

Điều chỉnh bổ sung một số công trình nguồn điện cấp cho huyện và tỉnh Bình Định cập nhật từ quy hoạch tỉnh Bình Định:

Trạm 500kV Hòn Trâu 2 tại xã Mỹ Thọ công suất 2x500MVA cấp cho khu vực huyện Phù Mỹ nói riêng và phía bắc tỉnh Bình Định nói chung.

Trạm 220/110kV Hòn Trâu 1 tại xã Mỹ An công suất 2x250MVA cấp cho khu vực phía đông Phù Mỹ.

Trạm 110/22kV KCN Phù Mỹ tại xã Mỹ An công suất 2x63MVA cấp cho khu công nghiệp và các xã lân cận.

Bổ sung một số dự án năng lượng tái tạo:

+ Điện gió Mỹ Đức (điện gió gần bờ) công suất 100MWp thuộc xã Mỹ Thắng và Mỹ Đức.

+ Điện gió Phù Mỹ (điện gió gần bờ) công suất 125MWp thuộc xã Mỹ Thành

+ Điện gió Mỹ Chánh công suất 100MWp thuộc xã Mỹ Chánh

+ Điện gió Mỹ An công suất 50MWp thuộc xã Mỹ An

+ Bổ sung vị trí điện gió Hòn Trâu công suất 2000MWp có một phần thuộc khu vực biển huyện Phù Mỹ.

Các dự án điện gió dự kiến bổ sung dự kiến được đấu nối vào lưới điện quốc gia thông qua lưới điện 110kV (dự án điện gió > 250MWp sẽ thoả thuận với ngành điện đấu nối lên mạng truyền tải).

b. Lưới điện cao thế

Điều chỉnh hướng tuyến 220kV từ điện mặt trời Phù Mỹ 1 – 2 – 3 đi TBA 220kV Phù Mỹ và tuyến 110kV từ điện mặt trời Đầm Trà Ô đi TBA 110kV Phù Mỹ để phù hợp với hướng tuyến các tuyến đường dây 220kV và 110kV hiện trạng.

Bổ sung tuyến đường dây 110kV AC240 từ điện gió Mỹ Đức đi TBA 110kV Bình Dương; tuyến 110kV AC240 mạch kép từ điện gió Mỹ An đi TBA 220/110kV Hòn Trâu 1 (QH mới) và tuyến 110kV mạch kép AC240 kết nối mạch vòng với TBA 110kV Phù Mỹ; tuyến 110kV mạch kép AC240 từ điện gió Phù Mỹ đi TBA 110kV Mỹ Thành và tuyến 110kV kết nối mạch vòng với TBA 110kV KCN Phù Mỹ; tuyến 220kV AC400 từ TBA 500kV Hòn Trâu 2 đi TBA 220kV Hòn Trâu 1; tuyến 110kV AC240 từ điện gió Mỹ Chánh đi TBA 110kV Mỹ Thành và Phù Mỹ 2; tuyến 500kV AC400 từ điện gió Hòn Trâu khu vực xã Mỹ An đi TBA 500kV Hòn Trâu 2.

Bổ sung tuyến đường dây 500kV AC400 từ TBA 500kV Hòn Trâu 1 đi TBA 500kV Bình Định.

Các tuyến 110kV và 220kV định hướng trong QHVV đã duyệt giữ nguyên hướng tuyến.

c. Lưới điện trung thế

Lưới điện trung thế không điều chỉnh gì so với quy hoạch vùng huyện phù mỹ đã được duyệt.

Cải tạo nâng cấp tuyến 22kV hiện hữu, đảm bảo mỹ quan và an toàn cung cấp điện.

Khu vực đô thị hệ thống lưới điện trung thế sử dụng cáp ngầm đảm bảo mỹ quan đô thị, tiết diện dây dẫn XLPE- 240, với đặc tính chống thấm dọc, đi trong tuynel hoặc hào kỹ thuật. Đảm bảo đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khu vực, tránh đầu tư nhiều lần gây lãng phí.

Đối với khu vực công nghiệp, ngoại thị, khu vực nông thôn và miền núi sử dụng cáp bọc nổi trên cột bê tông ly tâm

Cấu trúc các tuyến trung thế phải xây dựng mạch vòng, vận hành hở với tải thông thường không quá 70% năng lực của tuyến. Các tuyến ngoại thị hình tia sử dụng máy cắt phân đoạn và recloser để phân đoạn và đóng lại khi có sự cố thoáng qua.

d. Trạm và lưới điện hạ thế

Trạm và lưới điện hạ thế không điều chỉnh gì so với quy hoạch vùng huyện phù mỹ đã được duyệt

Trạm hạ thế sử dụng cấp điện áp 22/0,4kV, kết cấu trạm treo, trạm kios và một cột. Vị trí xây dựng ở khu vực cây xanh, đất công cộng, bán kính cấp điện không quá 300m.

- Hệ thống lưới hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220V, trung tính nối đất trực tiếp; đối với khu đô thị mới, du lịch sử dụng cáp ngầm; đối với khu công nghiệp, khu chức năng đặc thù sẽ tùy mức độ đầu tư của chủ đầu tư.

e. Lưới chiếu sáng

- Lưới điện chiếu sáng không điều chỉnh gì so với quy hoạch vùng huyện phù mỹ đã được duyệt

Nguồn điện cấp cho chiếu sáng giao thông đối ngoại, giao thông đô thị chung sử dụng trạm biến áp riêng. Nguồn điện cấp cho chiếu sáng giao thông khu vực có thể 1 lộ hạ thế riêng từ trạm biến áp hạ thế khu vực.

- Lưới điện chiếu sáng trong các khu đô thị dùng cáp ngầm sử dụng cáp ngầm XLPE tiết diện từ 16 – 25mm²; Đối với khu hiện hữu, khu đồi núi có thể sử dụng cáp nổi.

- Lưới điện chiếu sáng sử dụng đèn chiếu sáng hiệu suất cao nhằm tiết kiệm năng lượng, đảm bảo môi trường, điều khiển tập trung, sử dụng cảm biến ánh sáng (Dimer).

- Chiếu sáng đường phố đảm bảo chỉ tiêu:

Đường cấp I : 1,2 cd/m².

Đường cấp II:	0,8 cd/m ² .
Đường cấp III:	0,6 cd/m ² .
Đường phụ, đường khu nhà ở...:	0,4 cd/m ² .

- Chiều sáng cảnh quan, công trình lựa chọn chiếu sáng theo các mức độ sau:

+ Khu trung tâm thương mại dịch vụ, quảng trường, đầu mối giao thông: sử dụng nhiều hình thức chiếu sáng khác nhau, phối hợp màu sắc giữa chiếu sáng đường và chiếu sáng công trình nhằm nêu bật các điểm nhấn công trình.

+ Các khu cơ quan hành chính, cây xanh, thể dục thể thao hạn chế chiếu sáng dàn trải, tập trung vào chiếu sáng công năng của công trình.

+ Các khu vực khác như khu ở, bệnh viện, khu công nghiệp, di tích lịch sử, đền, chùa... không thích hợp với chiếu sáng dàn trải, ngoài việc đảm bảo một số chiếu sáng công năng thì nên cố gắng hết sức giảm thiểu chiếu sáng trang trí.

6.5 Định hướng thông tin liên lạc

6.5.1 Cơ sở lập quy hoạch

- Luật viễn thông.

- Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012.

- Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2025.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được phê duyệt bởi Quyết định số 1536/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Bình Định ngày 07/05/2023

6.5.2 Chỉ tiêu quy hoạch

Hiện nay chỉ tiêu về hệ thống thông tin liên lạc trong đồ án quy hoạch chưa có cơ sở để áp dụng cho từng đồ án quy hoạch cụ thể. Nên trong đồ án quy hoạch này sử dụng tổng hợp các phương pháp sau:

- Tổng hợp số liệu quy hoạch chuyên ngành (Bưu chính, Viễn Thông, Internet...)

- Dự báo theo kinh nghiệm của các chuyên gia, có điều chỉnh theo tốc độ tăng trưởng dân số, kết cấu hộ gia đình, tỷ lệ độ tuổi lao động, số các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, thu nhập bình quân cá nhân, xu hướng tiêu dùng, hình thức cung ứng dịch vụ... để đưa ra chỉ tiêu chung cho khu vực nghiên cứu quy hoạch.

- Trên cơ sở đó chúng ta có thể sử dụng chỉ tiêu sau: 1 lines/4 người trong giai đoạn đến năm 2035.

6.5.3 Nhu cầu thông tin liên lạc

Trước năm 2035 tỷ lệ hộ gia đình sử dụng dịch vụ thông tin liên lạc đạt 100%. Thời gian này, số thuê bao phát triển mới chủ yếu là thuê bao của các tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn các thành phố, thị trấn.

Bảng 19: Bảng tổng hợp nhu cầu thông tin liên lạc

TT	Hạng mục	Quy mô	Sinh hoạt (Lines)	Công cộng, dịch vụ	Tổng nhu cầu
			0,25- 0,3lines/người	(Lines) -15%sh	(lines)

		2035	2035	2035	2035
1	Thị trấn Phù Mỹ	18.500	5.550	832,5	6.383
2	Thị trấn Bình Dương	7.900	2.370	355,5	2.726
3	Đô thị Mỹ Chánh	18.000	5.400	810	6.210
4	Đô thị Mỹ Thành	33.400	10.020	1503	11.523
5	Đô thị Mỹ An	14.000	4.200	630	4.830
6	Xã Mỹ Thọ	18.150	5.445	816,75	6.262
7	Xã Mỹ Hiệp	15.300	4.590	688,5	5.279
8	Xã Mỹ Đức	9.700	2.910	436,5	3.347
9	Xã Mỹ Phong	8.100	2.430	364,5	2.795
10	Xã Mỹ Trinh	5.900	1.770	265,5	2.036
11	Xã Mỹ Hòa	7.400	2.220	333	2.553
12	Xã Mỹ Châu	7.700	2.310	346,5	2.657
13	Đô thị Mỹ Thắng	13.500	4.050	607,5	4.658
14	Xã Mỹ Lộc	6.800	2.040	306	2.346
15	Xã Mỹ Lợi	7.200	2.160	324	2.484
16	Xã Mỹ Quang	6.600	1.980	297	2.277
17	Xã Mỹ Tài	8.200	2.460	369	2.829
18	Xã Mỹ Cát	5.800	1.740	261	2.001
19	Xã Mỹ Chánh Tây	4.000	1.200	180	1.380
20	Tổng	216.150	64.845	9.727	74.572

Tổng nhu cầu sử dụng hạ tầng viễn thông toàn huyện đến giai đoạn định hình (làm tròn) đến năm 2035: 74.000 lines.

Dự báo trên không bao gồm dự báo thông tin di động (thực hiện theo dự án riêng của các nhà mạng)

Sau năm 2030 công nghệ về thông tin liên lạc có sự hội tụ dịch vụ của các thuê bao. Thời điểm này việc phân biệt thuê bao di động, thuê bao cố định và thuê bao Internet chỉ là tương đối. Khi đó, với một thiết bị viễn thông người dân có thể sử dụng các dịch vụ của thuê bao cố định, thuê bao di động, truy cập và sử dụng dịch vụ Internet mọi lúc mọi nơi. Vậy lúc đó nhu cầu của thuê bao phụ thuộc vào thiết bị và công nghệ, mọi nhu cầu có thể đáp ứng.

6.5.4 Định hướng thông tin liên lạc

Về định hướng thông tin liên lạc tuân thủ theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đã duyệt. Khu vực không có điều chỉnh về dân số vì vậy nhu cầu và định hướng quy hoạch không điều chỉnh so với Quy hoạch đã duyệt.

a. Chuyển mạch

Nâng cấp trạm chuyển mạch chính Phù Mỹ để phù hợp với sự phát triển. Xây mới các bộ tập trung thuê bao tại các khu dân cư mới.

Dự kiến cải tạo và xây mới các trạm chuyển mạch Mỹ Chánh, Bình Dương và bổ sung xây mới trạm Mỹ An với tổng nhu cầu 75.000 thuê bao. Các tổng đài được nối với nhau theo dạng lưới. Xây dựng các chuyển mạch mới với công nghệ tiên tiến.

b. Truyền dẫn

- Xây dựng tuyến truyền dẫn dự phòng, đảm bảo an toàn khi thiên tai, sự cố xảy ra.

- Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn viễn thông liên tỉnh; đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai.

- Nâng cấp, bảo vệ hạ tầng công trình các tuyến truyền dẫn viễn thông liên tỉnh.

- Mạng truyền dẫn nội tỉnh

- Tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị phát triển mạng truyền dẫn phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng trên địa bàn theo nhu cầu.

- Mạng truyền dẫn thế hệ mới phải được áp dụng công nghệ truyền dẫn tiên tiến, có cấu trúc đơn giản.

- Mạng tiếp tục được nâng cấp trên cơ sở tuyến hiện có theo các trục quốc lộ và tuyến dọc đường dây tải điện.

- Xây dựng các tuyến cáp quang truyền dẫn dự phòng

- Áp dụng kỹ thuật mới cho mạng chuyển tải. Số kênh quang đủ và cân bằng tất cả các bước sóng.

- Các vòng Ring được kết nối với nhau bằng thiết bị mới để thực hiện định tuyến luồng quang.

- Các tuyến cáp quang theo đường dây tải điện sẽ được bổ sung để dự phòng.

c. Mạng ngoại vi

- Tiến độ hạ ngầm cáp ngoại vi đảm bảo theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt và có kế hoạch ngầm hóa và chỉnh trang mạng cáp thông tin trên địa bàn tỉnh. Triển khai thu hồi các tuyến cáp đồng không sử dụng.

- Quy hoạch các tuyến hạ tầng kỹ thuật ngầm tại thị trấn Phù Mỹ, trục giao thông chính khu vực đô thị du lịch ven biển.

- Xây dựng hệ thống cống bê theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bê để phát triển dịch vụ.

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể chôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Các cống bê cấp và nắp bê đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

- Sử dụng các thiết bị vật tư đồng bộ với hệ chuyển mạch Neax 61.

- Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp cống có dầu chống ẩm đi trong ống bê PVC (ngầm) có tiết diện lõi dây 0,5mm.

- Các tủ, hộp cáp dùng loại vỏ nội phiến ngoại, bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

d. Mạng di động

- Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng đặt dọc theo trục đường, các khu đô thị nhằm nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị. Sử dụng loại trạm BTS đa năng nhỏ gọn, thân thiện với môi trường đảm bảo cảnh quan đô thị chuẩn A1a, A1b.

- Triển khai hệ thống thông tin mạng di động thế hệ mới (5G,...) để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tốc độ truy nhập mạng, độ phủ sóng rộng.

- Triển khai hệ thống truy nhập Ring truyền tải đa dịch vụ với băng thông 10-100Gbps nhằm đảm bảo kết nối đa dịch vụ và đặc biệt với các dịch vụ internet trên di động như Video, Game, mạng xã hội...

e. Mạng Internet

Mạng Internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Kết nối Internet băng thông rộng. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

f. Bưu chính, truyền thông

- Phát triển mạng lưới bưu chính vươn đến tận các hộ gia đình, thôn, làng trên cơ sở hoàn thiện hệ thống mã đến địa chỉ gắn với số bản đồ V-Map.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính.

- Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử và các dịch vụ mang tính hỗ trợ/logistics cho thương mại điện tử. Định hướng giai đoạn 2030- 2050 mở rộng thêm 20 lên ít nhất 40 điểm phục vụ, đồng thời xây dựng lại, mở rộng, cải tạo, sửa chữa các điểm dịch vụ đảm bảo diện tích phục vụ người dân tối thiểu tại trung tâm huyện là 200m² và các xã tối thiểu từ 100m² trở lên.

- Xây dựng hệ thống tuyên truyền ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông, đồng thời ứng dụng trên thiết bị di động thông minh để người dân tiếp nhận thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, thông tin chỉ đạo, điều hành cấp ủy, chính quyền cơ sở, các thông tin khẩn cấp về thiên tai, hỏa hoạn dịch bệnh trên địa bàn; kiến thức về khoa học kỹ thuật, gửi phản ánh, kiến nghị, đồng góp ý kiến, tiện ích và các dịch vụ thanh toán giúp người dân thực hiện các giao dịch trực tuyến thuận lợi.

6.6 Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

6.6.1 Các căn cứ pháp lý

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2023/BXD.

Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình

Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2015/BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Tiêu chuẩn 7222-2002: Tiêu chuẩn thải nước cho trạm XLNT tập trung

Quyết định số 589/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

6.6.2 Định hướng thoát nước thải

a. Tiêu chuẩn và nhu cầu thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tiêu chuẩn nước thải được lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước, tỷ lệ thu gom xử lý tối thiểu khu vực đô thị 80%.

- Nước thải công nghiệp, sản xuất: Tiêu chuẩn nước thải được lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước, tỷ lệ thu gom $\geq 80\%$.

Bảng 20: Dự báo lượng phát thải từ nước thải đến 2035

TT	Đơn vị hành chính	Dân số (người)	Sinh hoạt (80%)	Công nghiệp (100%)	Công cộng	Nhu cầu
						(m ³ /ngđ)
1	Thị trấn Phù Mỹ	18.500	1.480	764	222	2.466
2	Thị trấn Bình Dương	7.900	632	2510	95	3.237
3	Đô thị Mỹ Chánh	18.000	1.440		216	1.656
4	Đô thị Mỹ Thành	33.500	2.680		402	3.082
5	Đô thị Mỹ An	14.000	1.120	526	168	1.814
6	Đô thị Mỹ Thọ	18.150	1.452		218	1.670
7	Đô thị Mỹ Hiệp	15.300	1.224	1276	184	2.684
8	Đô thị Mỹ Đức	9.700	776		116	892
9	Xã Mỹ Phong	8.100	583		58	642
10	Xã Mỹ Trinh	5.900	425		42	467
11	Xã Mỹ Hòa	7.400	533		53	586
12	Xã Mỹ Châu	7.700	554		55	610
13	Đô thị Mỹ Thắng	13.500	1.080		162	1.242
14	Xã Mỹ Lộc	6.800	490		49	539
15	Xã Mỹ Lợi	7.200	518		52	570
16	Xã Mỹ Quang	6.600	475	1492	48	2.015
17	Xã Mỹ Tài	8.200	590		59	649
18	Xã Mỹ Cát	5.800	418		42	459
19	Xã Mỹ Chánh Tây	4.000	288	1220	29	1.537
20	Khu du lịch đầm Trà Ô					8000
	Khu Logistic			1.100		1.100
	Khu công nghiệp Phù Mỹ			13.135		13.135
	Tổng					49.055

Tổng lượng nước thải phát sinh đến 2035 khoảng 49.000m³/ngày, trong đó lượng phát thải sinh hoạt, du lịch khoảng 28.000m³/ngày và công nghiệp khoảng 21.000m³/ngày

b. Lựa chọn hệ thống thoát nước

Khu vực xây dựng mới, cải tạo mới: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

Khu vực dân cư đô thị hiện trạng cải tạo: Bổ sung tuyến cống bao trên các trục đường chính, tách nước thải từ các mương, rãnh thoát nước đưa về hệ thống thu gom tập trung.

Khu vực dân cư nông thôn: xử lý cục bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đạt tiêu chuẩn, xả ra kênh mương, ao để tự xử lý trong điều kiện tự nhiên.

c. Phương án quy hoạch

Tất cả các hộ gia đình, cơ quan, công trình công cộng..., đều phải có bể tự hoại ba ngăn hợp quy cách. Nước thải được thu gom từ các công trình công cộng, các cụm nhà ở sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sẽ được thu vào hệ thống cống thoát nước thải chung của khu vực.

Nước thải tự chảy theo các tuyến cống đường phố về trạm xử lý tập trung của khu vực. Chiều sâu chôn cống tối thiểu là 0,7m, tối đa ~ 5m tính tới đỉnh cống. Tại các vị trí có độ sâu chôn cống quá lớn đặt trạm bơm chuyển tiếp.

Hệ thống đường cống thoát nước đường kính D300- D400 bằng BTCT, độ dốc tối thiểu $i = 1/d$.

Đường ống áp lực dùng ống thép tráng kẽm, tuyến ống áp lực bố trí 2 ống đi song song để đảm bảo an toàn trong vận hành khi có sự cố. Các ống áp lực sử dụng trong khu vực có đường kính D100 – D200. Đường ống áp lực chôn sâu 1m.

Trạm bơm chuyển tiếp sử dụng máy bơm nhúng chìm kiểu ướt, phần nhà trạm xây chìm và có thể kết hợp với giếng thăm để tiết kiệm diện tích đất và đảm bảo mỹ quan đô thị.

Đối với khu vực dân cư hiện trạng, trước mắt xử lý nước thải cục bộ tại hộ gia đình bằng bể tự hoại 3 ngăn hợp quy cách, khuyến khích sử dụng các loại bể tự hoại cải tiến. Từng bước xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom tập trung về trạm XLNT tập trung.

Trạm XLNT sinh hoạt tập trung dự kiến áp dụng công nghệ xử lý nước thải sinh học nhân tạo. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn B đối với khu đô thị xa biển và loại A đối với các khu đô thị và du lịch gần biển theo QCVN14:2008/BTNMT, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Đối với các khu du lịch và các khu đô thị đang hình thành và trong tương lai yêu cầu xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn loại A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Bố trí hồ chứa nước sau xử lý. Hồ chứa có tác dụng kiểm soát chất lượng nước sau xử lý, dự phòng trường hợp trạm XLNT xảy ra sự cố. Nước trong hồ sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch. Dự phòng trường hợp trạm XLNT gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, đề xuất không xả nước thải sau xử lý trực tiếp ra sông và đầm.

Dự kiến quy hoạch mới các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung các khu vực đô thị:

+ Trạm Bình Dương công suất 2.000-3.000m³/ngđ phục vụ khu vực đô thị Bình Dương và khu vực lân cận. Quỹ đất bố trí khoảng 0,5ha

+ Trạm Phù Mỹ 3.000 - 4.000m³/ngđ phục vụ khu vực đô thị Phù Mỹ và các khu vực lân cận. Quỹ đất bố trí khoảng 1ha

+ Trạm Mỹ Chánh công suất 2.500m³/ngđ phục vụ khu vực Đô thị Mỹ Chánh. Quỹ đất bố trí khoảng 0,7ha

+ Trạm Mỹ Thành công suất 5.000-6000m³/ngđ phục vụ khu vực Mỹ Thành, Mỹ Thọ và vùng ven biển lân cận. Quỹ đất bố trí khoảng 1ha

+ Trạm Mỹ An công suất 3.000m³/ngđ phục vụ khu vực Mỹ An. Quỹ đất bố trí khoảng 1ha

+ Trạm Mỹ Hiệp công suất 1.500m³/ngđ phục vụ khu vực Mỹ Hiệp. Quỹ đất bố trí khoảng 0,5ha

+ Trạm Mỹ Đức công suất 1.000m³/ngđ phục vụ khu vực Mỹ Đức. Quỹ đất bố trí khoảng 0,5ha

Khu vực nông thôn nước thải xử lý phân tán, nước thải xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trong các công trình sau đó được thoát chung với hệ thống nước mưa, tận dụng các nguồn nước mặt như kênh-mương-ao-hồ để xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên.

Do điều kiện kinh tế và tiến độ xây dựng, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải không thể xây dựng hoàn chỉnh ngay trong giai đoạn đầu. Để giảm bớt ô nhiễm môi trường, nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình, bể xây 3 ngăn đúng quy cách. Có thể sử dụng bể tự hoại cải tiến có dòng chảy ngược và ngăn lọc (BASTAF) để giảm bớt ô nhiễm nước thải đầu ra. Các dự án triển khai trong phạm vi quy hoạch khi xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải cần tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, chọn vị trí khu xử lý nước thải, cao độ điểm xả thải phù hợp để thuận tiện cho việc đấu nối với hệ thống chung sau này

Thu gom và xử lý nước thải y tế: Nước thải y tế phải được xử lý đạt loại B theo QCVN 28:2010/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung.

Đối với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp bắt buộc xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát chung. Các khu vực công nghiệp xây dựng các trạm xử lý cục bộ trong dự án. Nước thải công nghiệp sau xử lý đạt chuẩn B theo QCVN 40/2011/BTNMT, quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp.

6.6.3 Định hướng thu gom và xử lý chất thải rắn

a. Tiêu chuẩn và dự báo khối lượng chất thải rắn (CTR)

CTR sinh hoạt: 0,6- 1,3 kg/ng.ngđ

CTR công cộng, dịch vụ: 10- 20% CTR sinh hoạt.

CTR công nghiệp: 0,3 tấn/ha/ngày

Bảng 21: Bảng dự báo nguồn phát thải

STT	Nguồn phát thải	2035
1	Sinh hoạt	167

2	Công cộng	33
3	Công nghiệp	370
	Tổng	571

Tổng lượng CTR huyện Phù Mỹ đến 2035 khoảng 578 tấn/ngày (trong đó tổng lượng chất thải công nghiệp khoảng 370 tấn/ngày)

b. Giải pháp thu gom chất thải rắn

Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại sơ cấp tại nguồn thành 2 loại:

+ Chất thải rắn vô cơ gồm kim loại, giấy, bao bì thuỷ tinh v.v.. được định kì thu gom

+ Chất thải rắn hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày.

Tại các cơ quan, trường học, công trình công cộng... đều được bố trí các thùng rác công cộng ở trong khuôn viên các công trình này. Thùng thu gom được để cạnh đường đi để tiện cho việc thu gom của công nhân.

CTR y tế: Phân loại tại nguồn. CTR thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR y tế nguy hại phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường tại bệnh viện hoặc tại khu xử lý rác thải nguy hại theo quy định của tỉnh.

CTR công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: cần tổ chức phân loại tại nguồn, tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm. CTR nguy hại thu gom và chuyên đi riêng về xử lý tại khu xử lý theo quy định của tỉnh tại Cát Nhơn- Cát Hưng; CTR thông thường chuyên đi cùng CTR sinh hoạt của đô thị về các khu xử lý tập trung theo Quy hoạch của huyện.

Dự kiến đến năm 2030 là 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Về dài hạn 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý (tận thu, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện). Tỷ lệ chôn lấp tối đa 15- 20%.

Dự kiến giai đoạn đầu mở rộng Bãi chôn lấp CTR tại xã Mỹ Phong quy mô khoảng 15ha; giai đoạn dài hạn chất thải rắn được thu gom, vận chuyển xử lý tập trung tại Khu xử lý CTR cấp Tỉnh tại thị xã Hoài Nhơn (theo Quy hoạch tỉnh).

Mỗi khu vực đô thị bố trí 1- 2 trạm trung chuyển CTR. Trạm trung chuyển có quy mô khoảng 500- 1.000 m², cần có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật. CTR chỉ lưu giữ 1 ngày trước khi chuyển đi, sau khi chuyển đi cần vệ sinh theo quy định. Khu vực nông thôn mỗi xã xây dựng 1 trạm trung chuyển cỡ nhỏ 100- 200m².

6.6.4 Định hướng quản lý nghĩa trang

Trong giai đoạn đầu, tiếp tục tổ chức lại và sử dụng các nghĩa trang tồn tại hiện trạng trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới hoặc quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt.

Đối với các nghĩa trang nằm trong ranh giới quy hoạch, hoặc các nghĩa trang phân tán tiến hành đóng cửa, di dời có lộ trình về các nghĩa trang tập trung.

Các nghĩa trang tập trung theo xã hiện có tiếp tục sử dụng, khi hết diện tích sẽ xây dựng kế hoạch đóng cửa, dừng sử dụng, trồng cây xanh cách ly. Khi có nhu cầu sử dụng đất sẽ di chuyển.

Về dài hạn, thực hiện chôn cất tại 02 nghĩa trang tập trung quy hoạch xây dựng mới của huyện, diện tích mỗi nghĩa trang từ 10-15ha (phía Bắc tại xã Mỹ Lộc và phía Nam tại xã Mỹ Hiệp); Khuyến khích các tổ chức đầu tư xây dựng cơ sở hỏa táng tại 02 nghĩa trang; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng dịch vụ hỏa táng. Vị trí chính xác các nghĩa trang cấp huyện được xác định trong giai đoạn Quy hoạch chung xây dựng xã hoặc Quy hoạch phân khu.

7. ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC)

7.1 Tổng quan chung

a. Phạm vi và nội dung nghiên cứu

Phạm vi và giới hạn ĐMC trong đồ án bao gồm các vấn đề môi trường chính liên quan đến quy hoạch như: chất lượng không khí và tiếng ồn, đất, nước, cây xanh, nước ngầm, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn.

b. Phương pháp thực hiện

Sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp liệt kê.

Phương pháp kế thừa các nghiên cứu khác

Phương pháp ma trận.

Phương pháp chuyên gia.

7.2 Các tiêu chí môi trường

Để xác định các tiêu chí đánh giá môi trường cần căn cứ vào các chỉ số môi trường, đây là yếu tố quan trọng xem xét các nguy cơ, đánh giá rủi ro đối với từng dự án thành phần trong giai đoạn xây dựng và vận hành. Việc xác định đúng các tiêu chí đánh giá tác động môi trường: sẽ giúp thực hiện thành công ĐMC và giúp đề xuất được những khuyến nghị có ích cho việc ra quyết định.

Các tiêu chí đánh giá môi trường trong quy hoạch chi tiết sẽ đưa ra các thông tin về những thay đổi môi trường và các yếu tố chịu tác động khi thực hiện các dự án thành phần.

Các tiêu chí này sẽ được sử dụng trong chương trình quan trắc và giám sát môi trường khi thực hiện quy hoạch.

Bảng 22: Bảng tiêu chí môi trường

Tiêu chí	Chỉ số
Ô nhiễm đất	- Nhiễm dầu mỡ; tích lũy kim loại nặng và các chất hữu cơ khó phân hủy
Chất lượng nước mặt và chế độ thủy văn	- pH, COD, BOD, SS - Phì dưỡng - Cao độ, lưu lượng nước hồ.
Chất lượng nước ngầm	- Nitrate, các chất hữu cơ khó phân hủy, coliform - Sụt giảm trữ lượng.
Chất lượng không khí	- Bụi, mùi, PM10, SO2, NOx, CO - Độ ồn, rung - Bức xạ nhiệt
Biến đổi khí hậu	- Tích lũy khí thải nhà kính - Tần suất lũ lụt, hạn hán
Sức khỏe cộng đồng	- Thay đổi cơ cấu bệnh tật - Xuất hiện dịch bệnh

7.3 Đánh giá sự thống nhất giữa mục tiêu quy hoạch và mục tiêu môi trường - Sự phù hợp với quy hoạch cấp trên

Mục tiêu quy hoạch cụ thể hóa những chiến lược quy hoạch thống nhất với mục tiêu môi trường của các quy hoạch cấp trên nhằm tạo ra một khu vực phát triển bền vững về kinh tế - xã hội – môi trường cụ thể là:

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, dịch vụ. Cải thiện cảnh quan và môi trường. Ngăn chặn việc sử dụng đất sai mục đích.

Bảo vệ môi trường nước đầm Trà Ô, đầm Đề Gi, và các nguồn nước mặt, nước ngầm để sử dụng cho mục đích sinh hoạt, sử dụng nước tiết kiệm và duy trì sự bền vững của các nguồn nước.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng hiện hành, khớp nối đồng bộ giữa khu vực xây dựng mới với khu vực dân cư hiện trạng và các dự án xung quanh theo quy hoạch. Xây dựng đô thị hiện đại, đầy đủ các chức năng và tiện ích, nâng cao đời sống nhân dân.

Phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện môi trường và xây dựng các khu dân cư nông thôn hướng tới các tiêu chí về vệ sinh môi trường và đầy đủ tiện nghi, nâng cao điều kiện sống cho người dân nông thôn

7.4 Xu hướng diễn biến môi trường khi không thực hiện quy hoạch

Như đã phân tích trong phần hiện trạng, hiện trạng môi trường khu vực nghiên cứu còn tương đối tốt, các yếu tố gây ô nhiễm đã được kiểm soát. Tuy nhiên khu vực đang có những dự án xây dựng lớn, ước tính khi hình thành sẽ ảnh hưởng rất lớn đến lượng thải phát sinh. Cụ thể như sau:

Xu thế diễn biến chính nếu không kiểm soát sẽ là sự gia tăng về nước thải, chất thải, ô nhiễm môi trường không khí tại các điểm công trường, khai thác vật liệu xây dựng, bãi đỗ xe, các điểm tập trung CTR, nhà vệ sinh công cộng. Áp lực về giao thông sẽ gây ùn tắc các tuyến chính, ảnh hưởng đến môi trường không khí và tiếng ồn, gây ra mất an toàn giao thông.

Sản xuất nông nghiệp cùng với việc sử dụng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật thiếu kiểm soát sẽ làm trầm trọng thêm hiện tượng ô nhiễm môi trường đất đã có dấu hiệu xuất hiện. Cùng với CTR không được thu gom triệt để, bao bì các loại thuốc BVTV sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, đất, ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường.

Các khu nghĩa địa hiện trạng, các khu mộ rải rác sẽ tiếp tục phát triển không kiểm soát gây ô nhiễm không chỉ về môi trường mà còn cảnh quan, gây khó khăn cho công tác giải phóng, đền bù sau này khi thực hiện quy hoạch.

Ở một khía cạnh khác việc không thực hiện quy hoạch sẽ không phải di chuyển một số hộ dân hiện đang định cư ổn định trong khu vực nghiên cứu. Diện tích đất nông nghiệp, di tích cũng không bị ảnh hưởng. Tâm lý người dân không bị xáo trộn, đặc biệt là vấn đề tâm linh khi di chuyển nghĩa địa hiện trạng.

Ngoài ra nằm trong xu hướng chung, huyện Phù Mỹ chịu ảnh hưởng những tác động của biến đổi khí hậu chủ yếu là từ gia tăng nhiệt độ và sự thay đổi chế độ mưa dẫn đến việc thay đổi chế độ nhiệt đô thị và chế độ thủy văn, địa chất thủy văn. Các thay

đòi về chế độ nhiệt và chế độ thủy văn, địa chất thủy văn sẽ gây ra tác động chủ yếu đến công tác tiêu thoát nước và ảnh hưởng xấu tình trạng môi trường nước trong khu vực nghiên cứu.

7.5 Kết luận về Đánh giá môi trường chiến lược

Phần đánh giá môi trường chiến lược trong đề án quy hoạch tuân thủ theo các nội dung đã được nêu trong đề án Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đã được phê duyệt năm 2023, đã đưa ra các tác động của quá trình xây dựng và khi hoàn thành đi vào sử dụng đến môi trường sống. Đưa ra được biện pháp giảm thiểu tác động và các biện pháp hợp lý để có thể kiểm soát, hạn chế các tác động đó đến chất lượng môi trường; Đảm bảo xây dựng đồng bộ đáp ứng nhu cầu chung của thành phố, đồng thời hướng đến mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu sống cho nhân dân trong khu vực.

Tuy nhiên, trong phạm vi một đánh giá môi trường chiến lược, các đánh giá chủ yếu mang tính định tính, chưa cụ thể về định lượng, các vấn đề cụ thể cần được tiếp tục nghiên cứu giải quyết tiếp trong giai đoạn nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình và khai thác sử dụng sau này qua các đánh giá tác động môi trường chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

8. CHƯƠNG TRÌNH CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 đã tổng hợp được các dự án đầu mối khung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong giai đoạn ngắn hạn 2021 - 2025:

Bảng 23: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư đợt đầu (2021 -2025)

TT	Danh mục dự án	Tổng mức	Nguồn vốn
		đầu tư	
		(tr. đồng)	
A	CÁC DA CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI-DV, ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH	6.139.800	
1	Khu đô thị Dương Liễu Nam	1.610.000	Nhà đầu tư
2	Bến xe Phù Mỹ	22.000	Nhà đầu tư
3	Bến xe An Lương	30.000	Nhà đầu tư
4	Chợ Bình Dương	150.000	Nhà đầu tư
5	TT Thương mại – DV Trà Quang Nam	100.000	Nhà đầu tư
6	Điểm du lịch Hải Đăng hòn nước	460.000	Nhà đầu tư
7	Điểm du lịch Mũi Vi Rồng xã Mỹ Thọ	460.000	Nhà đầu tư
8	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp trồng trọt và bảo tồn thiên nhiên	460.000	Nhà đầu tư
9	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến phát triển tôm Mỹ Thành	2.093.000	Nhà đầu tư
10	CCN Tân Tường An	320.000	Nhà đầu tư
11	CCN Thủy sản Mỹ Thành	166.000	Nhà đầu tư
12	Nâng cấp Chợ Phù Mỹ	10.000	Ngân sách NN
13	Trung tâm hoạt động Văn hóa - Thể thao huyện Phù Mỹ	51.800	Ngân sách NN
14	Sửa chữa, nâng cấp 02 Trạm y tế xã Mỹ Thọ và xã Mỹ Trinh	9.000	Ngân sách NN
15	CT, NC Trạm y tế các xã Mỹ Đức, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Hòa và thị trấn Phù Mỹ	20.000	Ngân sách NN
16	Nhà làm việc CA xã	64.000	Ngân sách NN
17	Hoàn thiện HTKT CCN Bình Dương, Diêm Tiêu và Đại Thạnh	120.000	NSNN+khác
B	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG	2.199.850	
1	Giao thông	1.060.000	
1.1	Đường tỉnh ĐT.632	40.000	Ngân sách NN
1.2	Đường tỉnh ĐT.639	60.000	Vốn ODA
1.3	Đường tỉnh 638	300.000	Ngân sách NN

TT	Danh mục dự án	Tổng mức	Nguồn vốn
		đầu tư	
		(tr. đồng)	
1.4	Đường Lạc Sơn – Tân Phụng (có đoạn Đèo Nhông – Mỹ Thọ)	150.000	Ngân sách NN
1.6	Đường Nhà Đá – An Lương	50.000	Ngân sách NN
1.7	Đường Quốc lộ 1A – Truong Gia Ván	20.000	Ngân sách NN
1.8	Đường Văn Trường – Mỹ Thắng	4.000	Ngân sách NN
1.9	Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh huyện Phù Cát	436.000	Ngân sách NN
2	Thoát nước	426.850	
2.1	Trục tiêu đề sông Bến Trĩ (thuộc hệ thống sông La Tinh)	115.000	Ngân sách NN
2.2	Đê sông La Tinh	68.500	Ngân sách NN
2.3	Xây mới tuyến kè ven đầm Đê Gi kết hợp giao thông	14.000	Ngân sách NN
2.4	Xây dựng đê ngăn mặn bờ trái hạ lưu đập Hòa Tân	1.400	Ngân sách NN
2.5	Sửa chữa đập ngăn mặn Mỹ Thành	5.650	Ngân sách huyện
2.6	Xây dựng các đập dâng	43.000	Ngân sách NN
2.7	Sửa chữa nâng cấp các hồ chứa trên địa bàn huyện	156.000	Ngân sách NN
2.8	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ (giai đoạn 2)	23.300	Ngân sách NN
3	Cấp nước	50.000	
3.1	Nâng công suất, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước các Trạm cấp nước Phù Mỹ, Bình Dương, Mỹ Thành, Mỹ Phong, Mỹ Chánh, Mỹ Đức	20.000	Ngân sách NN
3.2	Bổ sung nguồn nước NMN Phù Mỹ	30.000	Ngân sách NN
4	Thoát nước thải, QL CTR và nghĩa trang	480.000	
4.1	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải thị trấn Phù Mỹ công suất GĐ1 3.000m ³ /ngđ	250.000	Vốn khác
4.2	Cải tạo mở rộng khu xử lý chất thải rắn Mỹ Phong quy mô 15ha	30.000	Ngân sách NN
4.3	Đầu tư xây dựng 02 nghĩa trang cấp huyện 10-15ha/ngĩa trang	200.000	Nhà đầu tư
5	Thông tin liên lạc	27.000	
5.1	Nâng cấp trạm vệ tinh Phù Mỹ	2.000	Vốn nhà mạng
5.1	Cải tạo hạ ngầm mạng cáp quang khu đô thị	25.000	Vốn nhà mạng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức	Nguồn vốn
		đầu tư	
		(tr. đồng)	
6	Cấp điện	156.000	
6.1	Nâng cấp trạm 110kV Phù Mỹ	25.000	Vốn ngành điện
6.2	Nâng cấp trạm 110kV Phù Mỹ Thành	81.000	Vốn ngành điện
6.3	Xây mới trạm 110kV Phù Mỹ 2	50.000	Vốn ngành điện
	TỔNG CỘNG (A+B)	8.339.650	

Bổ sung danh mục đầu tư trong giai đoạn tiếp theo:

- Hồ chứa nước: Hóc Sinh, Phú Hà (nâng cấp cụm công trình đầu mối), Đập Ký, Đội 10, Hóc Lách (trại cá Mỹ Châu), Hải Lương, Mù U;

- Sửa chữa, nâng cấp 05 trạm bơm: Chánh Khoan, An Giang, Mỹ Trang, Vực Đồi, Đồng Thiên Tế;

- Đầu tư xây dựng mới 02 trạm bơm sử dụng nguồn nước đầm Trà Ô: Phú Ninh, xã Mỹ Lợi (vị trí bên cạnh trạm bơm Vực Đồi, tưới cho 450 ha của xã Mỹ Phong, Mỹ Lợi) và Thôn Tư, xã Mỹ Thắng (vị trí nằm cạnh trạm bơm Phú Lộc, tưới cho 250 ha của xã Mỹ Thắng, Mỹ An).

9. KIẾN NGHỊ KẾT LUẬN

9.1 Kết luận

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 đã cụ thể hóa các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian của khu vực phát triển đô thị tập trung và các điểm dân cư nông thôn trong huyện; kết nối hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn trên địa bàn toàn huyện Phù Mỹ, hướng tới huyện nông thôn mới.

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện huyện Phù Mỹ đến năm 2035 đã nghiên cứu khớp nối các chủ trương, chính sách của Quốc gia và của tỉnh đề xuất mạng lưới đô thị nông thôn phù hợp với tiềm năng lợi thế đã có của huyện. Phát triển vùng huyện Phù Mỹ không chỉ liên quan đến tỉnh Bình Định mà còn có rất nhiều vấn đề liên quan tới vùng liên tỉnh, cần được sự quan tâm hỗ trợ của các sở ban ngành và các đơn vị có liên quan.

9.2 Kiến nghị

1. Trong quá trình báo cáo thông qua các cấp, kính đề nghị Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Phù Mỹ phối hợp với các đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp rà soát, cung cấp tài liệu, số liệu để đơn vị tư vấn nghiên cứu, hoàn thiện phương án quy hoạch phù hợp với thực tiễn.

2. Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt./.

10. PHỤ LỤC

1. Văn bản liên quan
2. Bản vẽ A3.